

CÔNG TY CỔ PHẦN PVN

-----o0o-----

BÁO CÁO ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN “SẢN XUẤT TEM NHÃN GIẤY, VINYL DÙNG
CHO SẢN PHẨM ĐỒ GIA DỤNG, ĐIỆN TỬ,
TEM TIÊU HAO SẢN XUẤT”

Địa điểm: Lô 44D, KCN Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội, Việt Nam
(thuê lại nhà xưởng của Công ty Cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương)

Hà Nội, /2026

CÔNG TY CỔ PHẦN PVN

-----o0o-----

BÁO CÁO ĐĂNG KÝ MÔI TRƯỜNG
DỰ ÁN “SẢN XUẤT TEM NHÃN GIẤY, VINYL DÙNG
CHO SẢN PHẨM ĐỒ GIA DỤNG, ĐIỆN TỬ,
TEM TIÊU HAO SẢN XUẤT”

Địa điểm: Lô 44D, KCN Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội, Việt Nam
(thuê lại nhà xưởng của Công ty Cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương)

Chủ dự án
CÔNG TY CỔ PHẦN PVN



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thế Tuấn

Hà Nội, /2026

MỤC LỤC

1. Thông tin chung về dự án đầu tư, cơ sở	6
1.1. Thông tin chung về dự án đầu tư, cơ sở.....	6
1.2. Quy mô, công suất của dự án (được phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công):.....	9
1.2.1. Mục tiêu, quy mô Dự án:.....	9
1.2.2. Quy mô đầu tư Dự án:	9
1.2.3. Quy mô các hạng mục công trình của Dự án:	10
1.2.3.1. Các hạng mục công trình chính.....	11
1.2.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ.....	11
1.3. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:	14
1.3.1. Mục tiêu của dự án	14
1.3.2. Loại hình dự án.....	14
1.4. Công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư.....	15
2. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư	17
2.1. Nhu cầu sử dụng nguyên nhiên, vật liệu, hóa chất.....	17
2.2. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ giai đoạn vận hành dự án	20
3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của dự án đầu tư:	21
3.1. Loại và khối lượng phát sinh nước thải, nước mưa.....	21
3.2. Nguồn và lưu lượng khí thải phát sinh.....	24
3.3. Loại và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:.....	30
3.4. Loại và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:	31
4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của dự án đầu tư, cơ sở:	32
4.1. Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải phát sinh:.....	32
4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn	34
4.3. Phương án thu gom, quản lý và xử lý bụi phát sinh:	35
4.4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn, CTNH:.....	37
5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường:	39

DANH MỤC BẢNG

Bảng 1. Các hạng mục công trình của Công ty	7
Bảng 2. Quy mô, công suất sản xuất của nhà máy trong 01 năm	9
Bảng 3. Tổng hợp các hạng mục công trình của dự án	10
Bảng 4. Các hạng mục công trình chính	11
Bảng 5. Các hạng mục công trình phụ trợ	11
Bảng 6. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường	12
Bảng 7. Nhu cầu nguyên, vật liệu, hóa chất phục vụ giai đoạn hoạt động của Dự án	18
Bảng 8. Danh mục máy móc, thiết bị chính sử dụng cho hoạt động của dự án	20
Bảng 9. Hàm lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý (tính toán cho 150 người)	21
Bảng 10. Hệ số ô nhiễm đối với các loại xe của một số chất ô nhiễm chính	24
Bảng 11. Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải từ các phương tiện vận chuyển trong giai đoạn hoạt động	25
Bảng 12. Các hệ số khuếch tán chất ô nhiễm theo phương Z (σ_z)	26
Bảng 13. Kết quả tính toán phát tán nồng độ các chất ô nhiễm	26
Bảng 14. Tải lượng bụi cuốn theo phát sinh do các phương tiện vận chuyển	27
Bảng 15. Tải lượng, nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải máy phát điện	29
Bảng 16. Các hợp chất gây mùi liên quan với chất thải sinh hoạt chưa xử lý	29
Bảng 17. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình vận hành Dự án	30
Bảng 18. Dự báo khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại Dự án	31
Bảng 19. Thành phần chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh tại Dự án	32

DANH MỤC HÌNH

Hình 1. Vị trí khu nhà xưởng thuê để thực hiện dự án	8
Hình 2. Sơ đồ thoát nước mưa khu vực nhà máy	13
Hình 3. Quy trình công nghệ sản xuất tem nhãn giấy, vinyl dùng cho sản phẩm đồ gia dụng, điện tử, tem tiêu hao sản xuất tại Dự án	15
Hình 4. Hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Dự án	33
Hình 5. Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn	34
Hình 6. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa khu vực dự án	35

CÔNG TY CỔ PHẦN PVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **08** /ĐKMT-PVN

Quang Minh, ngày **8** tháng **9** năm 2026

V/v đăng ký môi trường Dự án
“Sản xuất tem nhãn giấy, vinyl dùng
cho sản phẩm đồ gia dụng, điện tử,
tem tiêu hao sản xuất”

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp
thành phố Hà Nội

Công ty Cổ phần PVN là Chủ Dự án “Sản xuất tem nhãn giấy, vinyl dùng cho sản phẩm đồ gia dụng, điện tử, tem tiêu hao sản xuất” thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17 tháng 11 năm 2020 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 146/2025/QH15 thông qua ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực Nông nghiệp và Môi trường) và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025), Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Địa điểm trụ sở chính: Lô 44D, KCN Quang Minh, thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam (nay là Lô 44D, KCN Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội, Việt Nam - thuê lại nhà xưởng của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thái Bình Dương).

Địa điểm thực hiện dự án: Lô 44D, KCN Quang Minh, thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam (nay là Lô 44D, KCN Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội, Việt Nam - thuê lại nhà xưởng của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thái Bình Dương).

Địa chỉ liên hệ: Lô 44D, KCN Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội (thuê lại nhà xưởng của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thái Bình Dương).

Mã số doanh nghiệp: 1001007955

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 1001007955 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cũ (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội), cấp lần đầu ngày 22/5/2013, thay đổi lần thứ 6 ngày 30/9/2022.

Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 46/GXN-UBND ngày 28/7/2021 của UBND huyện Mê Linh (cũ) xác nhận cho Công ty Cổ phần PVN đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường dự án “Sản xuất tem, nhãn giấy dùng cho sản phẩm đồ điện gia dụng, điện tử”.

Hợp đồng thuê và cho thuê nhà xưởng số 2603/TBD-2021 ngày 26/3/2021 ký kết giữa Công ty Cổ phần Công nghiệp Thái Bình Dương (đơn vị cho thuê nhà xưởng) và Công ty TNHH Thương mại và Dịch vụ PVN (nay đổi tên thành Công ty Cổ phần PVN).

- Người đại diện theo pháp luật của chủ dự án đầu tư:

+ Họ và tên: Ông **Nguyễn Thế Duẩn** Chức danh: Giám đốc

+ Sinh ngày: 30/01/1984 Quốc tịch: Việt Nam

+ Điện thoại: 0904034386

+ Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân.

+ Số định danh cá nhân: 038084015012

+ Địa chỉ liên lạc: Thôn Vệ, xã Nam Hồng, huyện Đông Anh, thành phố Hà Nội cũ (nay là xã Phúc Thịnh, thành phố Hà Nội).

- Căn cứ thực hiện Đăng ký môi trường cho dự án:

+ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020;

+ Luật số: 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

+ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

+ Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 6/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của luật Bảo vệ môi trường;

+ Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025;

+ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Bảo vệ môi trường;

+ Thông tư 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của luật Bảo vệ môi trường;

+ Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày

10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025.

+ Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Trên cơ sở xem xét, dự báo, thống kê các loại chất thải phát sinh, các tác động môi trường có thể xảy ra trong quá trình hoạt động của dự án, cho thấy:

- Dự án không có các nguồn bụi, khí thải phải xử lý đạt quy chuẩn (quy chuẩn xả thải) trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Hoạt động của Dự án không phát sinh nước thải trực tiếp ra ngoài môi trường, cụ thể: Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ dự án được đơn vị cho thuê nhà xưởng (Công ty Cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương) thu gom, xử lý đảm bảo đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận của KCN Quang Minh, sau đó sẽ được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý tập trung của KCN Quang Minh để xử lý đảm bảo đạt Quy chuẩn trước khi thải ra ngoài môi trường.

- Khi dự án đi vào hoạt động có phát sinh các loại chất thải với khối lượng như sau: CTRSH khoảng 45 kg/ngày (tương đương 14.400 kg/năm), CTNH khoảng 977 kg/năm (> 240 kg/năm), CTR thông thường khoảng 188.070 kg/năm (> 1.200 kg/năm).

Đối chiếu với khoản 1 Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm a khoản 9 Điều 1 Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025 sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường và Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ thì Dự án “Sản xuất tem nhãn giấy, vinyl dùng cho sản phẩm đồ gia dụng, điện tử, tem tiêu hao sản xuất” không thuộc đối tượng phải cấp Giấy phép môi trường.

Đối chiếu Điều 32 Nghị định 08/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và khoản 14 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 6/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung một số khoản tại Điều 12 Nghị định số 148/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025) và khoản 3 Mục VII Phụ lục VIII Nghị quyết số 66.19/2026NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ cho thấy: Dự án Nhà máy sản xuất các sản phẩm nhựa Phú An thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường tại Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội (theo điểm a, khoản 10

Điều 2 Quyết định số 72/2026/QĐ-UBND ngày 19/6/2026 của UBND thành phố Hà Nội quy định BQL các Khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội có trách nhiệm tiếp nhận đăng ký môi trường đối với các dự án đầu tư, cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ hoạt động trong KCNC và KCN trên địa bàn thành phố Hà Nội).

Trên cơ sở đó, Công ty Cổ phần PVN đăng ký môi trường cho Dự án “Sản xuất tem nhãn giấy, vinyl dùng cho sản phẩm đồ gia dụng, điện tử, tem tiêu hao sản xuất” với các nội dung sau:

1. Thông tin chung về dự án đầu tư, cơ sở

1.1. Thông tin chung về dự án đầu tư, cơ sở

Công ty Cổ phần PVN hiện đang hoạt động dựa trên Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 1001007955 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cũ (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội), cấp lần đầu ngày 22/5/2013, thay đổi lần thứ 6 ngày 30/9/2022.

Năm 2021, Công ty đã lập Kế hoạch bảo vệ môi trường Dự án “Sản xuất tem, nhãn giấy dùng cho sản phẩm đồ điện gia dụng, điện tử” và được UBND huyện Mê Linh (cũ) cấp Giấy xác nhận đăng ký Kế hoạch bảo vệ môi trường số 46/GXN-UBND ngày 28/7/2021.

Hiện nay, Công ty có nhu cầu tăng quy mô, công suất nhà máy (tăng công suất và sản xuất thêm sản phẩm mới). Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 và các văn bản hướng dẫn của Luật BVMT, Công ty đã thực hiện Đăng ký môi trường tại UBND xã Quang Minh đảm bảo theo đúng quy định

1.2. Thông tin về đơn vị cho thuê nhà xưởng

Công ty Cổ phần Công nghiệp Thái Bình Dương (đơn vị cho thuê nhà xưởng) hoạt động dựa theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần mã số doanh nghiệp: 2500222131, do Phòng Đăng ký kinh doanh - Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội (cũ) cấp đăng ký lần đầu ngày 24/4/2009; đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 22/12/2020.

Công ty đã ký hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 80/2018/HĐ-XLNT ngày 15/12/2018 và Phụ lục số 01/2021/PLHĐ-NĐ; Phụ lục số 02 ngày 15/12/2023 với Công ty TNHH Đầu tư và Phát triển Hạ tầng Nam Đức.

1.3. Hiện trạng quản lý, sử dụng đất

Căn cứ theo Hợp đồng thuê và cho thuê nhà xưởng số 2603/TBD-2021 ngày 26/3/2021 và các Phụ lục Hợp đồng: số 02 ngày 21/02/2024 (thuê thêm 125 m² nhà xưởng tầng 1); số 01-TBD-PVN ngày 20/4/2021 (thay đổi thông tin tên Công ty); số 03 ngày 18/06/2024 (thuê thêm 358m² nhà xưởng tầng 2); số 04 ngày 25/11/2024 (thuê thêm 84,7m² kho cabin) ký kết giữa Công ty Cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương (đơn vị cho thuê nhà xưởng) và Công ty Cổ phần PVN thì Dự án được thực hiện tại Lô 44D, KCN Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội với tổng diện tích nhà

xưởng, hạng mục phụ trợ và sân bãi (các công trình kiến trúc khác) thuê lại là **3.307,7 m²** (trong đó, diện tích nhà xưởng, văn phòng, nhà kho: 2.907,7 m², nhà xe: 150m², sân đường: 250 m²).

Diện tích, quy mô nhà xưởng và các hạng mục công trình thuê để phục vụ hoạt động của dự án như sau:

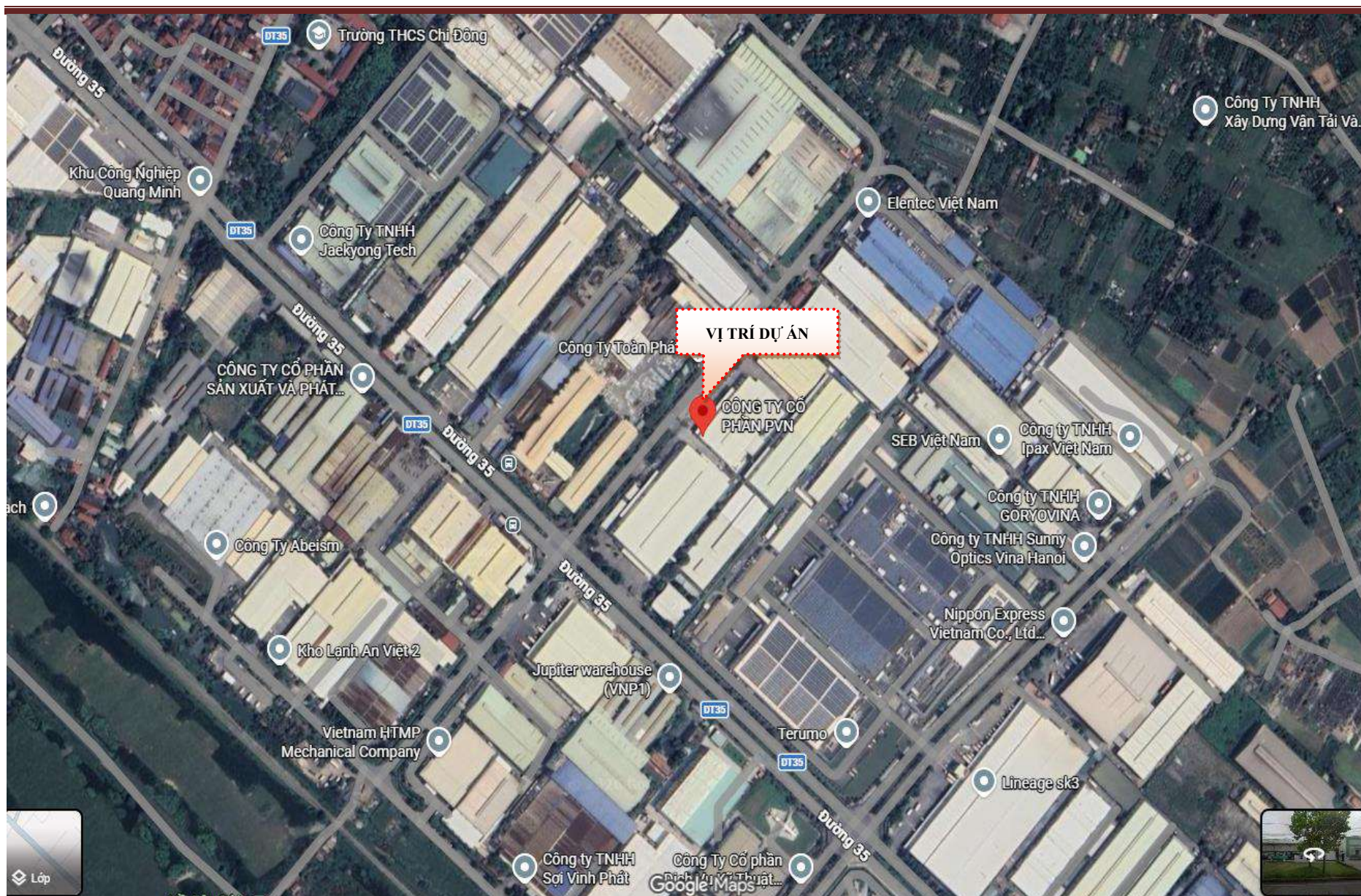
Bảng 1. Các hạng mục công trình của Công ty

TT	Hạng mục	Đơn vị	Diện tích thuê	Căn cứ
1	Một phần nhà xưởng (tầng 1 + tầng 2)	m ²	2.340	Theo Hợp đồng thuê xưởng số 2603/TBD-2021 ngày 26/3/2021
2	Khu vực nhà xe (ngoài canopy)	m ²	150	
3	Sân đường	m ²	250	
4	Một phần nhà xưởng tầng 1	m ²	125	Phụ lục 02 ngày 21/02/2024
5	Một phần nhà xưởng tầng 2	m ²	358	Phụ lục 03 ngày 18/06/2024
6	Kho cabin	m ²	84,7	Phụ lục 04 ngày 25/11/2024
Tổng			3.307,7	

Ghi chú:

- Nhà xưởng xây dựng theo kiến trúc tường panel.
- Đèn chiếu sáng tiêu chuẩn: LED 200LUX/m².
- Hệ thống chống sét cho nhà xưởng.
- Hệ thống PCCC bao gồm: Trạm bơm, hệ thống chữa cháy ngoài nhà. Hệ thống chữa cháy tự động áp mái, hệ thống chữa cháy họng nước vách tường, hệ thống báo cháy tự động và hệ thống đèn exit, sự cố.
- Hệ thống văn phòng.

Ngoài ra, khu vực xưởng đã được Công ty Cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương đã đầu tư xây dựng các hạng mục công trình phụ trợ khác như: hệ thống cung cấp điện, cung cấp nước, thoát nước mưa, thoát nước thải,... đồng bộ cho toàn lô đất để phục vụ hoạt động sản xuất của nhà máy.



Hình 1. Vị trí khu nhà xưởng thuê để thực hiện dự án

- *Vốn đầu tư*: Tổng vốn đầu tư dự kiến của dự án là **25.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng).

1.2. Quy mô, công suất của dự án (được phân loại theo tiêu chí của pháp luật về đầu tư công):

Dự án thực hiện sản xuất tem, nhãn giấy, vinyl dùng cho sản phẩm đồ gia dụng, điện tử, tem tiêu hao sản xuất với quy mô, công suất của nhà máy cụ thể như sau:

1.2.1. Mục tiêu, quy mô Dự án:

a) *Mục tiêu của dự án*: Sản xuất tem, nhãn giấy, vinyl dùng cho sản phẩm đồ gia dụng, điện tử, tem tiêu hao sản xuất.

b) *Công suất của dự án đầu tư*:

b1/ Quy mô, công suất của Dự án

- Quy mô công suất sản xuất: Dự án thực hiện sản xuất tem, nhãn giấy, vinyl dùng cho sản phẩm đồ gia dụng, điện tử, tem tiêu hao sản xuất với quy mô, công suất cụ thể như sau:

Bảng 2. Quy mô, công suất sản xuất của nhà máy trong 01 năm

STT	Sản phẩm	Đơn vị	Công suất
1	Tem, nhãn giấy, vinyl dùng cho sản phẩm đồ gia dụng, điện tử, tem tiêu hao sản xuất.	Tấn/năm	500

[Nguồn: Công ty Cổ phần PVN]

- Quy mô diện tích dự án: **3.307,7 m²** (Thuê nhà xưởng của Công ty Cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương). Trong đó:

+ Diện tích nhà xưởng, nhà kho, văn phòng: 2.907,7 m².

+ Khu vực nhà xe (ngoài canopy): 150 m².

+ Sân đường: 250 m².

b2/ Quy mô sử dụng lao động của Dự án

Hiện tại, số lượng cán bộ công nhân viên làm việc tại nhà máy khoảng 100 người. Khi dự án đi vào hoạt động ổn định, tổng số lượng cán bộ, công nhân viên làm việc tại Nhà máy khoảng: 150 người.

1.2.2. Quy mô đầu tư Dự án:

Tổng mức đầu tư của dự án là: **25.000.000.000 đồng** (Bằng chữ: Hai mươi lăm tỷ đồng chẵn).

➔ Theo quy định tại điểm d, khoản 4, Điều 9 và khoản 3, Điều 11, Luật Đầu tư công số 58/2024/H15 thì **dự án thuộc nhóm C** (dự án công nghiệp có tổng mức đầu tư

dưới 120 tỷ đồng). Dự án thực hiện sản xuất tem nhãn giấy, vinyl dùng cho sản xuất đồ gia dụng, điện tử, tem tiêu hao sản xuất nên không thuộc danh mục loại hình có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025. Ngoài ra, khi dự án đi vào hoạt động không phát sinh bụi, khí thải trực tiếp ra ngoài môi trường phải được xử lý (cụ thể: hoạt động sản xuất của nhà máy có khả năng phát sinh mùi, hơi dung môi từ công đoạn in và vệ sinh bản in. Tuy nhiên, hàm lượng phát sinh theo tính toán không lớn, nằm trong giới hạn cho phép của Tiêu chuẩn, quy chuẩn; Công ty áp dụng một số biện pháp giảm thiểu phù hợp như nhà xưởng được thiết kế theo tiêu chuẩn phòng sạch, lắp đặt các hệ thống điều hòa, thông trần xung quanh nhà xưởng, đảm bảo không khí bên trong được lọc và làm sạch liên tục, điều hòa vi khí hậu bên trong nhà xưởng; nước thải phát sinh được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN Quang Minh để xử lý đạt cột A QCVN 40:2011/BTNMT mà không trực tiếp thải ra ngoài môi trường,...). Vì vậy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 49 của Luật Bảo vệ môi trường năm 2020 thì Dự án có phát sinh chất thải không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường mà thuộc đối tượng đăng ký môi trường tại Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội.

1.2.3. Quy mô các hạng mục công trình của Dự án:

Công ty Cổ phần PVN thuê lại nhà xưởng và các công trình kiến trúc khác của Công ty Cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương. Các hạng mục công trình của dự án bao gồm:

Bảng 3. Tổng hợp các hạng mục công trình của dự án

TT	Hạng mục	Diện tích (m ²)	Ghi chú
1	Nhà xưởng	2.907,7	Bố trí nhà xưởng kết hợp văn phòng, nhà kho phục vụ hoạt động sản xuất của nhà máy.
2	Kho cabin	84,7	Kho chứa vật tư, dụng cụ, linh phụ kiện,... phục vụ cho hoạt động sản xuất và bố trí khu lưu giữ chất thải tạm thời.
3	Khu vực nhà xe	150	Bố trí để xe của cán bộ, công nhân viên làm việc tại nhà máy.
4	Sân đường	250	Diện tích sân bãi, đường giao thông nội bộ.
5	Nhà vệ sinh	-	Bố trí tại khu nhà xưởng, văn phòng. Phục vụ nhu cầu sinh hoạt của cán bộ, công nhân viên làm việc tại nhà máy (bố trí thành 02 phòng nam, nữ).

6	Khu nhà ăn	-	Cán bộ, công nhân viên thực hiện ăn ca tại khu văn phòng thuộc khu nhà xưởng.
7	Khu lưu giữ rác thải tạm thời	-	Bố trí trong kho cabin (diện tích khoảng 60 m ²).
8	Hệ thống cấp thoát nước, hệ thống cấp điện	-	Đã được Công ty Cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương đầu tư xây lắp đồng bộ.

[Nguồn: Công ty Cổ phần PVN]

1.2.3.1. Các hạng mục công trình chính

Hạng mục công trình chính của Dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 4. Các hạng mục công trình chính

TT	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Kết cấu
1	Nhà xưởng, văn phòng tổng hợp	2.340	- Bố trí các dây chuyền sản xuất các sản phẩm, nhà kho; khu văn phòng, phòng họp, ... - Kết cấu khung thép, mái tôn xanh, cửa cuốn, cửa thủy lực và cửa balen, cửa sổ nhôm kính có lưới sắt bảo vệ, hệ thống quạt thông gió, hệ thống vách balen bao quanh nhà xưởng và ngăn phòng, nhà xưởng trần thạch cao, nền nhà xưởng được đánh bóng sơn epoxy.
2	Kho cabin	84,7	Kho chứa vật tư, dụng cụ, linh phụ kiện và bố trí khu lưu giữ rác thải tạm thời....

[Nguồn: Công ty Cổ phần PVN]

1.2.3.2. Các hạng mục công trình phụ trợ

Các hạng mục công trình phụ trợ của Dự án được thể hiện trong bảng sau:

Bảng 5. Các hạng mục công trình phụ trợ

TT	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Kết cấu
1	Khu vực nhà xe (ngoài canopy)	150	Kết cấu khung thép, mái tôn, nền BTXM.
2	Nhà ăn	-	Bố trí tại khu văn phòng.
3	Nhà vệ sinh (02 nhà)	-	Bố trí tại khu nhà xưởng, văn phòng

[Nguồn: Công ty Cổ phần PVN]

Các hạng mục công trình phụ trợ khác:

❖ **Sân, đường giao thông nội bộ**

Sân và đường giao thông nội bộ của Công ty Cổ phần PVN là phần diện tích sử dụng chung. Toàn bộ sân, đường nội bộ được bê tông hóa, có hệ thống thoát nước mưa xung quanh, đảm bảo cho hoạt động của các phương tiện vận tải ra vào nhà máy.

❖ **Hệ thống cấp nước:**

Nguồn cấp nước cho dự án được lấy từ hệ thống nước sạch của KCN Quang Minh. Hạng cấp nước từ máy bơm được dẫn tới bể chứa nước ngầm của Công ty Cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương (đơn vị cho thuê nhà xưởng) và được dẫn tới từng khu vực sử dụng nước của Công ty Cổ phần PVN.

❖ **Hệ thống cấp điện:**

Sử dụng chung hệ thống cấp điện hiện trạng đã được Công ty Cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương lắp đặt sẵn. Nguồn cung cấp điện được lấy từ KCN Quang Minh qua 1 điểm đấu nối dẫn đến trạm biến áp có công suất 560 KVA sau đó cấp đến vị trí sử dụng điện của Công ty Cổ phần PVN (có lắp đặt đồng hồ đo).

❖ **Hệ thống PCCC:**

Nhà xưởng thực hiện dự án đã được Công ty Cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương xây dựng hệ thống PCCC theo đúng quy định hiện hành. Hệ thống phòng cháy chữa cháy tự động toàn nhà xưởng đã được Cảnh sát PCCC Hà Nội kiểm tra, cấp giấy chứng nhận thẩm duyệt thiết kế về phòng cháy chữa cháy (có Giấy xác nhận Số 130/TD-PCCC-P3 ngày 31/01/2018 đính kèm phụ lục báo cáo).

1.2.3.3. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường của Dự án được thể hiện trong bảng sau:

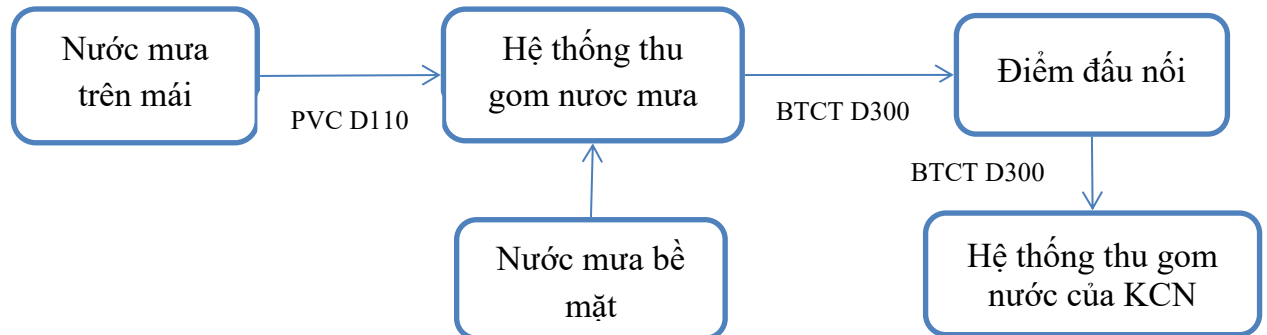
Bảng 6. Các hạng mục công trình bảo vệ môi trường

TT	Hạng mục công trình	Diện tích (m ²)	Kết cấu
1	Ngăn chứa rác thải sinh hoạt	5	Tổng diện tích khu lưu giữ rác thải tạm thời khoảng 60m ² . Kho được bố trí trong kho cabin. Kết cấu khung thép, mái tôn, tường bao quanh, nền bê tông, có biển báo, thùng chứa và có hệ thống PCCC.
2	Ngăn chứa CTRCNTT	10	
3	Ngăn chứa phế liệu	30	
4	Ngăn chứa CTNH	15	
5	Bể tự hoại 3 ngăn	-	Các bể tự hoại thuộc các khu nhà xưởng đã được Công ty Cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương (đơn vị cho thuê nhà xưởng) đầu tư xây dựng đồng bộ, đảm bảo thu gom, xử lý toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh. Kết cấu bể BTCT.

[Nguồn: Công ty Cổ phần PVN]

❖ Hệ thống thu gom, thoát nước mưa:

Sử dụng chung hệ thống thoát nước mưa đã được xây dựng sẵn. Hệ thống thoát nước mưa bao gồm hệ thống thoát nước mái và hệ thống thoát nước mặt, mô tả cụ thể như sau:



Hình 2. Sơ đồ thoát nước mưa khu vực nhà máy

- Hệ thống thoát nước mái: Nước mưa theo các ống dẫn PVC D110 từ trên mái các hạng mục công trình chảy xuống hệ thống cống thoát nước mặt ở phía dưới.

- Hệ thống thoát nước mặt: Hệ thống thoát nước mặt được xây dựng bằng bê tông cốt thép có kích thước D300 chạy xung quanh nhà xưởng và các công trình phụ trợ theo nguyên tắc tự chảy với độ dốc $I = 0,2\%$.

Trên hệ thống thoát nước mưa có bố trí các hố ga được xây dựng bằng gạch, trát vữa xi măng, có tấm đan chắn rác và nắp đậy bằng BTCT. Nước mưa sau khi đi qua hệ thống thoát nước mưa của nhà máy sẽ vào cống thoát nước mưa của KCN Quang Minh qua các điểm đầu nối.

❖ Hệ thống thoát nước thải:

Hệ thống thu gom nước thải: sử dụng đường ống HDPE chạy ngầm để thu nước thải từ nhà vệ sinh.

+ *Nước xí tiểu (nước thải đen)*: thoát nước xí và tiểu treo được thu gom vào các ống đứng thoát nước xí bằng UPVC D90mm kèm theo ống đứng thông hơi 100×100 đặt trong các hộp kỹ thuật. Ống đứng thoát xí được gom lại và dẫn vào các bể tự hoại đặt ngầm dưới công trình.

+ *Nước thải xám*: nước từ các chậu rửa, nước từ các sàn WC được thu gom vào các ống thoát nước rửa UPVC D90mm đặt trong các hộp kỹ thuật. Sau đó theo đường ống UPVC 200mm dẫn vào hệ thống bể tự hoại.

Toàn bộ nước thải xám (từ các labo) và nước thải đen (từ các khu nhà vệ sinh) phát sinh từ nhà máy sẽ được thu gom về hệ thống các bể tự hoại 3 ngăn để xử lý sơ bộ. Sau đó toàn bộ nước thải sau xử lý bể tự hoại được dẫn về hệ thống thoát nước chung của Công ty Cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương (đơn vị cho thuê nhà xưởng) trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý tập trung của KCN Quang Minh.

Công ty Cổ phần PVN không thực hiện nấu ăn tại dự án mà thuê đơn vị cung cấp suất ăn công nghiệp.

❖ Kho lưu giữ chất thải rắn, chất thải nguy hại:

- Khu chứa chất thải tạm thời: Khu chứa chất thải tạm thời được Công ty bố trí tại kho cabin. Kho có kết cấu nền BTCT, khung gồm cột, dầm, găng mái và giằng cột làm bằng thép hình hộp, có tường bao bằng tôn, mái lợp tôn mạ kẽm hoặc tôn cách nhiệt. Khu lưu giữ chất thải tạm thời được chia làm các ngăn. Trong đó, ngăn chứa chất thải sinh hoạt có diện tích 5m²; ngăn chứa phế liệu diện tích 30m²; ngăn chứa CTRCNTT diện tích 10m² và ngăn chứa CTNH diện tích 15m².

- Đối với khu vực lưu giữ chất thải nguy hại được thiết kế và lưu giữ theo đúng thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 và Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ Tài nguyên và Môi trường và Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ.

❖ Công trình xử lý nước thải:

Toàn bộ nước thải phát sinh từ khu nhà xưởng được thu gom, xử lý tại hệ thống các bể tự hoại 3 ngăn. Bể được xây dựng ngầm bằng BTCT để thu gom, xử lý toàn bộ nước thải từ các khu nhà vệ sinh của Công ty trước khi đầu nối vào hệ thống thống thu gom tập trung của Công ty Cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương trước khi thải ra hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Quang Minh.

1.3. Loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ:

1.3.1. Mục tiêu của dự án

Dự án “Sản xuất tem nhãn giấy, vinyl dùng cho sản phẩm đồ gia dụng, điện tử, tem tiêu hao sản xuất” triển khai có các mục tiêu sau đây:

- Sản xuất tem nhãn các loại để cung ứng cho thị trường trong nước cũng như xuất khẩu sang nước ngoài, tạo doanh thu, lợi nhuận cho chủ đầu tư.

- Thúc đẩy sự tăng trưởng kinh tế, đẩy nhanh tiến trình công nghiệp hoá – hiện đại hoá và hội nhập nền kinh tế của địa phương; khai thác hiệu quả và gia tăng hiệu quả đầu tư.

- Tạo công ăn việc làm cho khoảng 150 lao động khi hoạt động; tăng nguồn thu cho ngân sách Nhà nước; góp phần tích cực trong việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế của xã Quang Minh nói riêng và thành phố Hà Nội nói chung.

1.3.2. Loại hình dự án

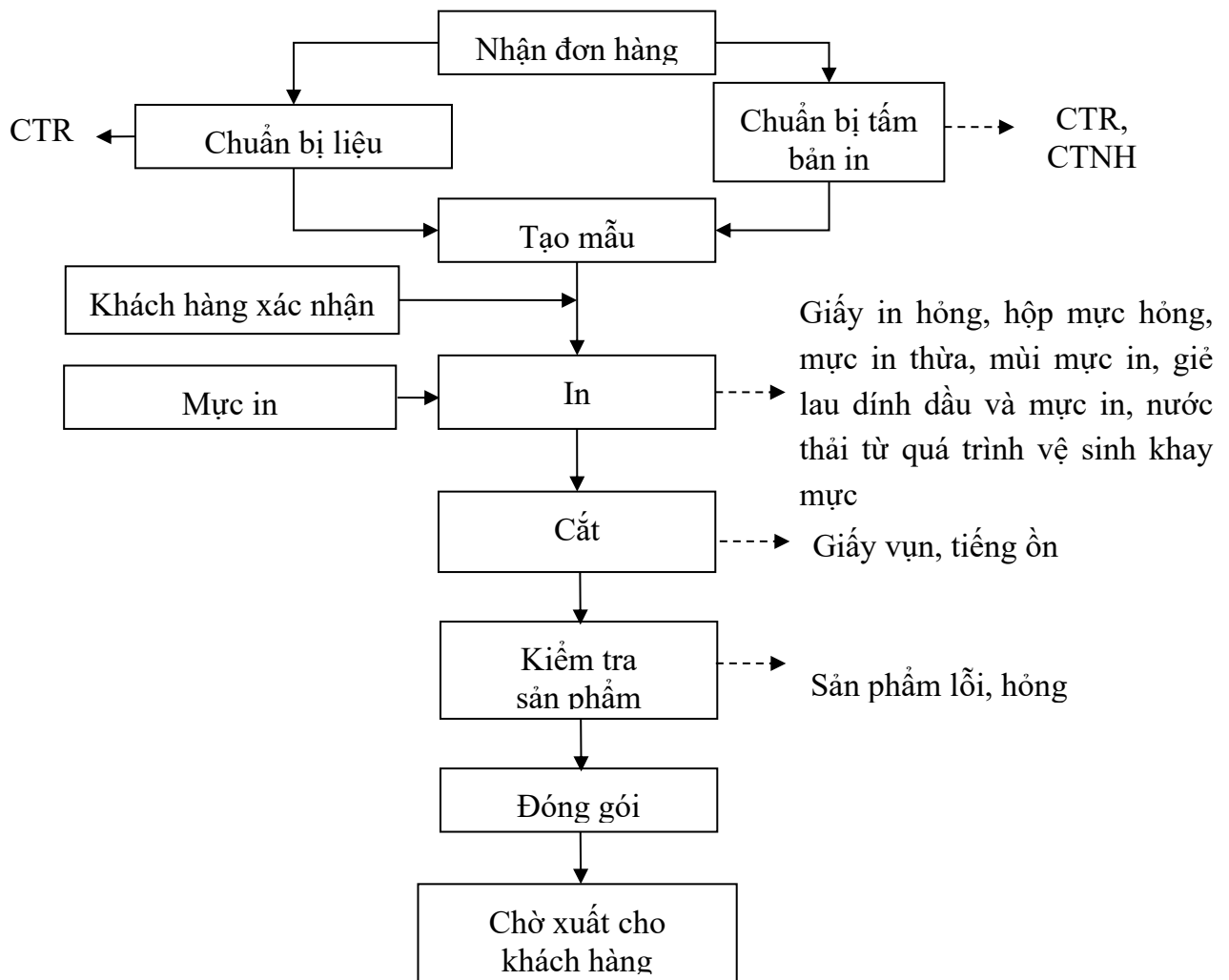
- Loại hình dự án: Dự án mở rộng, nâng công suất sản phẩm.

- Loại hình sản xuất, kinh doanh: Dự án thực hiện sản xuất tem nhãn giấy, vinyl dùng cho sản phẩm đồ gia dụng, điện tử, tem tiêu hao sản xuất. Do đó, dự án không thuộc loại hình sản xuất, kinh doanh, dịch vụ có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường quy định tại Phụ lục II Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 (sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025).

- Dự án không có yếu tố nhạy cảm về môi trường: Quy định tại khoản 4 Điều 25 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025).

1.4. Công nghệ, sản phẩm của dự án đầu tư

Dự án thực hiện sản xuất tem nhãn giấy, vinyl dùng cho sản phẩm đồ gia dụng, điện tử, tem tiêu hao sản xuất. Các sản phẩm của nhà máy đều có chung quy trình công nghệ sản xuất, chỉ khác nhau bởi nguyên liệu đầu vào. Quy trình công nghệ sản xuất tem, nhãn các loại của nhà máy cụ thể như sau:



Hình 3. Quy trình công nghệ sản xuất tem nhãn giấy, vinyl dùng cho sản phẩm đồ gia dụng, điện tử, tem tiêu hao sản xuất tại Dự án

Thuyết minh quy trình:

Chuẩn bị nguyên liệu: Nguyên liệu chính để sản xuất ra các sản phẩm tem nhãn, tem vinyl và tem tiêu hao của Dự án là các lô giấy cuộn, màng PET, màng Vinyl và mực

in các loại được nhập khẩu từ nước ngoài hoặc nhập trong nước. Sau khi nhập về nguyên liệu được kiểm tra chất lượng nếu đảm bảo đạt yêu cầu được lưu kho cung cấp cho xưởng sản xuất, nguyên liệu không đạt yêu cầu được trả lại nhà cung cấp.

Các sản phẩm tem nhãn của nhà máy đều có chung quy trình công nghệ sản xuất, chỉ khác nhau ở nguyên liệu đầu vào. Các nguyên liệu giấy, màng PET, màng Vinyl phục vụ sản xuất tem nhãn tại nhà máy thường là vật liệu nhiều lớp. Mỗi lớp đảm nhận một chức năng riêng nhằm đảm bảo khả năng in, độ bền và độ bám dính, cụ thể:

- Cấu tạo của giấy để phục vụ cho sản xuất bao gồm:

+ Lớp mặt: Là lớp giấy in ở trên cùng, nơi nhận mực in, trên bề mặt tem, nhãn thường in nội dung thông tin hoặc hình ảnh...

+ Lớp keo: Lớp keo ở giữa, thường là Acrylic, dính chặt vào lớp mặt.

+ Lớp ngăn dính: Có thể bằng silicon hoặc PE-silicon, được phủ lên mặt trên của lớp để ngăn cách lớp để không dính chặt vào lớp keo.

+ Lớp đế: Lớp giấy cuối cùng, bóc ra khi sử dụng decal.

- Cấu tạo của nguyên liệu màng PET:

+ Lớp phủ bề mặt: Tăng khả năng bám mực in.

+ Lớp màng PET: Lớp nền chính, chịu lực, chịu nhiệt, chống co giãn.

+ Lớp phủ xử lý mặt sau: Tăng độ bám giữa màng và keo.

+ Lớp keo: Lớp keo ở giữa, thường là Acrylic, Rubber hoặc Silicone tùy ứng dụng để dính chặt vào lớp mặt.

+ Lớp giấy chống dính: Bảo vệ keo trước khi sử dụng.

- Cấu tạo của nguyên liệu màng Vinyl:

+ Lớp phủ in: Tăng khả năng bám mực và chống trầy.

+ Lớp màng Vinyl (PVC): Mềm hoặc cứng, có khả năng uốn cong.

+ Lớp primer (nếu có): Tăng liên kết giữa màng và keo.

+ Lớp keo: Lớp keo ở giữa, thường là Acrylic hoặc Rubber để bám dính lên nhiều bề mặt.

+ Lớp giấy Silicon: Bảo vệ lớp keo.

Tạo mẫu sản phẩm: Song song với quá trình chuẩn bị bản in thì bộ phận khách hàng sau khi nhận đơn đặt từ khách sẽ thiết kế sản phẩm theo ý tưởng, yêu cầu của khách hàng và sửa thiết kế theo nguyện vọng của khách hàng. Sau khi khách hàng đồng ý với mẫu thiết kế, mẫu sẽ được đưa đi in bản test để khách hàng xem chất lượng tem nhãn trước khi in sản phẩm hàng loạt. Thiết kế tem nhãn là cần phải thiết kế những yếu tố sau của tem nhãn: Màu sắc, kích thước, nội dung (logo), hình dáng, hình ảnh,...

In sản phẩm: Công ty sử dụng công nghệ in letterpress, flexo, offset, in lưới, in kỹ thuật số, đây đều là các công nghệ in hiện đại, tự động cao hạn chế gây ô nhiễm môi

trường và giảm thiểu tối đa sự ảnh hưởng nguy cơ nguy hại từ công đoạn in đến các đối tượng xung quanh so với công nghệ in ống đồng.

Mực in sử dụng tại nhà máy có thành phần thân thiện môi trường, có chứng nhận an toàn REACH, ROSH, MSDS để cam kết loại mực sử dụng không chứa hoặc churôi dưới ngưỡng các chất có thành phần nguy hại trong nguyên liệu mực in.

Mực in dạng khô hoặc lỏng nhập về đã được pha chế sẵn được cung cấp cho máy in theo định lượng tự động lập trình trên máy. In letterpress, flexo là quá trình truyền các thông tin từ khuôn in lên bề mặt vật liệu in bằng mực một màu hoặc nhiều màu dưới một áp lực trên thiết bị gọi là máy in. Trong kỹ thuật in letterpress, flexo, phần tử in được hiển thị trên ống bản photopolymer, trong đó các phần tử in nổi bắt mực. Sau đó ống bản photopolymer, này ép hình ảnh, chữ đã dính mực in được ép lên giấy in. Ưu điểm của công nghệ in letterpress, flexo: Chất lượng hình ảnh sắc nét và sạch sẽ; khả năng ứng dụng trên nhiều chất liệu in và bề mặt; chế tạo bản in dễ dàng và nhanh hơn với sự hỗ trợ của máy tính,....

Đối với công nghệ in offset là phương pháp in gián tiếp, trong đó hình ảnh không được truyền trực tiếp từ bản in lên vật liệu mà qua một tấm cao su (Blanket) rồi mới in lên giấy hoặc vật liệu. Quy trình truyền mực: Bản kẽm (Plate) → Lô cao su (Blanket) → Giấy hoặc vật liệu in.

Đối với công nghệ in lưới: Mực được ép qua các mắt lưới bằng gạt mực, những vùng bị bịt kín sẽ không cho mực đi qua. Quy trình truyền mực: Dao gạt → Lưới in → Mực đi qua mắt lưới → Vật liệu in.

Đối với công nghệ in kỹ thuật số: Không cần bản in, dữ liệu được truyền trực tiếp từ máy tính đến đầu in. Quy trình truyền mực: Máy tính → Đầu phun → Giọt mực → Vật liệu in.

Trong quá trình in các tấm bản in, khuôn in định kỳ sẽ được làm sạch bằng dung môi axeton và nước tẩy rửa. Kết thúc mỗi lô in sản phẩm theo đơn đặt của khách hàng các tấm bản in sẽ được thay thế và thải bỏ. Lượng dung môi thải ước tính khoảng 0,875 lít/ngày (tương đương 280 lít/năm hay 280 kg/năm). Toàn bộ dung dịch thải này được thu gom vào các thùng và phi chứa có nắp đậy kín và xử lý cùng với CTNH của Dự án.

Sản phẩm sau khi in được cuộn lại và cắt theo kích thước mà khách hàng yêu cầu, rồi lại cuộn lại theo đúng qui cách khách hàng chỉ định. Cuối cùng là kiểm tra rồi đóng gói và xuất hàng.

2. Nguyên liệu, nhiên liệu, vật liệu, phế liệu, điện năng, hóa chất sử dụng, nguồn cung cấp điện, nước của dự án đầu tư

2.1. Nhu cầu sử dụng nguyên nhiên, vật liệu, hóa chất

a/ Khối lượng nguyên vật liệu sử dụng tại Dự án trong giai đoạn vận hành

Nguyên vật liệu chính phục vụ cho hoạt động sản xuất của dự án là các lô giấy cuộn, màng PET, màng Vinyl và mực in các loại,.... Nhu cầu nguyên vật liệu và hóa chất của Công ty sử dụng khi Dự án đi vào hoạt động ổn định cụ thể như sau:

Bảng 7. Nhu cầu nguyên, vật liệu, hóa chất phục vụ giai đoạn hoạt động của Dự án

TT	Nguyên vật liệu	Thành phần chính	Đơn vị	Số lượng/năm	Quy đổi (tấn/năm)	Mục đích sử dụng
1	Giấy, màng PET, màng Vinyl	Giấy, PET, Vinyl	Cuộn	31.200	682,4	Nguyên liệu sản xuất chính
2	Mực in các loại	Bột màu, phụ gia, nhựa liên kết	Cuộn	7.896	7,541	Nguyên liệu cấp cho máy in
3	Dung môi axeton	Axeton	Lít	900	0,9	Làm sạch mực in trên bề mặt tấm bản in
4	Dung dịch tẩy rửa	-	Lít	375	0,375	Tẩy rửa mực trên trục tấm bản in,...
	Tổng				691,216	

[Nguồn: Công ty Cổ phần PVN]

Thành phần, tính chất, tên thương mại các hóa chất được sử dụng trong quá trình sản xuất của Công ty như sau:

- Mực in: Mực UV SOY (gồm các màu: xanh lục, đỏ sậm, đen, vàng) có thành phần chính là Oligomers (chiếm 40-50%), Pigments (chiếm 15-20%), chất liên kết Monomers (chiếm 5-20%), chất trợ hình ảnh (chiếm 1-4%), sáp (chiếm 1-3%), chất phụ gia khác (chiếm 1-8%).

- Dung môi axeton: CH_3COCH_3 ($\text{C}_3\text{H}_6\text{O}$). Tên hóa học (IUPAC): Propan-2-one (hay 2-propanone). Chất lỏng không màu, trong suốt, tan vô hạn trong nước.

- Dung dịch tẩy rửa các loại:

+ Dung dịch rửa máy ULANO 8- Unimix 88: UNIMIX 88 là hóa chất dạng bột nhão dùng để tẩy áng mực, chất màu, mực in bám trên bản in. Unimix 88 được sử dụng sau khi tẩy bản. ULANO 8 - không mùi và không gây độc hại đến môi trường và các đối tượng xung quanh.

+ Dung dịch ARCS Anilox Roll Cleaner - SC (tẩy rửa mực trên anilox): Nhóm hóa chất tẩy rửa anilox dùng để làm sạch mực in, có thành phần bao gồm dung dịch kiềm (để phá vỡ liên kết của nhựa và mực bám trong các ô anilox). Chứa chất hoạt động bề mặt (surfactants) giúp làm giảm sức căng bề mặt, nhũ hóa và glycol ether hoặc các dung môi hữu cơ tan trong nước để hòa tan nhựa và cặn mực.

+ Dung dịch Druckmeister UV Super Wash (rửa mực trên rulo cao su): Là hỗn hợp dung môi tẩy rửa chuyên dụng có khả năng hòa tan: Mực UV chưa đóng rắn,

Mực offset thông thường, dầu, nhựa và các chất bám trên lô cao su. Dung dịch dạng lỏng, trong suốt hoặc vàng nhạt; mùi nhẹ, ít gây khó chịu. Không phản ứng với vật liệu cao su của lô khi sử dụng đúng hướng dẫn, giúp hạn chế hiện tượng trương nở hoặc chai cứng cao su. Có chứa chất ức chế ăn mòn, giúp bảo vệ các chi tiết kim loại của máy in trong quá trình vệ sinh.

+ Dung dịch G101c Developer (rửa film): Dung dịch mang tính chất kiềm dùng để rửa phim chế bản đồ họa (graphic arts film).

+ Dung dịch Bottcher Fount S3021 (rửa mực offset): Là phụ gia dung dịch âm (fountain solution additive) dùng trong in offset. Thành phần được công bố gồm tetrasodium và 2-phosphonobutane-1,2,4-tricarboxylic acid. Các chất này có khả năng tạo phức với ion Ca^{2+} , Mg^{2+} , hạn chế đóng cặn canxi trên lô mực, lô nước.

b/ Nhu cầu sử dụng nước:

❖ Nhu cầu sử dụng:

Công ty không tổ chức nấu ăn cho cán bộ công nhân viên mà thuê đơn vị cung cấp suất ăn công nghiệp nên nhu cầu sử dụng nước của Dự án chủ yếu cung cấp cho các hoạt động: sinh hoạt, vệ sinh của cán bộ công nhân viên, PCCC,.... Cụ thể:

- Nước cấp sinh hoạt:

+ Hiện tại, số lượng cán bộ, công nhân viên làm việc tại nhà máy khoảng 100 người. Căn cứ theo hóa đơn sử dụng nước trong 3 tháng (tháng 4, 5, 6/2026) cho thấy nhu cầu sử dụng nước của nhà máy khoảng 1.430 m³/tháng (hoạt động trung bình 26 ngày/tháng). Như vậy, lượng nước cấp cho hoạt động sinh hoạt tại nhà máy khoảng 5,5 m³/ngày.đêm (cấp cho hoạt động sinh hoạt của 100 người). Khi đó, lượng nước cấp cho sinh hoạt tại nhà máy khoảng 55 lít/người/ng.đ.

+ Khi đi vào hoạt động ổn định, số lượng cán bộ, công nhân viên làm việc tại dự án khoảng 150 người. Khi đó nhu cầu nước cấp cho sinh hoạt cần thiết dự kiến là:

$$Q_{SH} = N \text{ (người)} \times 55 \text{ lít/người/ngày.đêm}$$

Trong đó: Q_{SH} là lưu lượng nước cấp cho sinh hoạt;

N là số công nhân của nhà máy ($N = 150$ người);

$$Q_{SH} = 150 \text{ (người)} \times 55 \text{ lít/người/ngày.đêm} = 8.250 \text{ lít/ng.đ} = 8,25 \text{ (m}^3\text{/ng.đ)}$$

(tương đương khoảng 214,5 m³/tháng, hoạt động 26 ngày/tháng).

- Nước cấp cho sản xuất: Quy trình sản xuất của dự án không sử dụng nước.

- Nước thất thoát: 15% tổng nước cấp cho hoạt động sinh hoạt.

- Nhu cầu sử dụng nước cho hoạt động phòng cháy, chữa cháy:

Lượng nước dự trữ cấp cho hoạt động chữa cháy được tính cho 02 đám cháy trong 3 giờ liên tục với lưu lượng sử dụng nước là 20 lít/giây. Tuy nhiên, lượng nước này sử dụng không thường xuyên, chỉ sử dụng trong khi có sự cố xảy ra. Do đó, lưu lượng nước cần dùng là: 2 (đám cháy) x 20 (lít/giây) x 3 (giờ) x 3.600 (giây)/1.000= 432

(m³/3h).

❖ **Nguồn cung cấp nước:**

Nguồn nước cấp cho hoạt động của Nhà máy được cung cấp bởi hệ thống cung cấp nước của KCN cấp cho Công ty Cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương (đơn vị cho thuê nhà xưởng) rồi cấp đến nhà máy của Công ty Cổ phần PVN (có lắp đồng hồ đo lưu lượng).

c/ Nhu cầu sử dụng điện:

- *Nhu cầu sử dụng điện:* Chỉ tiêu cấp điện cho các công trình được tính theo Bảng 2.29 của QCVN 01:2021/BXD- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng, với chỉ tiêu cấp điện:

+ Công nghiệp nhẹ: 160 kW/ha.

+ Chiếu sáng đường giao thông: 15 kW/ha.

+ Chiếu sáng công viên cây xanh: 15 kW/ha.

Hoạt động chiếu sáng giao thông, cây xanh do Công ty Cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương (đơn vị cho thuê nhà xưởng) sẽ chịu trách nhiệm chi trả.

→ Tổng công suất tiêu thụ điện cho Dự án (căn cứ theo hóa đơn sử dụng điện của nhà máy), ước tính khoảng 150.000 Kwh/tháng.

- *Nguồn cung cấp điện:* Được lấy từ tuyến trung thế 22kV chạy dọc theo hành lang hạ tầng kỹ thuật dọc tuyến đường giao thông nội bộ của KCN Quang Minh đấu nối trực tiếp vào trạm biến áp của Dự án.

2.2. Danh mục máy móc, thiết bị phục vụ giai đoạn vận hành dự án

Số lượng và chủng loại máy móc, thiết bị chính phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh tại dự án cụ thể như sau:

Bảng 8. Danh mục máy móc, thiết bị chính sử dụng cho hoạt động của dự án

STT	Tên thiết bị/ máy móc thông số thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng mới
1	Máy in Letterpress	Chiếc	6	Hàn Quốc, Nhật Bản	2019-2025	90-100%
2	Máy in Flexo	Chiếc	3	Trung Quốc, Đức	2019-2025	90-100%
3	Máy in Lưới	Chiếc	3	Trung Quốc	2019-2025	90-100%
4	Máy in Offset	Chiếc	2	Trung Quốc, Nhật	2019-2025	90-100%

STT	Tên thiết bị/ máy móc thông số thiết bị	Đơn vị	Số lượng	Xuất xứ	Năm sản xuất	Tình trạng mới
5	Máy in kỹ thuật số	Chiếc	1	Trung Quốc, Nhật	2019-2025	90-100%
6	Máy kiểm, chia, cắt	Chiếc	36	Trung Quốc	2019-2025	90-100%
7	Máy vi tính	Chiếc	30	Trung Quốc	2019-2025	90-100%
8	Máy in văn phòng	Chiếc	3	Trung Quốc	2019-2025	90-100%

[Nguồn: Công ty Cổ phần PVN]

Ngoài ra, công ty còn đầu tư thêm các máy móc, thiết bị phục vụ cho văn phòng khác như bàn ghế, máy tính, điện thoại, máy fax, tủ đựng tài liệu,... và các máy móc, thiết bị phụ trợ khác cho hoạt động sản xuất của nhà máy.

3. Loại, khối lượng chất thải phát sinh của dự án đầu tư:

3.1. Loại và khối lượng phát sinh nước thải, nước mưa

❖ Nước thải sinh hoạt:

Dự kiến khi dự án đi vào hoạt động ổn định có khoảng 150 người làm việc tại Công ty. Theo tính toán tại mục 1, lượng nước sử dụng cho hoạt động sinh hoạt của cán bộ, công nhân lao động trong Công ty khoảng 8,25 m³/ngày.đêm. Nước thải sinh hoạt được tính bằng 100% lượng nước cấp (*Theo điểm a, khoản 1, Điều 39 Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải*), thì tổng lượng nước thải phát sinh là 8,25 m³/ngày.đêm.

Thành phần trong nước thải sinh hoạt chứa chủ yếu các chất cặn bã, chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ (COD và BOD) và các chất dinh dưỡng (N, P) và vi sinh. Hàm lượng các chất ô nhiễm (*trường hợp không có biện pháp xử lý*) được trình bày trong bảng dưới đây:

Căn cứ vào tải lượng các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt theo TCVN 7957:2023 - Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài - Yêu cầu thiết kế, tính toán nồng độ các chất ô nhiễm có trong nước thải sinh hoạt của dự án như sau:

**Bảng 9. Hàm lượng các chất ô nhiễm trong nước thải sinh hoạt chưa qua xử lý
(tính toán cho 150 người)**

TT	Chất ô nhiễm	Giá trị (g/người/ngày)	Tải lượng (g/ngày)	Nồng độ (mg/l)	Tiêu chuẩn đầu nổi của KCN
----	-----------------	---------------------------	-----------------------	----------------	----------------------------------

					Quang Minh^[1]
1	BOD ₅	55 ÷ 60	8.250 ÷ 9.000	1.000 ÷ 1.091	50
2	TSS	60 ÷ 65	9.000 ÷ 9.750	1.090 ÷ 1.882	100
3	Tổng N	6 ÷ 12	900 ÷ 1.800	109 ÷ 218,2	40
4	Tổng P	1,1 ÷ 2,2	165 ÷ 330	20 ÷ 40	6
5	Amoni	8,0 ÷ 10,5	1.200 ÷ 1.575	145,5 ÷ 191	10
6	Coliform	10 ⁶ ÷10 ⁹ (MPN/100ml)	8,25 x (10 ⁸ ÷ 10 ¹¹)	8,25 x (10 ⁶ ÷ 10 ⁹)	5.000

Ghi chú:

- (-): Không xác định

- Tiêu chuẩn đầu nối của KCN Quang Minh: Tiêu chuẩn đầu nối nước thải vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Quang Minh.

- QCVN 14:2025/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về nước thải sinh hoạt.

❖ Nước mưa chảy tràn:

Trong quá trình hoạt động, nước mưa chảy tràn qua khu vực dự án cuốn theo một lượng đất đá, cát, bụi ... tổng diện tích khu vực dự án là 3.307,7 m². Lưu lượng nước mưa lớn nhất chảy tràn được tính toán theo phương pháp cường độ giới hạn (TCVN 7957:2023: Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài – Yêu cầu thiết kế.). Công thức tính toán:

$$Q = q \times F \times \varphi \text{ (m}^3\text{/s)}$$

Trong đó:

- Q: lưu lượng nước mưa tính toán (lit/s);
- q: cường độ mưa tính toán (lit/s.ha);
- F: diện tích lưu vực thoát nước mưa (ha);
- φ : hệ số dòng chảy, lấy trung bình ($\varphi = 0,2$ tại khu vực dự án).

Cường độ mưa tính toán (q) được xác định bằng công thức sau:

$$q = \frac{A \times (1 + C \times \lg P)}{(t + b)^n}$$

Trong đó:

- q: cường độ mưa tính toán (lit/s.ha)
- P: Chu kỳ lặp lại trận mưa (năm), áp dụng đối với khu công nghiệp có công nghệ

^[1] Tiêu chuẩn đầu nối của KCN Quang Minh

bình thường, $P = 5,0$

- A, C, b, n: Hằng số khí hậu phụ thuộc vào điều kiện mưa của địa phương. Áp dụng theo phụ lục B của TCVN 7957:2023: Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài – Yêu cầu thiết kế. Áp dụng với địa bàn thành phố Hà Nội: $A = 4320$; $C = 0,55$; $b = 19$; $n = 0,79$.

- Thời gian dòng chảy mưa: $t = 180p$

$$q = \frac{4320 \times (1 + 0,55 * \log 5)}{(180 + 19)^{0,79}} = 91,34 \text{ (l.s/ha)}$$

Lưu lượng nước mưa tính toán là: Chọn hệ số $\varphi = 0,2$ cho khu vực dự án là:

$$Q1 = 91,34 \times (0,33077 \times 0,2) = 6,04 \text{ (lít/s)} \approx 0,00604 \text{ (m}^3/\text{s)}$$

Nếu các tuyến công thoát nước có bùn cặn lắng đọng nhiều thì khi nước mưa thoát không kịp sẽ gây ngập úng tức thời. Nước mưa và nước thải tràn lên, chảy theo bề mặt, cuốn theo các chất độc hại gây ô nhiễm môi trường xung quanh. Trong nước mưa đợt đầu thường chứa lượng lớn các chất bẩn tích lũy trên bề mặt như dầu, mỡ, bụi, rác thải...

Đối với khu vực thi công, lượng chất bẩn (chất không hoà tan) tích tụ tại khu vực được xác định theo công thức sau:

$$M = M_{\max} (1 - e^{-K_z \cdot t}) \cdot F \text{ (kg)}$$

Trong đó:

+ $M_{\max}$: Lượng chất bẩn có thể tích tụ lớn nhất tại khu vực thi công; $M_{\max} = 250\text{kg/ha}$.

+ Hệ số động học tích lũy chất bẩn, $K_z = 0,4/\text{ngày}$

+ t : Thời gian tích lũy chất bẩn, 15 ngày

+ F : diện tích lưu vực thoát nước mưa (ha); Tổng diện tích sàn sử dụng là $F = 3.307,7 \text{ m}^2 = 0,33077 \text{ ha}$.

(PGS.TS. Trần Đức Hạ - Giáo trình Quản lý môi trường nước, NXB Khoa học và kỹ thuật, Hà Nội, 2002)

$$M = 250 \times (1 - e^{-0,4 \cdot 15}) \times 0,33077 = 43,33 \text{ (kg)}$$

Như vậy lượng chất bẩn tích tụ trong khoảng 15 ngày tại khu vực thi công các hạng mục công trình theo tính toán là 43,33 kg, lượng chất bẩn này theo nước mưa chảy tràn gây tác động không nhỏ tới nguồn thủy vực tiếp nhận cũng như môi trường đất xung quanh. Bản thân nước mưa không làm ô nhiễm môi trường, tuy nhiên nước mưa có thể cuốn theo các loại rác và chất thải rắn trên mặt bằng xuống các vùng trũng của khu vực. Các chất có thể bị nước mưa rửa trôi tại mặt bằng dự án chủ yếu là đất, cát, các loại cặn lắng và một lượng dầu mỡ thải bị rơi vãi do hoạt động của các máy móc, thiết bị có thể gây ô nhiễm môi trường đất, nước tiếp nhận.

Hàm lượng các chất bẩn trong nước mưa phụ thuộc vào một loạt các yếu tố: Tình

trạng vệ sinh và đặc điểm mặt phủ, độ dốc địa hình, mức độ ô nhiễm môi trường không khí khu vực, cường độ mưa, khoảng thời gian không mưa. Hàm lượng chất bẩn trong nước mưa đợt đầu (khoảng 15 phút đầu) ở các khu vực khác nhau sẽ khác nhau.

Lượng nước mưa này nếu không được thu gom và xử lý sẽ chảy tràn ra môi trường xung quanh, làm tăng độ đục, tăng khả năng bồi lắng, nhất là đối với rãnh thu và thoát nước hiện trạng của dự án và hệ thống thoát nước của KCN; làm chậm quá trình sinh trưởng và phát triển các loài sinh vật thủy sinh của nguồn nước tiếp nhận khu vực.

3.2. Nguồn và lưu lượng khí thải phát sinh

a/ Bụi, khí thải từ phương tiện tham gia giao thông

** Đối với hoạt động đi lại của cán bộ công nhân viên:*

Số lượng cán bộ, công nhân viên dự kiến làm việc tại Dự án trong giai đoạn hoạt động ổn định là 150 người. Ước tính có 95% sử dụng phương tiện là xe máy cá nhân, phương tiện ô tô chiếm khoảng 5%.

- Xe máy = $95\% \times 150 \times 2 = 285$ lượt/ngày (tập trung chủ yếu vào khung giờ 7-8h sáng và 17h-18h chiều).

- Xe ô tô cá nhân (4-7 chỗ): $= 5\% \times 150 \times 2 = 15$ lượt/ngày (tập trung chủ yếu vào khung giờ 7-8h sáng và 17h-18h chiều).

** Đối với hoạt động vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm:*

Theo ước tính, khối lượng sản phẩm; nguyên nhiên vật liệu, phụ liệu cần vận chuyển ra vào nhà máy khoảng 1.400 tấn/năm. Công ty sử dụng xe tải dùng dầu Diesel trọng tải 7 tấn để vận chuyển nguyên phụ liệu và sản phẩm. Khi đó, ước tính có khoảng 186 chuyến xe/năm vận chuyển ra vào khu vực Dự án.

Thời gian hoạt động của nhà máy tính 320 ngày/năm, 8 giờ/ngày khi đó số chuyến xe ra vào dự án là 0,625 chuyến/ngày, tương đương 0,078 chuyến/h. Với lưu lượng khoảng 0,078 lượt/h thì đối tượng chịu ảnh hưởng nhiều nhất là trong khuôn viên nhà máy, quãng đường vận chuyển khoảng 500 m trong nhà máy và quãng đường vận chuyển trong KCN khoảng 1km và đường nội bộ KCN Quang Minh từ cổng vào KCN Quang Minh đến Dự án (1.200m).

Như vậy, tổng quãng đường vận chuyển nguyên liệu, sản phẩm trung bình là: $(0,5 \text{ km} + 1,2 \text{ km}) \times 2 \text{ lượt} \times 2 \text{ chuyến/ngày} = 6,8 \text{ km/ngày}$.

Hệ số phát thải các các phương tiện giao thông như bảng sau:

Bảng 10. Hệ số ô nhiễm đối với các loại xe của một số chất ô nhiễm chính

Chất ô nhiễm Phương tiện	Đơn vị	Bụi	SO ₂	NO ₂	CO
Xe tải trọng 3,5- 16 tấn	kg/1000km	0,15	0,69S	0,24	0,48
Xe ô tô Động cơ > 2.000cc	kg/1000km	0,008	0,00024	0,238	0,74
Xe moto Động cơ 4 thì > 50cc	kg/1000km	-	0,0018	0,05	3,34

(Nguồn: *Rapid inventory technique in environmental control, WHO, 1993[3-53]*)

Ghi chú: S là tỉ lệ % của lưu huỳnh có trong nhiên liệu. Thông thường trong dầu Diesel có chứa 0,05% - 0,25% S (lấy S= 0,05%).

Với hệ số ô nhiễm của các phương tiện vận chuyển sử dụng dầu diesel theo đánh giá nhanh của Tổ chức Y tế Thế giới (WHO), tải lượng các chất ô nhiễm (E) do các phương tiện vận chuyển thải ra được tính toán như sau:

$$E = \text{Hệ số ô nhiễm} \times \text{quãng đường vận chuyển trung bình} \times \text{số xe vận chuyển}$$

Như vậy, tổng tải lượng các chất ô nhiễm trong khí thải từ các phương tiện vận chuyển được trình bày trong bảng sau:

Bảng 11. Tải lượng và nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải từ các phương tiện vận chuyển trong giai đoạn hoạt động

Loại xe	Quãng đường (km)	Số lượt xe/h	Tải lượng (mg/m.s)			
			Bụi	SO ₂	NO ₂	CO
Xe tải trọng 3,5- 16 tấn	6,8	0,625	0,1338	0,000312	0,2143	0,4279
Xe ô tô Động cơ > 2.000cc	6,8	15	0,0076	0,0000110	0,2112	4,3628
Xe moto Động cơ 4 thì > 50cc	6,8	285	0	0,00057	0,0443	2,9475
Tổng			0,1414	0,000893	0,4698	7,7382

Để tính toán cho quá trình phát tán các chất ô nhiễm do quá trình phát thải giao thông gây ra, sử dụng mô hình cải biên của Sutton (*GS.TS Phạm Ngọc Đăng. Môi trường không khí*). Nguồn thải được giả thiết là liên tục và dài, ví dụ như là đoàn xe chạy liên tục trên đường, gió thổi vuông góc với mặt đường.

Nồng độ các chất ô nhiễm trung bình tại một điểm bất kỳ trong không khí theo khoảng cách tính từ mép đường do nguồn phát thải liên tục có dạng như sau:

$$C(x,z,h) = \frac{0,8E \left[\exp\left(\frac{-(z+h)^2}{2\sigma_z^2}\right) + \exp\left(\frac{-(z-h)^2}{2\sigma_z^2}\right) \right]}{\sigma_z \cdot u}$$

Trong đó:

- + C - Nồng độ chất ô nhiễm trong không khí (mg/m³).
- + E - Tải lượng của chất ô nhiễm từ nguồn thải (mg/m.s).
- + z - Độ cao của điểm tính toán, z = 1,5 m (tầm hít thở của con người).
- + h - Độ cao của nguồn đường so với mặt đất xung quanh (m), lấy chiều cao h = 0,5 m;
- + u - Tốc độ gió trung bình tại khu vực (m/s) (u= 1,5 m/s);
- + σ_z - Hệ số khuếch tán chất ô nhiễm theo phương z(m).

Giá trị hệ số khuếch tán chất ô nhiễm (z theo phương đứng (z) với độ ổn định của khí quyển tại khu vực công trình là B, được xác định theo công thức:

$$\sigma_z = 0,53 * x^{0,73}, \quad (m). \text{ Trong đó :}$$

+ x: Khoảng cách của điểm tính toán so với nguồn thải, theo chiều gió thổi, m.

Công thức này được cải biên từ công thức mô hình tính toán khuếch tán ô nhiễm Gauss đối với nguồn điểm.

Bảng 12. Các hệ số khuếch tán chất ô nhiễm theo phương Z (σ_z)

Khoảng cách tính từ tim đường	5m	50m	100m
σ_z	1,71	9,21	15,28

Kết quả tính toán phát tán nồng độ các chất ô nhiễm do khí thải các phương tiện vận chuyển được trình bày trong bảng sau:

Bảng 13. Kết quả tính toán phát tán nồng độ các chất ô nhiễm

Thông số	Nồng độ chất ô nhiễm theo khoảng cách tính từ tim đường (mg/m ³)			QCVN 05:2023/BTNMT (mg/m ³)
	5m	50m	100m	
Bụi	0,18	0,06	0,04	0,3
SO ₂	0,012	0,002	0,001	0,35
NO ₂	0,162	0,88	0,56	0,2
CO	28,56	11,69	8,01	30

Ghi chú:

+ QCVN 05:2023/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng không khí (Bảng 1- Trung bình 1 giờ).

Kết quả dự báo ở trên cho thấy trong nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải các phương tiện vận chuyển nằm trong giá trị giới hạn cho phép so với QCVN 05:2023/BTNMT.

*** Bụi cuốn theo phát sinh từ hoạt động vận chuyển nguyên vật liệu, sản phẩm**

Theo tài liệu đánh giá nhanh của WHO, hệ số phát sinh bụi cuốn theo được tính bằng công thức sau:

$$L = 1,7 * k * \left[\frac{S}{12} \right] * \left[\frac{S}{48} \right] * \left[\frac{W}{2,7} \right]^{0,7} * \left[\frac{W}{4} \right]^{0,5} * N$$

Trong đó:

+ L: Tải lượng bụi (kg/km)

+ k: Kích thước hạt (0,2 μ m)

+ s: Lượng đất trên đường (8,9%)

+ S: Tốc độ trung bình của xe trong nhà máy và trong đường giao thông nội bộ của KCN (5 km/h)

- + W: Tải trọng của xe, 7 tấn
 - + w: Số bánh xe, 8 cái
 - + N: Số lượt xe (lượt/ngày), xe 7 tấn là 0,625 lượt.
- Thay số vào công thức tính toán ta có:

Bảng 14. Tải lượng bụi cuốn theo phát sinh do các phương tiện vận chuyển

Nguồn phát sinh	Cung đường	Tải lượng phát sinh (kg/km)	Tải lượng trung bình kg/ngày
Xe tải 7 tấn	6,8 km	0,865	0,197

Nguồn: WHO - Đánh giá các nguồn gây ô nhiễm đất, nước, không khí - Tập 1 - Generva 1993

Nhận xét: Theo tính toán ở trên, lượng bụi cuốn theo do các phương tiện giao thông gây ra khoảng 0,197 kg/ngày. Hầu hết, các loại bụi đất có kích thước lớn khó phát tán ra xa nên chủ yếu gây ô nhiễm cục bộ ngay trên các tuyến đường vận chuyển.

b/ Bụi, khí thải phát sinh từ hoạt động sản xuất

❖ Đối với khí thải tại công đoạn in và vệ sinh mực in

Hoạt động sản xuất của Dự án có phát sinh mùi, hơi dung môi từ công đoạn in và vệ sinh mực in. Theo tổ chức Y tế thế giới (WHO) thì hệ số phát thải khí thải - định mức phát thải hơi dung môi (Axeton, Xylen) phát sinh trong quá trình sử dụng mực in và dung môi axeton là 0,015% về khối lượng (*Nguồn: Air emission inventories and controls, WHO, 1993: trang 3-15*).

Theo tính toán tại Bảng 1-1 (Mục 2), khi Dự án đi vào hoạt động, khối lượng mực in và dung dịch axeton sử dụng tại Dự án khoảng 8.441 kg/năm, tương đương khoảng 703,42 kg/tháng (hay 27,05 kg/ngày).

Ước tính lượng VOC phát sinh ra ngoài môi trường khoảng 0,015% lượng nguyên liệu mực in và dung môi axeton sử dụng. Tải lượng hơi VOC (Axeton, Xylen) phát sinh ra môi trường là:

$$0,015\% \times 27,05 \text{ kg/ngày} = 0,00406 \text{ (kg/ngày)}$$

Nồng độ hơi dung môi do hoạt động in và làm sạch bản in tạo ra trong không khí (khu vực nhà xưởng bố trí dây chuyền in) là:

$$\text{Nồng độ (mg/m}^3\text{)} = \{\text{tải lượng (kg/h)} \times 10^6\} / 8/V \text{ (1)}$$

Trong đó:

- S = 900 m² : Diện tích nhà xưởng chịu tác động
- H = 2 m : Chiều cao chịu tác động đến công nhân
- V = S x H (m³) : V là thể tích bị tác động trên bề mặt dự án
- H : Thời gian làm việc trong 8h/ngày

Thay vào công thức (1) ta có: $C_{VOC} (mg/m^3) = 0,1176 (mg/m^3)$. Lượng hơi VOC phát sinh không lớn (so với TCVN 3733:2002/BYT thì giới hạn cho phép của Axeton là $1.000 mg/m^3$ và của Xylen là $300 mg/m^3$). Tuy nhiên, để nâng cao chất lượng môi trường và đảm bảo sức khỏe, an toàn cho người lao động, Công ty đã thực hiện các biện pháp giảm thiểu phù hợp (khu vực nhà xưởng được thiết kế theo tiêu chuẩn phòng sạch, lắp đặt các hệ thống điều hòa trung tâm, thông trần và xung quanh nhà xưởng, đảm bảo không khí bên trong nhà xưởng được lọc và làm sạch liên tục), công nhân làm việc tại các công đoạn này được trang bị đầy đủ bảo hộ lao động như khẩu trang hoạt tính,... nên mức độ tác động sẽ được giảm thiểu đáng kể.

- *Mức độ tác động*: Trung bình.
- *Thời gian tác động*: Trong suốt quá trình hoạt động của Dự án.
- *Thời gian tác động*: Trong suốt quá trình hoạt động của Dự án.

❖ **Bụi phát sinh từ công đoạn cắt giấy**

Trong quá trình sản xuất, bụi phát sinh chủ yếu từ công đoạn cắt nguyên vật liệu giấy. Do loại giấy Công ty sử dụng là loại giấy đã được chế tạo sẵn nhiều lớp và bao gồm cả lớp băng dính. Vì vậy, hầu như mặt bụi giấy sẽ bám theo vụn giấy thải bỏ và không bay lên và phát tán vào không khí. Do đó, lượng bụi phát sinh trong quá trình này là tương đối nhỏ, ảnh hưởng không đáng kể đến môi trường xung quanh và sức khỏe của công nhân.

- *Mức độ tác động*: Thấp.
- *Thời gian tác động*: Trong suốt quá trình hoạt động của Dự án.

c/ Bụi và khí thải từ máy phát điện

Để đảm bảo duy trì các hoạt động của dự án, trường hợp khi xảy ra sự cố điện. Chủ Công ty sẽ sử dụng 01 máy phát điện dự phòng công suất 500KVA chạy nhiên liệu dầu diesel (DO). Khi vận hành máy phát điện sẽ làm phát sinh bụi, tiếng ồn và các khí thải như: CO, NO_x, SO₂... Các thông số của một máy phát điện như sau:

- + Công suất máy phát : 500 KVA
- + Lượng dầu tiêu thụ : 69,2 kg dầu/giờ
- + Nhiệt độ khí thải : 247°C (520°K)
- + Lượng khí thải khi đốt 1 kg dầu ở điều kiện tiêu chuẩn và lấy hệ số khí dư là 1,2: 18,5 Nm³/kg dầu.
- + Lưu lượng khí thải: 1.280,2 Nm³/h

Dựa vào hệ số ô nhiễm của dầu diesel (theo WHO) và lượng dầu tiêu thụ. Kết quả dự báo ô nhiễm môi trường không khí từ máy phát điện được trình bày trong bảng sau:

Bảng 15. Tải lượng, nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải máy phát điện

Chất ô nhiễm	Hệ số ô nhiễm (g/kg dầu)	Tải lượng ô nhiễm (mg/h)	Nồng độ chất ô nhiễm (mg/Nm ³)	QCVN 19:2024/BTNMT, Cột B (mg/Nm ³)
Bụi	0,28	19.376	15,14	≤80
SO ₂	20S	6.920	5,4	≤300
NO _x	2,84	196.528	153,5	≤400
CO	0,71	49.132	38,38	≤400

Nhận xét:

So sánh nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải máy phát điện với tiêu chuẩn khí thải QCVN 19:2024/BTNMT cột B cho thấy nồng độ các chất ô nhiễm trong khí thải máy phát điện đều nằm trong giới hạn cho phép. Hơn nữa, máy phát điện hoạt động không liên tục nên tác động này chỉ mang tính cục bộ, do đó sự tác động này đến môi trường là không lớn.

d/ Khí thải từ khu vực lưu giữ rác thải, xử lý nước thải:

- *Nguồn phát sinh:* Khí thải ở đây chủ yếu là các chất khí sinh ra do phân hủy các chất hữu cơ từ công rãnh, nhà vệ sinh và các thùng chứa rác, các khu bể tự hoại,....
- *Thành phần:* Nước thải mới xả ra thường có mùi khó chịu, thành phần chủ yếu là CH₄, H₂S, NH₃.

Các hợp chất gây mùi khó chịu trong nước thải chưa được xử lý được trình bày trong bảng sau:

Bảng 16. Các hợp chất gây mùi liên quan với chất thải sinh hoạt chưa xử lý

Hợp chất gây mùi	Công thức hóa học	Mùi
Các loại Amines	CH ₃ NH ₂ (CH ₃) ₃ H	Cá tanh
Amoniac	NH ₃	Khai
Các Di-amines	NH ₂ (CH ₂) ₄ NH ₂ ; NH ₂ (CH ₂) ₅ NH ₂	Cặn bã thối rữa
Hydro Sulfua	H ₂ S	Trứng thối
Mecaptan (Methyl, ethyl)	CH ₃ SH, CH ₃ (CH ₂)SH	Bắp cải thối
Sulphide hữu cơ	(CH ₃) ₂ S, (C ₆ H ₅) ₂ S	Bắp cải thối
Skatale	C ₉ H ₉ N	Phân

Nguồn: Metcafy and Eddy, Wastewater Engineering. Third Edition, 1991

Tại khu vực lưu giữ tạm thời chất thải rắn sinh hoạt, khu nhà vệ sinh,... có thể phát sinh quá trình lên men và sự phân hủy hữu cơ diễn ra. Mùi đặc trưng phát sinh từ sự phân hủy chất thải là các mùi hôi thối gây ô nhiễm môi trường không khí (các khí N₂, CH₄, mercaptan, H₂S,...) và gây khó chịu cho con người khi hít phải. Giai đoạn vận

hành ổn định, lượng công nhân tăng kéo theo lượng rác thải sinh hoạt và nước thải gia tăng. Nếu không có biện pháp thu gom, lưu giữ hợp vệ sinh đây sẽ là nguồn gây ra mùi đáng kể, ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty và các công ty lân cận. Tuy nhiên, toàn bộ chất thải rắn sinh hoạt được Công ty thuê đơn vị có chức năng thu gom vào cuối mỗi buổi chiều trong ngày; do vậy mức độ tác động của mùi, khí thải từ hoạt động lưu giữ rác thải và từ khu vực xử lý nước thải ảnh hưởng không đáng kể.

3.3. Loại và khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh:

Chất thải rắn sinh hoạt hàng ngày của CBCNV làm việc tại Công ty có thành phần chủ yếu thức ăn thừa, túi nilông, hộp xốp, bao gói thức ăn thừa,... Chất thải sinh hoạt này nhìn chung là những loại chứa nhiều chất hữu cơ, dễ phân hủy (trừ bao bì, nylon). Theo ước tính, hệ số thải rác khoảng 0,9 kg/người.ngày [Căn cứ theo QCVN 01:2021/BXD (Bảng 2.23), dự án thuộc xã Quang Minh, do đó, lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh là 0,9 kg/người/ngày]. Tuy nhiên, Công ty thuê đơn vị cung cấp suất ăn công nghiệp, không thực hiện nấu ăn tại nhà máy nên định mức phát sinh chất thải khoảng 0,3 kg/người/ngày. Với số lượng công nhân làm việc tại Công ty khi dự án đi vào hoạt động ổn định khoảng 150 người thì khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh tại Công ty là:

Bảng 17. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh trong quá trình vận hành Dự án

TT	Giai đoạn vận hành	Số lượng lao động làm việc tại Công ty (người)	Hệ số phát thải CTRSH (kg/người/ngày)	Khối lượng CTRSH (kg/ngày)
1	Hoạt động sản xuất, kinh doanh tại Công ty	150	0,3	45

Thành phần chính là các loại chất hữu cơ dễ bị phân hủy, giấy vụn, bao bì,... Theo số liệu thống kê, thành phần của rác thải sinh hoạt có khoảng 60% chất hữu cơ, 40% chất vô cơ. Chất thải rắn sinh hoạt nếu không được thu gom và xử lý hàng ngày sẽ gây mùi hôi thối khó chịu, làm mất cảnh quan môi trường khu vực. Cụ thể như sau : các loại bao gói, túi nilong đựng đồ ăn, thức uống của công nhân là những chất thải khó phân hủy khi chúng tồn tại trong đất, một số đồ ăn thừa phân hủy tạo ra mùi hôi thối và nước rỉ rác gây ô nhiễm đến môi trường đất, nước, không khí. Do đó, chất thải rắn sinh hoạt cần phải được thu gom và xử lý đảm bảo hợp vệ sinh môi trường.

Ngoài ra, còn có bùn (dạng lỏng) từ bể phốt. Thành phần của bùn thải này chủ yếu là nước (chiếm tới ~85%, do thiết bị vệ sinh cần nước để hút lôi cuốn các cặn bẩn khác) ngoài ra là các chất thải khác (có hàm lượng nhỏ hơn 15%) bao gồm các loại cặn được phân hủy từ phân và giấy vệ sinh, ...

Thể tích phần bùn:

$$W_b = (a.N.T_2.C) : 1.000$$

(Nguồn: Giáo trình đánh giá tác động môi trường – Trần Đông Phong, Nguyễn Quỳnh Hương)

Trong đó:

- + a: Tiêu chuẩn cần lắng cho một người trong 01 ngày đêm ($a = 0,2 - 0,5$ lít/ngày đêm). Chọn $a = 0,5$ lít/người/ngày đêm;
- + N: Số công nhân viên của Dự án là 150 người.
- + T_2 : Thời gian tích lũy cần trong bể tự hoại (thời gian giữa 2 lần hút cần) ($T_2 = 6 - 12$ tháng). Chọn $T_2 = 6$ tháng = 180 ngày.
- + C: Hệ số tính đến 20% cần được giữ trong bể tự hoại đã bị nhiễm vi khuẩn khi hút cần giúp cho quá trình lên men cần tươi tiếp theo được nhanh chóng và dễ dàng hơn, $C = 0,2$;

Suy ra, thể tích phần bùn: Giai đoạn vận hành: $W_{b2} = (0,5 \times 150 \times 180 \times 0,2) : 1.000 = 2,7 \text{ (m}^3\text{)}$.

Tỷ trọng của bùn thải là $1,0 \text{ m}^3 = 1,05$ tấn. Vì vậy, khối lượng bùn cần từ hệ thống bể tự định kỳ hút hàng năm là: $2,7 \text{ m}^3 \times 1,05 \text{ m}^3/\text{tấn} \times 2$ đợt thông hút bể phốt/năm = 5,67 tấn/năm (tương đương 5.670 kg/năm).

Mức độ tác động: Thấp.

Thời gian tác động: Trong quá trình hoạt động của Dự án.

3.4. Loại và khối lượng chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

- Nguồn phát sinh và thành phần phát sinh:

- + Vụn giấy, vụn nguyên liệu, bao bì carton, lõi băng dính, sản phẩm lỗi hỏng,....
- + Bùn thải từ bể tự hoại, hệ thống cống thu gom thoát nước mưa, nước thải.

- Khối lượng phát sinh:

Bảng 18. Dự báo khối lượng chất thải rắn thông thường phát sinh tại Dự án

STT	Tên chất thải	Khối lượng phát sinh (kg/tháng)	Khối lượng phát sinh (kg/năm)
1	Chất thải công nghiệp thông thường: vụn giấy, vụn nguyên liệu PE, vinyl; bao bì carton, sản phẩm lỗi, hỏng,...	15.200	182.400
2	Bùn thải từ bể tự hoại	472,5	5.670
Tổng khối lượng		15.672,5	188.070

- Đánh giá tác động:

Chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh chủ yếu là các loại phế liệu với khối lượng trung bình, dễ dàng được thu gom vào các thùng chứa và xử lý. Do vậy mức độ tác động được đánh giá là nhỏ.

+ Phạm vi tác động: Chủ yếu trong khu vực dự án.

+ Thời gian tác động: Trong suốt quá trình hoạt động của dự án.

3.5. Loại và khối lượng chất thải nguy hại, CTCN phải kiểm soát phát sinh:

- Nguồn phát sinh:

Khối lượng chất thải nguy hại, chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh phụ thuộc nhiều vào thiết bị máy móc, tình trạng thiết bị cũng như hoạt động sản xuất nên không có hệ số phát thải chung cho các nhà máy. Căn cứ vào hoạt động sản xuất thực tế tại nhà máy và kinh nghiệm của Chủ đầu tư, dự báo khối lượng chất thải nguy hại phát sinh khi dự án đi vào hoạt động ổn định như sau:

Bảng 19. Thành phần chất thải nguy hại và chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh tại Dự án

TT	Tên chất thải	Mã chất thải	Trạng thái	Khối lượng phát sinh (kg/năm)	Ký hiệu phân loại
1	Bóng đèn huỳnh quang thải	16 01 06	Rắn	12	NH
2	Dầu động cơ hộp số bôi trơn tổng hợp thải	17 02 03	Lỏng	50	NH
3	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải	17 08 03	Lỏng	280	NH
4	Giẻ lau, găng tay, khẩu trang nhiễm TPNH	18 02 01	Rắn	110	KS
5	Mực in thải	08 02 01	Rắn/Lỏng	300	KS
6	Vỏ hộp mực thải	08 02 04	Rắn	150	KS
7	Bao bì cứng bằng kim loại thải	18 01 02	Rắn	20	KS
8	Bao bì cứng bằng nhựa (khi thải ra có chứa thành phần nguy hại) thải	18 01 03	Rắn	55	KS
Tổng khối lượng				977	

Khối lượng chất thải nguy hại phát sinh tại dự án nếu không được kiểm soát chặt chẽ, chất thải nguy hại các loại có thể có nhiều tác hại đến con người và môi trường, nếu phát tán vào đất hay nguồn nước sẽ đi vào cơ thể các sinh vật và theo chuỗi thức ăn gián tiếp ảnh hưởng đến sức khỏe con người.

+ Đối tượng chịu tác động: Môi trường đất, nước, không khí khu vực dự án

+ Phạm vi tác động: Khu vực thực hiện dự án và xung quanh.

4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải của dự án đầu tư, cơ sở:

4.1. Phương án thu gom, quản lý và xử lý nước thải phát sinh:

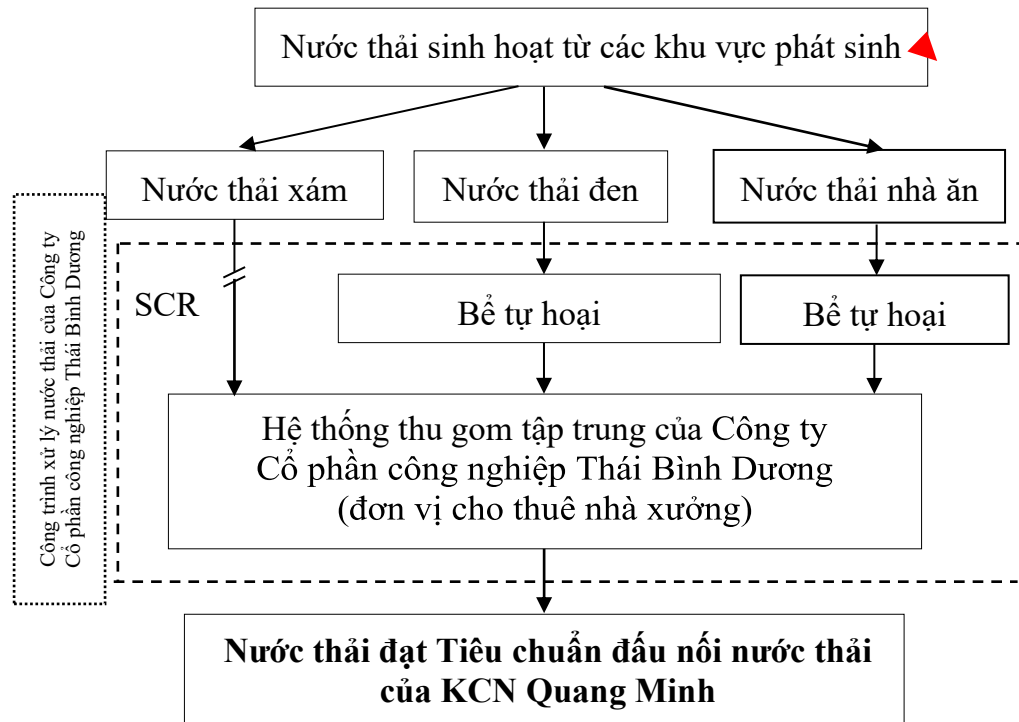
- Nguồn phát sinh: Nước thải từ khu nhà vệ sinh, khu nhà ăn.

- Lượng thải: 8,25 m³/ngày.đêm.

Toàn bộ nước thải sinh hoạt được xử lý bằng bể tự hoại 3 ngăn được xây ngầm phía dưới khu nhà vệ sinh, sau đó dẫn vào hệ thống thu gom của Công ty Cổ phần công

ng nghiệp Thái Bình Dương (đơn vị cho thuê nhà xưởng), đảm bảo toàn bộ nước thải từ được xử lý đạt Tiêu chuẩn tiếp nhận nước thải của KCN trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý của KCN Quang Minh.

Sơ đồ thu gom, xử lý nước thải của dự án như sau:



Hình 4. Hệ thống thu gom, xử lý nước thải của Dự án

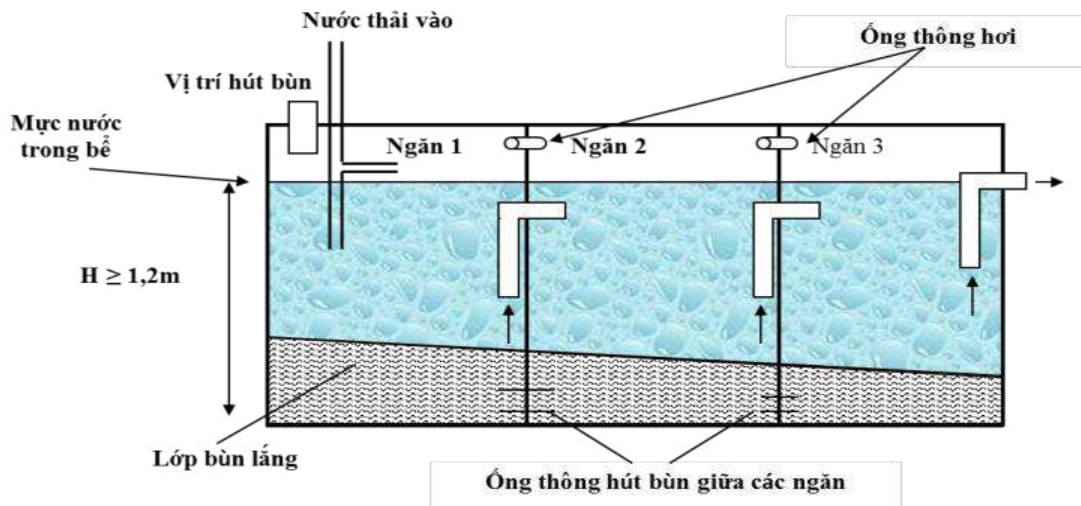
Thuyết minh:

Khi đi vào hoạt động ổn định, ước tính, lưu lượng nước thải phát sinh tại nhà máy khoảng 8,25 m³/ngày.đêm. Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh tại dự án được xử lý sơ bộ qua hệ thống bể tự hoại 3 ngăn trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, thoát nước thải chung của khu xưởng và đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Quang Minh.

❖ Bể tự hoại:

Khu xưởng hiện tại đã được Công ty Cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương (đơn vị cho thuê nhà xưởng) đầu tư xây dựng các hệ thống bể tự hoại đồng bộ cho toàn bộ khu nhà xưởng kết hợp văn phòng, để thu gom, xử lý sơ bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ các khu nhà vệ sinh, khu nhà ăn trước đảm bảo đạt Tiêu chuẩn trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Quang Minh.

Sơ đồ cấu tạo của bể tự hoại 3 ngăn cụ thể như sau:



Hình 5. Sơ đồ bể tự hoại 3 ngăn

Bể tự hoại 3 ngăn (*ngăn kỵ khí, ngăn lắng 1, ngăn lắng 2*) là công trình làm đồng thời hai chức năng lắng và phân hủy cặn lắng. Trong các ngăn kỵ khí xảy ra quá trình phân hủy các chất hữu cơ hòa tan và các chất dạng keo trong nước thải với sự tham gia của hệ vi sinh vật kỵ khí. Trong quá trình sinh trưởng và phát triển, vi sinh vật kỵ khí sẽ hấp thụ các chất hữu cơ hòa tan có trong nước thải, phân hủy và chuyển hóa chúng thành các hợp chất ở dạng khí (khoảng 70 – 80% là metan, 20 – 30% là cacbonic). Bọt khí sinh ra bám vào các hạt bùn cặn. Các hạt bùn cặn này nổi lên trên làm xáo trộn, gây ra dòng tuần hoàn cục bộ trong lớp cặn lơ lửng. Hiệu quả khử BOD và COD có thể đạt 70 – 90%.

Các phương trình hóa học xảy ra trong ngăn kỵ khí như sau:

Chất hữu cơ + VK kỵ khí $\rightarrow$ $\text{CO}_2 + \text{H}_2\text{S} + \text{CH}_4$ + các chất khác + năng lượng.

Chất hữu cơ + VK kỵ khí + năng lượng $\rightarrow$ $\text{C}_5\text{H}_7\text{O}_2\text{N}$ (Tế bào vi khuẩn mới).

Lên men Chất hữu cơ $\rightarrow$ $\text{CH}_4 + \text{CO}_2 + \text{H}_2 + \text{NH}_3 + \text{H}_2\text{S}$

Hỗn hợp khí sinh ra thường được gọi là khí sinh học hay biogas, nhiệt trị của khí Biogas khoảng $4500 \div 6000 \text{ Kcal/m}^3$ (tùy thuộc vào % lượng khí methane). Nước thải sau khi qua ngăn lắng 1 tiếp tục qua ngăn lắng 2 trước khi thải ra ngoài. Cặn lắng được giữ lại trong bể từ 6-8 tháng, dưới ảnh hưởng của các vi sinh vật kỵ khí, chất các hữu cơ bị phân hủy, một phần được tạo thành các chất khí, một phần tạo thành các chất vô cơ hòa tan. Cặn lắng sẽ được Công ty thuê các đơn vị chức năng thu hút định kỳ 1 lần/năm.

4.2. Biện pháp giảm thiểu tác động do nước mưa chảy tràn

Khu nhà xưởng Công ty Cổ phần PVN thuê lại của Công ty Cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương đã xây dựng hoàn thành hệ thống thu gom và thoát nước mưa. Nước mưa chảy tràn có thành phần ô nhiễm thấp, được thu gom riêng qua song chắn rác và hố ga lắng cặn, sau đó dẫn vào hệ thống thoát nước của KCN. Công trình thu gom và thoát nước mưa được bố trí như sau:

- Hệ thống thoát nước mưa được xây dựng gồm hệ thống thu gom nước mưa trên mái và hệ thống thoát nước mưa bề mặt.

- Nước mưa trên mái: Nước mưa trên mái được thu gom bằng hệ thống sênô và đường ống bằng nhựa PVC D110 mm xuống hệ thống thoát nước mưa bề mặt, độ dốc mái $i = 10\%$. Kết cấu mái che phải đảm bảo kín, không gây thấm dột.

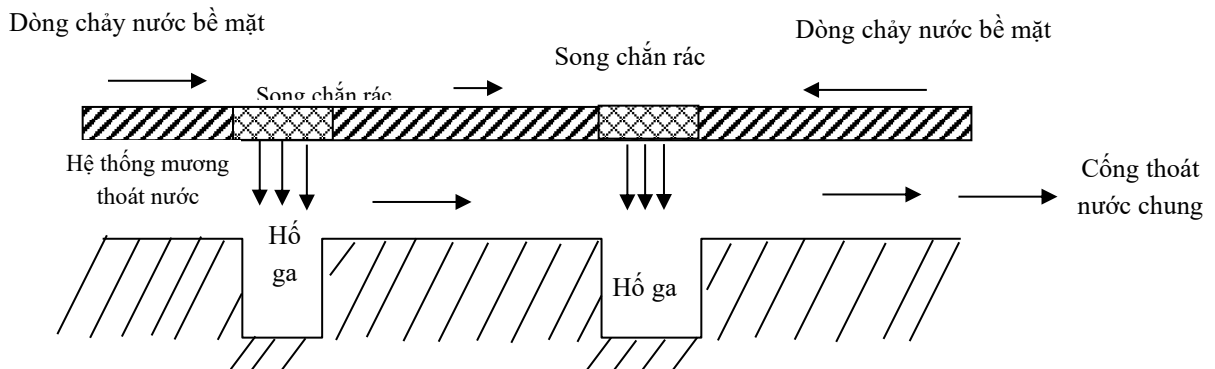
- Nước mưa chảy tràn bề mặt:

+ Hệ thống thoát nước mưa bề mặt (*xung quanh nhà xưởng và dọc theo các tuyến đường nội bộ*) đã được xây dựng bằng BTCT có kích thước D300, độ dốc $I = 0,25\%$. Trên đường thoát nước mưa, có bố trí các hố ga lắng cặn có kích thước $D \times R \times C = 0,75 \times 0,4 \times 0,5\text{m}$.

+ Lắp đặt các song chắn rác làm bằng kim loại, đặt ở cửa vào của kênh dẫn sẽ giữ lại các tạp chất thô như giẻ, rác, bao bì nilon và các vật thải khác được giữ lại để tránh tắc cống.

- Định kỳ 3 – 6 tháng/lần tiến hành kiểm tra, nạo vét hệ thống thoát nước, bùn cặn từ quá trình nạo vét này và bùn này được thu gom như chất thải thông thường. Kiểm tra phát hiện hỏng hóc, mất mát để có kế hoạch sửa chữa, thay thế kịp thời.

- Nước mưa sau khi được thu gom sẽ thải ra hệ thống thoát nước mưa chung của Công ty Cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương rồi chảy vào hệ thống thoát nước mưa của KCN Quang Minh qua các điểm đầu nối.



Hình 6. Sơ đồ hệ thống thoát nước mưa khu vực dự án

4.3. Phương án thu gom, quản lý và xử lý bụi phát sinh:

*** Đối với bụi, khí thải từ hoạt động giao thông ra vào dự án**

Để giảm thiểu tác động của bụi, khí thải từ các phương tiện giao thông ra/vào dự án, Chủ dự án đã và sẽ tiếp tục thực hiện như sau:

+ Tiến hành đăng kiểm, bảo trì, bảo dưỡng định kỳ các loại phương tiện theo đúng quy định.

+ Yêu cầu các phương tiện vận tải đúng tải trọng và chạy đúng tốc độ cho phép để giảm phát tán bụi ra ngoài môi trường. Các phương tiện giao thông vận tải khi lưu

thông đạt tiêu chuẩn về khí thải, tiếng ồn theo tiêu chuẩn hiện hành

+ Không cho xe nổ máy khi giao nhận hàng.

+ Thường xuyên dọn vệ sinh khu vực công cộng, tuyến đường nội bộ của dự án để giảm lượng bụi phát tán vào không khí, đặc biệt vào những ngày thời tiết khô hanh. Biện pháp được đề xuất là những biện pháp có tính khả thi cao.

**** Biện pháp chung điều hòa vi khí hậu trong nhà xưởng, văn phòng***

Công ty đã và sẽ tiếp tục áp dụng các biện pháp sau để giảm thiểu các tác động đến môi trường không khí khu xưởng sản xuất, cụ thể:

+ Thiết kế nhà xưởng cao, thông thoáng, sử dụng vật liệu chống nóng, lắp đặt hệ thống làm mát không khí.

+ Bố trí hệ thống điều hòa tổng, lắp đặt hệ thống thông gió để đối lưu không khí, tạo môi trường thông thoáng, mát mẻ.

+ Trang bị bảo hộ lao động cần thiết cho công nhân như: Khẩu trang hoạt tính, gang tay, mũ bảo hộ, quần áo,...

+ Thường xuyên dọn vệ sinh khu vực nhà xưởng.

+ Lắp đặt hệ thống điều hòa trung tâm AHU (*Air Handling Unit*), quạt thông gió cho khu nhà xưởng để đảm bảo độ sạch và nhiệt độ làm việc theo yêu cầu, không khí tại các phòng xưởng. Dàn trao đổi nhiệt của hệ thống xử lý không khí (AHU) có nhiệm vụ làm lạnh không khí và luân chuyển không khí trong phòng. Công suất lạnh, lưu lượng gió, cột áp của AHU được tính toán và lựa chọn để đảm bảo điều kiện về nhiệt độ, số lần trao đổi không khí trong một giờ. Hệ thống ống dẫn gió hút và thổi, hệ thống trao đổi nhiệt và hệ thống phin lọc bụi. Nguyên lý hoạt động của hệ thống như sau:

Hệ thống ống dẫn gió hút và thổi: Các hệ thống dẫn gió được chế tạo bằng Tole tráng kẽm có bọc cách nhiệt bên ngoài phân phối gió lạnh từ AHU đến các khu vực cần được điều hòa nhiệt độ.

Hệ thống phin lọc bụi: Không khí được hút từ các phòng sản xuất và không khí tươi lấy từ bên ngoài trước khi vào hệ thống trao đổi nhiệt đều phải qua phin lọc (*chế tạo bằng sợi tổng hợp*) để tách bụi. Quy trình thổi bụi qua hệ thống phin lọc được diễn ra tuần tự từ phin lọc sơ cấp -> Phin lọc bụi trung gian -> Phin lọc bụi HEPA.

Hệ thống trao đổi nhiệt: Không khí đi về AHU qua hệ ống dẫn gió vào buồng trộn để trộn với không khí tự nhiên. Không khí sau khi được hoà trộn đi qua bộ phận trao đổi nhiệt để làm lạnh, giảm nhiệt độ xuống và tách ẩm sau đó tiếp tục đi vào buồng đẩy. Mỗi AHU cũng có một hệ thống đẩy riêng để dẫn không khí đã được xử lý đi vào khu vực cần làm lạnh. Hệ thống đẩy cũng được chế tạo bằng Tole tráng kẽm. Trong quá

trình lắp ráp các ống dẫn gió đều được vệ sinh trước khi lắp đặt. Định kỳ các phin lọc sẽ được thay mới.

*** Đối với mùi, khí thải phát sinh từ khu vực chứa chất thải, xử lý nước thải:**

- Rác thải sinh hoạt được thu gom thường xuyên. Khu lưu giữ rác thải sinh hoạt phải được quét dọn sạch sẽ, không để rác thải sinh hoạt rơi vãi trên nền. Hợp đồng với đơn vị có chức năng đến thu gom, vận chuyển đi xử lý đúng quy định.

- Các thức ăn thừa từ bếp ăn hàng ngày được thu gom trong ngày. Các loại chai lọ, túi nilon,... được phân loại và thu gom vào các thùng chứa có nắp đậy để hạn chế ruồi muỗi và bốc mùi, hàng ngày sẽ được công ty vận chuyển đến thu gom, xử lý.

- Kho chứa chất thải được bố trí ở vị trí thông thoáng, ngăn cách với khu vực khác của dự án và được vệ sinh ngay sau khi thu gom rác.

- Các nắp cống, hồ ga được đậy kín để tránh phát tán mùi hôi.

4.4. Phương án thu gom, quản lý và xử lý chất thải rắn, CTNH:

Chủ đầu tư dự kiến bố trí khu lưu chứa rác thải (nhà rác) trong khu xưởng, có tổng diện tích 55 m² để lưu chứa rác thải của Công ty. Cụ thể phương án thu gom, quản lý cụ thể như sau:

a. Đối với CTRSH

+ Để giảm tác động của chất thải rắn sinh hoạt đến môi trường và sức khỏe con người, Chủ đầu tư (Công ty Cổ phần PVN) sẽ phân định, phân loại, thu gom và xử lý các chất thải phát sinh theo đúng quy định của Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025).

+ Đối với khu văn phòng, nhà vệ sinh,...: Bố trí các thùng chứa rác có dung tích 10 - 15L. Sau đó, toàn bộ rác thải được thu gom về kho chứa rác thải sinh hoạt có diện tích 5m² được bố trí tại kho cabin (khu lưu giữ rác thải tạm thời được bố trí tại kho cabin với tổng diện tích khu lưu giữ khoảng 60m²) để thu gom, lưu giữ tạm thời toàn bộ rác thải phát sinh từ dự án. Sau đó, Chủ đầu tư sẽ hợp đồng với đơn vị đủ chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

b. Đối với chất thải rắn CNTT:

Quá trình phân loại, lưu giữ và quản lý tạm thời CTR công nghiệp thông thường tuân thủ theo đúng Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ

môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025). Cụ thể:

+ Công ty bố trí kho lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường với diện tích khoảng 10 m² và kho chứa phế liệu (trong khu lưu giữ chất thải tập trung bố trí tại khu xưởng có tổng diện tích 60 m²).

+ Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Kho chứa CTRTT có kết cấu khung thép, nền BTXM kín khít, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nồm, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải.

+ Đối với chất thải từ quá trình xử lý nước thải, bùn thải nạo vét (bể tự hoại): Khi có nhu cầu thông hút, Chủ đầu tư hợp đồng với các đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

c. Biện pháp giảm thiểu tác động do CTNH

- Để giảm thiểu tác động của chất thải nguy hại đến môi trường và sức khỏe của người lao động, Chủ đầu tư sẽ chịu trách nhiệm phân định, phân loại, thu gom và xử lý các chất thải nguy hại phát sinh của Công ty theo Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025).

- Tiến hành thu gom CTNH vào các thùng có nắp đậy dung tích 60-80 L, trên thùng có dán biển cảnh báo, ghi rõ mã CTNH, kí hiệu và tên từng loại CTNH theo quy định tại Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025) và lưu giữ tại khu vực kho lưu giữ CTNH có diện tích khoảng 15 m² (trong khu vực kho có tổng diện tích 60 m² được bố trí tại khu nhà xưởng), sau đó hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng định kỳ thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

Hiện tại, Công ty đã ký hợp đồng với Công ty TNHH Môi trường công nghiệp Xanh để chuyển giao trách nhiệm thu gom, vận chuyển và xử lý chất thải cho nhà máy (chi tiết theo Hợp đồng số 01.4.2026/HĐ/XLCT ngày 01/4/2026 đính kèm Phụ lục báo cáo).

- Tại vị trí phát sinh bố trí các thùng chứa có nắp đậy, bao bì chứa kín và có dán biển cảnh báo, ghi rõ mã CTNH, kí hiệu và tên từng loại CTNH theo TCVN 6706:2009.



- Thiết kế, cấu tạo của kho lưu giữ CTNH: Kết cấu bằng tường gạch, sàn BTXM kín khí, không bị thấm thấu, tránh nước mưa chảy tràn từ bên ngoài vào; có mái che kín nắng, mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ chất thải; khu vực này được trang bị đầy đủ thiết bị, dụng cụ phòng cháy chữa cháy theo quy định. Bên trong bố trí các thùng đựng bằng nhựa cứng composite; bao bì mềm và có dán nhãn, ghi mã cụ thể.

5. Cam kết thực hiện công tác bảo vệ môi trường:

Công ty Cổ phần PVN xin cam kết thực hiện các biện pháp, công trình bảo vệ môi trường khi triển khai dự án như sau:

- Cam kết rằng các số liệu, thông tin về dự án, các vấn đề môi trường của dự án được cung cấp trong Báo cáo đăng ký môi trường của dự án có tính chính xác và hoàn toàn trung thực.

- Cam kết phân loại chất thải, thu gom và xử lý chất thải đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và các yêu cầu về bảo vệ môi trường có liên quan khác.

- Chất lượng không khí xung quanh tại khu vực dự án nằm trong giới hạn cho phép tại QCVN 05:2023/BTNMT.

- Tiếng ồn, độ rung phát ra từ quá trình hoạt động sản xuất của nhà máy và hoạt động của phương tiện vận chuyển sẽ đảm bảo theo QCVN 26:2025/BNNMT; QCVN 27:2025/BNNMT.

- Nước thải:

+ Nước thải phát sinh từ Nhà máy được xử lý đảm bảo đạt tiêu chuẩn trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý của KCN Quang Minh.

- Chất thải rắn, CTNH: Thu gom, xử lý rác thải sinh hoạt, CTRCNTT, chất thải nguy hại đảm bảo các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi trường (Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường (được sửa đổi, bổ sung

tại Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025) và Thông tư 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 (được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29/01/2026 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 07/2025/TT-BNNMT ngày 16 tháng 6 năm 2025).

- Thực hiện đầy đủ các quy định về an toàn phòng cháy chữa cháy, an toàn điện và phòng chống sét.

- Trong quá trình triển khai dự án nếu có xảy ra sự cố, rủi ro môi trường chủ đầu tư cam kết sẽ đền bù và khắc phục ô nhiễm môi trường gây ra.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực, chính xác của các thông tin, số liệu được nêu trong các tài liệu nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Đề nghị Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội tiếp nhận đăng ký môi trường của Dự án “Sản xuất tem nhãn giấy, vinyl dùng cho sản phẩm đồ gia dụng, điện tử, tem tiêu hao sản xuất” của Công ty Cổ phần PVN.

Trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: HCNS.

CÔNG TY CỔ PHẦN PVN



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thế Duẩn

PHỤ LỤC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG THUÊ XƯỞNG

Số: 2603/TBD-2021



Căn cứ:

- Bộ Luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2015 và các nghị định, thông tư và văn bản hướng dẫn liên quan;
- Luật thương mại được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 14/6/2005 theo Nghị quyết số 33/2005/QH11 và các nghị định, thông tư và văn bản hướng dẫn liên quan;
- Nghị định số 82/2018/NĐ-CP ngày 22/05/2018 của Chính phủ về việc ban hành Quy định về quản lý Khu công nghiệp và khu kinh tế;
- Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ qui định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số Điều của Luật Đầu tư và các văn bản hướng dẫn liên quan.
- Căn cứ khả năng và thoả thuận của các bên,

Hôm nay, ngày 26 tháng 03 năm 2021. Chúng tôi gồm:

I. BÊN CHO THUÊ: CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP THÁI BÌNH DƯƠNG

Đại diện: Bà Đinh Lê Hạnh

- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ trụ sở: Lô 44H, KCN Quang Minh, thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, Hà Nội

Điện thoại: (84) 04. 3784 9851

- Fax: (84) 04. 3784 9852

Mã số thuế: 2500222131

Số tài khoản: 110002665759 tại Ngân hàng Vietinbank – CN Quang Minh

(Sau đây gọi là "**Bên A**")

Và

II. BÊN THUÊ: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PVN

Địa chỉ: Số 678, tổ 44, đường Lý Bôn, phường Kỳ Bá, Tp. Thái Bình, tỉnh Thái Bình

Đại diện: Đoàn Minh Tiến

Chức vụ: Giám Đốc

Điện thoại: 024.3958.0359

Fax:

Mã số thuế: 1001007955

(Sau đây gọi là "**Bên B**")

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng rẽ là "**Bên**" và gọi chung là "**Các Bên**". Các bên cùng thống nhất ký kết Hợp đồng thuê xưởng với các nội dung như sau:

ĐIỀU 1 DIỆN TÍCH, VỊ TRÍ THUÊ XƯỞNG

1.1 Bên A đồng ý cho Bên B thuê và Bên B đồng ý thuê từ Bên A:

- Một phần nhà xưởng 45x80x2 (bao gồm tầng 1 diện tích 1.003,5m² và tầng 2 diện tích 1.336,5m²);

- Nhà để xe tại vị trí 4 khoang phía ngoài canopy từ vị trí D1->D4 nhà xưởng 45x80x2 (bao gồm nhà để xe diện tích 150m² và sân đường 250m²);

tại địa chỉ: Lô 44D, KCN Quang Minh, thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, Hà Nội để Bên B thực hiện dự án đầu tư làm xưởng sản xuất theo Giấy chứng nhận đầu tư được cấp.

Diện tích sử dụng bao gồm nhà xưởng và các công trình kiến trúc khác, cụ thể:

STT	Hạng mục	Diện tích thuê (m ²)
1	Một phần nhà xưởng (tầng 1 + tầng 2)	2.340
2	Khu vực nhà xe (ngoài canopy)	150
3	Sân đường	250
Tổng diện tích		

Nhà xưởng và các công trình kiến trúc khác nêu trên, sau đây được gọi chung là “Nhà xưởng”.

1.2. Các Bên đồng ý với các thông số chính của Nhà xưởng như sau:

- 1 phần Nhà xưởng 02 tầng xây dựng theo kiến trúc tường gạch và tường tôn, mái tôn 1 lớp + chống nóng bằng tấm cách nhiệt, sàn bê tông, cos nền bình thường;

- Đèn chiếu sáng tiêu chuẩn: 150LUX/m²;

- Hệ thống chống sét cho Nhà Xưởng;

- Hệ thống phòng cháy chữa cháy theo phương án đã được thẩm duyệt;

ĐIỀU 2: HIỆU LỰC CỦA HỢP ĐỒNG VÀ THỜI HẠN THUÊ

2.1 Thời hạn thuê Nhà xưởng là 10 năm được tính từ ngày 10 tháng 04 năm 2021

Các Bên có thể gia hạn thời hạn thuê Nhà xưởng theo thỏa thuận bằng văn bản được Các Bên ký kết trước khi hết thời hạn thuê ít nhất 03 (ba) tháng.

2.2 Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký và bên A nhận đủ tiền đặt cọc của bên B.

2.3 Sau khi Hợp đồng có hiệu lực, không bên nào được đơn phương hủy ngang Hợp đồng. Nếu một trong hai bên đơn phương hủy ngang Hợp đồng mà không có sự đồng ý của bên kia, hoặc không thực hiện nghiêm chỉnh các điều khoản đã ký dẫn đến việc thanh lý Hợp đồng trước thời hạn thì sẽ phải báo trước 06 tháng và bồi thường cho bên kia số tiền tương đương số tiền đặt cọc.

ĐIỀU 3: SỬA CHỮA VÀ BẢO TRÌ NHÀ XƯỞNG

3.1 Bên A bằng chi phí của mình có nghĩa vụ bảo trì nhà xưởng trong 02 (hai) năm đầu cho các lỗi thi công (nếu có) và hỏng hóc do thiên tai kể từ ngày ký biên bản nghiệm thu bàn giao cho Bên B để đảm bảo việc sử dụng bình thường của Nhà xưởng.



3.2 Trong quá trình sử dụng nếu có những hư hỏng do hao mòn tự nhiên hoặc Bên B gây ra việc hư hỏng như: Sự cố cháy nổ, chập chày hệ thống điện, sự cố xe đâm va, tự ý sửa chữa, cải tạo mà không được ý kiến chấp thuận bằng văn bản của bên A... dẫn đến hư hỏng thì Bên B phải có trách nhiệm tự sửa chữa, thay thế những hạng mục của Nhà xưởng bị hư hỏng, mất mát bằng chi phí của Bên B và bồi thường thiệt hại cho bên A nếu có.

ĐIỀU 4: TIỀN ĐẶT CỌC

Để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của mình, chậm nhất ngày 31 tháng 3 năm 2021, Bên B sẽ chuyển tiền đặt cọc cho Bên A số tiền tương đương 03 tháng tiền thuê (chưa bao gồm thuế VAT). Nếu sau ngày nêu trên, bên B không chuyển đầy đủ tiền đặt cọc cho bên A thì Hợp đồng thuê không có hiệu lực.

Số tiền này được giữ làm tiền đặt cọc trong suốt thời gian thuê và được hoàn trả bằng tiền Việt Nam Đồng đã được ghi có vào tài khoản của bên A sau khi hai bên kết thúc hợp đồng thuê, thanh lý hợp đồng, đối trừ tất cả các nghĩa vụ phải trả của Bên B đối với Bên A (nếu có).

ĐIỀU 5: ĐƠN GIÁ THUÊ VÀ THANH TOÁN TIỀN THUÊ

5.1 Đơn giá thuê và Bảng tiền thuê kỳ thứ nhất (6 tháng)

Tỷ giá tạm tính: 1 USD = 23.220VNĐ

TT	Hạng mục	Diện tích	Đơn giá (m2/tháng)		Thành tiền (chưa bao gồm thuế)/ tháng	
(A)	(B)	(C)	(D)	(E)	(G)	(H)
			USD	VNĐ	USD	VNĐ
1	Một phần nhà xưởng	2.340	3,5	81.270	8.190	190.171.800
2	Sân đường	250	0,7	16.254	175	4.063.500
3	Canopy (nhà để xe)	150	2,5	58.050	375	8.707.500
4	Phí dịch vụ chung		100,0	2.322.000	100	2.322.000
5	Phí quản lý KCN	2.000,0	0,22 USD/ m2/ năm	5.117 VNĐ/ m2/ năm	2.878,3	669.474
	Tổng				11.718,33	205.934.274
	Thuế VAT 10%				1.171,83	20.593.427

07
INC
N.I
JNH
D/C
PV
NH

	Thành tiền 1 tháng (Bao gồm VAT)		12.890,17	226.527.702
	Thành tiền 6 tháng (Bao gồm VAT)		77.341,00	1.359.166.209

- Giá thuê ổn định trong 2 năm đầu tiên. Từ năm thứ 3, giá thuê có thể được điều chỉnh tăng nhưng không quá 10% đơn giá năm liền trước.

- Các kỳ thanh toán sẽ áp dụng Đơn giá tại cột (D) nhân với tỷ giá USD/VND bán ra của ngân hàng Vietinbank tại từng thời điểm thanh toán.

5.2 Đơn giá trên chưa bao gồm tiền điện, nước, phí xử lý nước thải, phí thuê bao đồng hồ, phí quản lý trạm điện thu hộ Điện lực và nhà máy nước.

Tiền điện, nước, phí xử lý nước thải, phí thuê bao đồng hồ, phí quản lý trạm điện sẽ được Bên B thanh toán sau khi nhận được thông báo hàng tháng của Bên A theo đơn giá áp dụng tại thời điểm hiện tại như sau:

- Tiền điện: 3.076đ/KW

- Tiền nước: 11.615 đồng/m³

- Phí xử lý nước thải: 12.000 đồng/m³

- Thuê bao đồng hồ tháng: 100.000 đồng/ tháng

- Phí quản lý trạm điện: 100.000 đồng/tháng

Đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT và sẽ được điều chỉnh nếu nhà cung cấp điều chỉnh đơn giá.

5.3 Bên B sẽ tự lựa chọn nhà cung cấp và tự thanh toán tiền điện thoại, internet ...theo thực tế sử dụng của mình.

5.4 Thời hạn thanh toán tiền thuê:

-Chậm nhất ngày 10/4/2021, bên B thanh toán 06 tháng tiền thuê Kỳ đầu tiên (đã bao gồm thuế VAT) cho bên A.

- Các kỳ thanh toán tiếp theo, bên B thanh toán tiền thuê **06 tháng/lần** (đã bao gồm thuế VAT), chậm nhất trong vòng 07 (bảy) ngày làm việc cuối cùng của kỳ thanh toán liền trước.

5.5 Nếu Bên B chậm thanh toán tiền thuê theo thời hạn tại khoản 5.4 nêu trên thì phải có văn bản gia hạn được Bên A chấp thuận nhưng cũng không được chậm quá 10 ngày. Trong trường hợp việc thanh toán chậm quá 10 ngày, Bên A sẽ tạm dừng việc sử dụng nhà xưởng của Bên B để chờ giải quyết việc thanh toán. Đồng thời, Bên B sẽ phải thanh toán cho Bên A khoản lãi phạt quá hạn đối với khoản tiền chậm thanh toán đó tính từ thời điểm cuối cùng Bên B phải trả Bên A đến ngày trả hết khoản tiền đó với lãi suất bằng 1,5 lần lãi suất cơ bản được công bố bởi Ngân hàng Nhà nước Việt Nam tại thời điểm đó.

10/



Trường hợp chậm thanh toán quá 20 ngày, bên A có quyền đơn phương chấm dứt hợp đồng mà không bị phạt do lỗi chậm thanh toán của bên B.

5.6 Tiền thuê thanh toán bằng chuyển khoản vào tài khoản sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THÁI BÌNH DƯƠNG

Tài khoản VNĐ: 110002665759

tại Ngân hàng Vietinbank – CN Quang Minh

Hoặc một tài khoản khác do bên A chỉ định tại công văn đề nghị thanh toán.

ĐIỀU 6: QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÁC BÊN

6.1. Quyền và nghĩa vụ của bên cho thuê:

- 6.1.1. Bàn giao mặt bằng và các phần diện tích cho thuê theo hợp đồng.
- 6.1.2. Bên A phải đảm bảo điều kiện PCCC đã được nghiệm thu và được thẩm duyệt
- 6.1.3. Bên A đảm bảo cung cấp nguồn điện, nước cho hoạt động sản xuất, kinh doanh và sinh hoạt của bên B.
- 6.1.4. Bên A đảm bảo quyền sử dụng hợp pháp, quyền giao thông thông suốt cho xe cộ ra vào phần diện tích bên B thuê.
- 6.1.5. Cung cấp hóa đơn GTGT phù hợp với các dịch vụ cung cấp cho bên B.
- 6.1.6. Bên A có quyền nhận tiền thuê xưởng từ bên B theo đúng các điều kiện, điều khoản trong Hợp đồng này.
- 6.1.7. Có quyền yêu cầu Bên Thuê sử dụng các diện tích thuê theo đúng mục đích và yêu cầu Bên Thuê không được tập kết xe cộ, vật tư, hàng hóa và sử dụng các diện tích không thuộc hợp đồng thuê này.

6.2. Quyền và nghĩa vụ của Bên Thuê:

- 6.2.1. Bên Thuê có trách nhiệm thanh toán cho Bên Cho Thuê đầy đủ và đúng hạn Tiền thuê nêu tại Điều 5 của Hợp Đồng này.
- 6.2.2. Bên Thuê tự chịu trách nhiệm về hoạt động sản xuất kinh doanh của mình tại diện tích thuê, phải hoạt động sản xuất kinh doanh theo đúng như đăng ký trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh được cấp cho Bên Thuê và theo pháp luật của nhà nước Việt Nam.
- 6.2.3. Bên thuê được quyền sử dụng tên biển Công ty trong Khu vực thuê.
- 6.2.4. Bên Thuê không được tự ý cho thuê lại, chuyển nhượng hoặc chuyển đổi cho cá nhân, tổ chức khác một phần hay toàn bộ diện tích Công Trình Cho Thuê.
- 6.2.5. Trong thời gian thuê, Bên Thuê không được phép thay đổi, phá bỏ hoặc sửa chữa kết cấu bất kỳ một phần nào của Công Trình Cho Thuê. Trong trường hợp Bên Thuê thay đổi, phá bỏ hoặc sửa chữa bất kỳ một phần nào mà không có sự đồng ý của Bên Cho Thuê sẽ bị xem như Bên Thuê đã vi phạm các điều khoản của Hợp đồng này. Lúc đó,

vet

Bên Thuê sẽ phải chịu trách nhiệm khôi phục Công Trình Cho Thuê lại tình trạng ban đầu và phải bồi thường cho mọi thiệt hại nếu có.

- 6.2.6. Bên Thuê có trách nhiệm quản lý người lao động trong đơn vị của mình. Chấp hành tốt các quy định về an ninh trật tự, an toàn lao động, an toàn phòng chống cháy nổ tiếng ồn và không gây ô nhiễm môi trường trong phạm vi diện tích đã thuê.
- 6.2.7. Bên Thuê tự lập đề án bảo vệ môi trường, lập sổ chủ nguồn thải... tuân theo các quy định của pháp luật Việt Nam về môi trường.
- 6.2.8. Bên Thuê tự bảo vệ, quản lý tài sản, máy móc và tự mua bảo hiểm cho tài sản của mình. Bên Thuê tự tổ chức cho cán bộ công nhân viên của mình tập huấn nghiệp vụ PCCC hàng năm theo quy định pháp luật Việt Nam. Trong trường hợp dễ xảy ra cháy nổ tại khu vực xưởng và làm ảnh hưởng sang các khu vực lân cận do hoạt động sản xuất của Bên Thuê, Bên Thuê phải chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật, phải bồi thường thiệt hại cho các bên liên quan cũng như bồi thường lại tài sản cho Bên Cho Thuê. Bên Thuê tự chịu hoàn toàn trách nhiệm trước các cơ quan quản lý nhà nước về môi trường đối với vấn đề ô nhiễm môi trường, chất thải công nghiệp, chất thải sinh hoạt... liên quan đến hoạt động sản xuất của mình trong suốt thời gian thuê.
- 6.2.9. Bên thuê hoàn toàn tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về hoạt động của mình cũng như tài sản và con người của mình trong suốt quá trình thuê.
- 6.2.10. Không được tự ý sửa chữa, coi nới nhà xưởng và các diện tích thuê nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của bên A.
- 6.2.11. Bên B, bằng chi phí của mình được phép lắp đặt hệ thống điện chiếu sáng, điện động lực, trần, vách, sàn ...trong khu vực thuê nhưng phải có bản vẽ trình Bên A phê duyệt. Nếu việc thay đổi công trình dẫn đến phải bổ sung, điều chỉnh hệ thống PCCC bên B tự chịu trách nhiệm tiến hành công việc thẩm duyệt, đầu tư bổ sung hệ thống và nghiệm thu PCCC theo phương án mới.
- 6.2.12. Có trách nhiệm bồi thường những hư hỏng, mất mát về tài sản nếu dễ xảy ra những thiệt hại cho bên A trong quá trình thuê.
- 6.2.13. Bên Thuê chỉ được sử dụng riêng các phần diện tích đã thuê trong hợp đồng này. Bên Thuê không được tập kết xe cộ, vật tư, hàng hóa và sử dụng các diện tích không thuộc hợp đồng thuê này.

ĐIỀU 7: VI PHẠM HỢP ĐỒNG

- 7.1. Nếu một Bên không thực hiện đúng những cam kết và nghĩa vụ của mình được quy định trong Hợp Đồng ("Bên Vi Phạm"), Bên còn lại ("Bên Bị Vi Phạm") có quyền gửi thông báo bằng văn bản đến Bên Vi Phạm mô tả phạm vi, tính chất của vi phạm

let

và yêu cầu Bên Vi Phạm khắc phục vi phạm với chi phí của mình trong một thời hạn hợp lý được chỉ rõ trong thông báo ("Thời Hạn Khắc Phục").

- 7.2. Bên bị Vi Phạm có quyền tạm dừng thực hiện các nghĩa vụ của mình theo Hợp Đồng này trong Thời Hạn Khắc Phục.
- 7.3. Bên bị Vi Phạm có quyền đòi Bên Vi Phạm bồi thường những thiệt hại thực tế và chính đáng phát sinh bởi việc vi phạm Hợp Đồng.
- 7.4. Nếu hợp đồng bị vi phạm do nguyên nhân bất khả kháng quy định tại Điều 8 dưới đây thì không bên nào bị phạt và hai bên thương lượng để giải quyết hợp đồng và hoàn trả cho nhau những gì đã nhận.

ĐIỀU 8: SỰ KIỆN BẤT KHẢ KHÁNG

8.1. Sự Kiện Bất Khả Kháng là tất cả những sự kiện xảy ra một cách khách quan, ngoài tầm kiểm soát của Các Bên, không lường trước được, không thể tránh được và không thể khắc phục được mặc dù đã áp dụng mọi biện pháp cần thiết và khả năng cho phép, ngăn cản việc thực hiện Hợp Đồng của một hoặc Các Bên. Sự Kiện Bất Khả Kháng có thể bao gồm: động đất, núi lửa, bão, lũ lụt, hỏa hoạn, chiến tranh, đình công, bạo loạn, việc thay đổi của luật pháp, sự ngăn cấm của Nhà Nước hay những sự kiện khác chưa thể lường trước được, không thể ngăn chặn hay kiểm soát được.

8.2. Hậu quả của Sự Kiện Bất Khả Kháng:

- 8.2.1. Nếu một Sự Kiện Bất Khả Kháng xảy ra, nghĩa vụ phải thực hiện theo Hợp Đồng của Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện đó sẽ được tạm hoãn trong thời gian bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng và sẽ được tự động ra hạn một thời hạn bằng với thời gian tạm hoãn mà không bị coi là vi phạm Hợp Đồng.
- 8.2.2. Bên bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng sẽ phải ngay lập tức thông báo với Bên còn lại bằng văn bản và phải cung cấp đầy đủ chứng cứ về việc xảy ra, thời gian của Sự Kiện Bất Khả Kháng trong thời hạn 7 ngày sau đó. Bên bị ảnh hưởng bởi Sự Kiện Bất Khả Kháng cũng phải sử dụng tất cả mọi nỗ lực hợp lý để chấm dứt Sự Kiện Bất Khả Kháng.
- 8.2.3. Trong trường hợp xảy ra Sự Kiện Bất Khả Kháng, Các Bên phải ngay lập tức tham vấn lẫn nhau để tìm ra một giải pháp công bằng và phải sử dụng tất cả những nỗ lực hợp lý để giảm thiểu hậu quả của Sự Kiện Bất Khả Kháng đó.

ĐIỀU 9: CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG

9.1. Hợp Đồng sẽ chấm dứt khi hết thời hạn thuê nhà máy được quy định tại điều 2 mà các bên không có thoả thuận khác.

Trong trường hợp này, Bên A sẽ trả lại cho Bên B tiền đặt cọc (bằng tiền VNĐ) đúng số tiền mà bên thuê đã chuyển vào tài khoản của bên cho thuê hoặc một tài khoản do

vet



10/11
C.2
AI B.1

bên B chỉ định mà không phải trả bất kỳ khoản lãi nào trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày chấm dứt Hợp Đồng, sau khi hai bên ký biên bản bàn giao nhà máy, thanh lý hợp đồng, Bên B thanh toán tất cả các chi phí bên B phải thanh toán (nếu có) như: tiền thuê còn thiếu, các hư hỏng nhà xưởng do bên B gây ra mà không khắc phục trước khi bàn giao lại cho Bên A...

- 9.2. Sau khi hợp đồng có hiệu lực, hai bên không được đơn phương huỷ ngang hợp đồng, nếu vi phạm phải bồi thường theo điều 2.3 của Hợp đồng này.
- 9.3. Trong trường hợp bên B chậm thanh toán quá 20 ngày theo điều 5.5, bên A có quyền đơn phương chấm dứt Hợp đồng trước thời hạn do bên B vi phạm Hợp đồng. Trường hợp này bên B sẽ phải bồi thường cho bên A theo điều 2.3 của Hợp đồng này.
- 9.4. Bàn giao lại Nhà xưởng:
- 9.4.1 Khi hết thời hạn thuê Nhà xưởng, Bên B sẽ bàn giao lại Nhà xưởng cho Bên A sau khi đã tháo dỡ và di chuyển toàn bộ tài sản của Bên B ra khỏi Nhà xưởng trong khoảng thời gian tối đa là 60 ngày kể từ ngày hết hạn hợp đồng. Bên B sẽ chịu trách nhiệm trả cho Bên A tiền thuê Nhà xưởng căn cứ theo số ngày quá hạn thực tế và tiền thuê này được đối trừ vào tiền đặt cọc.
- 9.4.2 Trong trường hợp chấm dứt Hợp Đồng trước thời hạn theo điều 9, Các Bên đồng ý rằng, Bên B có trách nhiệm báo trước việc chấm dứt và thanh toán tiền đền bù trước khi tháo dỡ và di chuyển toàn bộ tài sản của Bên B ra khỏi Nhà máy để bàn giao lại Nhà máy cho Bên A.
- 9.4.3 Trong thời gian sử dụng, bên B làm hư hỏng nhà xưởng như: làm chập cháy hệ thống điện, Trạm biến áp, xe va quệt....thì trước khi bàn giao, bên B có trách nhiệm sửa chữa lại. Trường hợp bên B không sửa chữa, Bên A sẽ tự thực hiện và trừ vào khoản tiền đặt cọc của bên B.

ĐIỀU 10: NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

- 10.1. Hợp Đồng này và Phụ lục đính kèm (nếu có) cấu thành nên toàn bộ thỏa thuận giữa Các Bên về các vấn đề liên quan. Mọi thỏa thuận trước đây về các vấn đề liên quan nêu trên được huỷ bỏ và thay thế bởi Hợp Đồng này.
- 10.2. Nếu có bất kỳ Điều khoản nào của Hợp Đồng được xác định là vô hiệu hoặc không thể thực hiện được thì các Điều khoản khác vẫn được thực hiện ở mức tối đa.
- 10.3. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, các bên không được phép sao chép, cung cấp một phần hay toàn bộ thông tin của Hợp đồng cho bất kỳ bên thứ ba nào biết khi chưa có sự chấp thuận bằng văn bản của bên kia.
- 10.4. Hợp Đồng này chỉ được sửa đổi, bổ sung bằng Phụ lục Hợp Đồng với sự đồng ý của Các Bên.

VK

- 10.5. Mọi tranh chấp phát sinh trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng trên tinh thần hợp tác, bình đẳng cùng có lợi. Trong trường hợp Các Bên không tự giải quyết được thì tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết tại tòa án kinh tế có thẩm quyền tại Việt Nam.
- 10.6. Những Điều khoản không được quy định trong Hợp Đồng này sẽ được thực hiện theo quy định của Ban quản lý các khu công nghiệp & chế xuất Hà Nội và các quy định của pháp luật hiện hành.
- 10.7. Hợp Đồng thuê xưởng này được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt, có giá trị ngang nhau, mỗi bên giữ 02 bản để làm căn cứ thực hiện.
- 10.8. Hợp Đồng này có hiệu lực kể từ ngày ký và bên A nhận được tiền đặt cọc.

ĐẠI DIỆN BÊN A



CHỦ TỊCH HĐQT

Dinh Lê Hạnh

ĐẠI DIỆN BÊN B



CHỦ TỊCH HĐQT.V

KIỂM GIÁM ĐỐC

Đoàn Minh Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



PHỤ LỤC HỢP ĐỒNG

Số: 01-TBD-PVN

- Căn cứ theo Hợp đồng thuê xưởng số 2603/TBD-2021 đã ký ngày 26/03/2021 giữa Công ty cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương và Công ty TNHH thương mại và dịch vụ PVN;
- Căn cứ thỏa thuận của các bên;

Hôm nay, ngày 20 tháng 04 năm 2021. Chúng tôi gồm:

I. BÊN CHO THUÊ: CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP THÁI BÌNH DƯƠNG

Đại diện: Bà Đinh Lê Hạnh

- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ trụ sở: Lô 44H, KCN Quang Minh, thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, Hà Nội

Điện thoại: (84) 04. 3784 9851

- Fax: (84) 04. 3784 9852

Mã số thuế: 2500222131

Số tài khoản: 110002665759 tại Ngân hàng Vietinbank – CN Quang Minh

(Sau đây gọi là “Bên A”)

Và

II. BÊN THUÊ: CÔNG TY CỔ PHẦN PVN

Địa chỉ: Lô 44D, KCN Quang Minh, TT Chi Đông, huyện Mê Linh, Hà Nội

Đại diện: Nguyễn Thế Duẩn

- Chức vụ: Giám Đốc

Điện thoại: 024.3958.0359

Fax:

Mã số thuế: 1001007955

(Sau đây gọi là “Bên B”)

Bên A và Bên B sau đây được gọi riêng rẽ là “Bên” và gọi chung là “Các Bên”. Các bên cùng thống nhất ký kết Phụ lục điều chỉnh Hợp đồng thuê xưởng với các nội dung như sau:

Điều 1: Điều chỉnh Thông tin thay đổi của Bên thuê xưởng như sau:

STT	Nội dung	Thông tin cũ	Thông tin mới
1	Tên Công ty	CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PVN	CÔNG TY CỔ PHẦN PVN
2	Địa chỉ	Số 678, Tổ 44 đường Lý Bôn, phường Kỳ Bá, thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình	Lô 44D, KCN Quang Minh, Thị Trấn Chi Đông, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
3	Người đại diện	Mr. Đoàn Minh Tiến	Mr. Nguyễn Thế Duẩn

Không thay đổi thông tin về Mã số thuế doanh nghiệp.

Handwritten signature/initials



Điều 2: Hiệu lực của Phụ lục

1. Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng thuê xưởng số 2603/TBD-2021 đã ký ngày 26/03/2021, có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị như các điều khoản trong Hợp đồng.
2. Các điều khoản khác quy định tại Hợp đồng không sửa đổi, bổ sung vẫn giữ nguyên hiệu lực thực hiện.
3. Phụ lục này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN
CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP THÁI
BÌNH DƯƠNG



CHỦ TỊCH HĐQT

Dinh Lê Hạnh

ĐẠI DIỆN
CÔNG TY CỔ PHẦN



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Chế Duân



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



PHỤ LỤC 02

HỢP ĐỒNG THUÊ XƯỞNG 2603/TBD-2021

- Căn cứ theo Hợp đồng thuê xưởng số 2603/TBD-2021 đã ký ngày 26/03/2021 giữa Công ty cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương và Công ty TNHH thương mại và dịch vụ PVN và Phụ lục đính kèm;
- Căn cứ thỏa thuận của các bên;

Hôm nay, ngày 24. tháng 02. năm 2024. Chúng tôi gồm:

I. BÊN CHO THUÊ: CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP THÁI BÌNH DƯƠNG

Đại diện: Bà Đinh Lê Hạnh

- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ trụ sở: Lô 44H, KCN Quang Minh, thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, Hà Nội

Điện thoại: (84) 04. 3784 9851

- Fax: (84) 04. 3784 9852

Mã số thuế: 2500222131

Số tài khoản: 110002665759 tại Ngân hàng Vietinbank – CN Quang Minh

(Sau đây gọi là "**Bên A**")

Và

II. BÊN THUÊ: CÔNG TY CỔ PHẦN PVN

Địa chỉ: Lô 44D, KCN Quang Minh, Thị Trấn Chi Đông, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Đại diện: Nguyễn Thế Duân

Chức vụ: Giám Đốc

Điện thoại: 024.3958.0359

Fax:

Mã số thuế: 1001007955

(Sau đây gọi là "**Bên B**")



Các bên cùng thống nhất ký kết Phụ lục điều chỉnh Hợp đồng thuê xưởng với các nội dung như sau:

Điều 1: Bổ sung thêm diện tích thuê

Bên A đồng ý cho Bên B thuê thêm và Bên B đồng ý thuê thêm từ Bên A diện tích 125m2 Nhà xưởng tầng 1, cụ thể:

- 1.1. Thời gian thuê: Thời gian thuê được tính từ ngày 23/02/2024 đến ngày kết thúc của Hợp đồng thuê xưởng số 2603/TBD-2021 (09/04/2031).
- 1.2. Đơn giá thuê và Bảng tiền thuê theo kỳ thanh toán (6 tháng/lần)
 - a. Đơn giá thuê: 3,5 USD/m2/tháng.
 - b. Bảng tiền thuê theo Kỳ thanh toán:

Tỷ giá tạm tính: 1USD = 24.698 VNĐ (Tỷ giá thanh toán thực tế: theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Vietinbank tại thời điểm thanh toán)

TT	Hạng mục	Diện tích	Đơn giá (m2/tháng)	Thành tiền (chưa bao gồm thuế)/ tháng
----	----------	-----------	--------------------	---------------------------------------

			USD	VND	USD	VND
1	Một phần nhà xưởng tầng 1	125,0	3,5	86.443,00	437,5	10.805.375
2	Phí quản lý KCN	125,0	0,24 USD/ m2/năm	5.800 VND/m2/ năm	2,5	60.417
	Tổng				440,0	10.865.792
	Thuế VAT 10%				44,0	1.086.579
	Thành tiền 1 tháng (Bao gồm VAT)				484,0	11.952.371
	Thành tiền 6 tháng (Bao gồm VAT)				2.904,0	71.714.227

1.3. Phương thức thanh toán:

- Kỳ đầu tiên: Chậm nhất trước ngày **23/02/2024**, Bên B thanh toán Kỳ từ **23/02/2024 đến 09/04/2024**.
- Các kỳ thanh toán tiếp theo: Bên B thanh toán tiền thuê **06 tháng/lần** (cùng Kỳ với tiền thuê Nhà xưởng) theo quy định tại Hợp đồng.

Điều 2: Bổ sung tiền Đặt cọc

Để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của mình, chậm nhất trước ngày **23/02/2024**, Bên B chuyển bổ sung tiền đặt cọc cho Bên A số tiền tương đương **03 tháng** tiền thuê diện tích thuê thêm (chưa bao gồm VAT).

Số tiền đặt cọc Bên B phải bổ sung là: **1.312,5 USD** (Một nghìn ba trăm mười hai đô la Mỹ và năm mươi cents./.).

(Tỷ giá thanh toán: theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Vietinbank tại thời điểm thanh toán)

Điều 3: Hiệu lực của Phụ lục

1. Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng thuê xưởng số **12603/TBD-2021** đã ký ngày **26/03/2021**, có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị như các điều khoản trong Hợp đồng.
2. Các điều khoản khác quy định tại Hợp đồng không sửa đổi, bổ sung vẫn giữ nguyên hiệu lực thực hiện.
3. Phụ lục này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.

ĐẠI DIỆN BÊN A



CHỦ TỊCH HĐQT

Dinh Lê Mạnh

ĐẠI DIỆN BÊN B



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Khắc Tuấn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



PHỤ LỤC 03

HỢP ĐỒNG THUÊ XƯỞNG 2603/TBD-2021

- Căn cứ theo Hợp đồng thuê xưởng số 2603/TBD-2021 đã ký ngày 26/03/2021 giữa Công ty cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương và Công ty TNHH thương mại và dịch vụ PVN và Phụ lục đính kèm;
- Căn cứ thỏa thuận của các bên;

Hôm nay, ngày 18 tháng 06 năm 2024. Chúng tôi gồm:

I. BÊN CHO THUÊ: CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP THÁI BÌNH DƯƠNG

Đại diện: Bà Đinh Lê Hạnh

- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ trụ sở: Lô 44H, KCN Quang Minh, thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, Hà Nội

Điện thoại: (84) 04. 3784 9851

- Fax: (84) 04. 3784 9852

Mã số thuế: 2500222131

Số tài khoản: 110002665759 tại Ngân hàng Vietinbank – CN Quang Minh

(Sau đây gọi là "**Bên A**")

Và

II. BÊN THUÊ: CÔNG TY CỔ PHẦN PVN

Địa chỉ: Lô 44D, KCN Quang Minh, Thị Trấn Chi Đông, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Đại diện: Nguyễn Thế Duẩn

Chức vụ: Giám Đốc

Điện thoại: 024.3958.0359

Fax:

Mã số thuế: 1001007955

(Sau đây gọi là "**Bên B**")

Các bên cùng thống nhất ký kết Phụ lục điều chỉnh Hợp đồng thuê xưởng với các nội dung như sau:

Điều 1: Bổ sung thêm diện tích thuê

Bên A đồng ý cho Bên B thuê thêm và Bên B đồng ý thuê thêm từ Bên A diện tích **358m2 tầng 2** Nhà xưởng K45x80, cụ thể:

1.1. Thời gian thuê: Thời gian thuê được tính từ ngày **20/06/2024** đến ngày kết thúc của Hợp đồng thuê xưởng số 2603/TBD-2021 (09/04/2031).

1.2. Đơn giá thuê và Bảng tiền thuê theo kỳ thanh toán (6 tháng/lần)

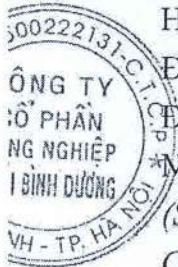
a. Đơn giá thuê: **3,1 USD/m2/tháng**.

Đơn giá ổn định trong 01 năm đầu của Phụ lục. Từ năm thứ 2, đơn giá có thể điều chỉnh tăng hàng năm nhưng không quá 10% của Kỳ thanh toán liền trước.

b. Bảng tiền thuê theo Kỳ thanh toán:

Tỷ giá tạm tính: 1USD = 25.500 VNĐ (Tỷ giá thanh toán thực tế: theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Vietinbank tại thời điểm thanh toán).

vt



TT	Hạng mục	Diện tích	Đơn giá (m2/tháng)		Thành tiền (chưa bao gồm thuế)/ tháng	
			USD	VNĐ	USD	VNĐ
1	Một phần nhà xưởng tầng 2	358,0	3,10	79.050	1.109,80	28.299.900
	Tổng				1.109,80	28.299.900
	Thuế VAT 10%				110,98	2.829.990
	Thành tiền 1 tháng (Bao gồm VAT)				1.220,78	31.129.890
	Thành tiền 6 tháng (Bao gồm VAT)				7.324,68	186.779.340

1.3. Phương thức thanh toán:

- Kỳ đầu tiên: Chậm nhất trước ngày **20/06/2024**, Bên B thanh toán Kỳ từ **20/06/2024** đến **09/10/2024**.
- Các kỳ thanh toán tiếp theo: Bên B thanh toán tiền thuê **06 tháng/lần** (cùng Kỳ với tiền thuê Nhà xưởng) theo quy định tại Hợp đồng.

Điều 2: Bổ sung tiền Đặt cọc

Để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của mình, chậm nhất trước ngày **20/06/2024**, Bên B chuyển bổ sung tiền đặt cọc cho Bên A số tiền tương đương **03 tháng** tiền thuê diện tích thuê thêm (chưa bao gồm VAT).

Số tiền đặt cọc Bên B phải bổ sung là: **3.329,40 USD** (Ba nghìn ba trăm hai mươi chín đô la Mỹ và bốn mươi cents./.).

(Tỷ giá thanh toán: theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Vietinbank tại thời điểm thanh toán)

Điều 3: Hiệu lực của Phụ lục

1. Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng thuê xưởng số 2603/TBD-2021 đã ký ngày 26/03/2021, có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị như các điều khoản trong Hợp đồng.
2. Các điều khoản khác quy định tại Hợp đồng không sửa đổi, bổ sung vẫn giữ nguyên hiệu lực thực hiện.
3. Phụ lục này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.



CHỦ TỊCH HĐQT
Đinh Lê Mạnh



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thế Duân

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



PHỤ LỤC 04

HỢP ĐỒNG THUÊ XƯỞNG 2603/TBD-2021

- Căn cứ theo Hợp đồng thuê xưởng số 2603/TBD-2021 đã ký ngày 26/03/2021 giữa Công ty cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương và Công ty TNHH thương mại và dịch vụ PVN và các Phụ lục đính kèm;
- Căn cứ thỏa thuận của các bên;

Hôm nay, ngày 25 tháng 11 năm 2024. Chúng tôi gồm:

I. BÊN CHO THUÊ: CÔNG TY CP CÔNG NGHIỆP THÁI BÌNH DƯƠNG

Đại diện: Bà Đinh Lê Hạnh

- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Địa chỉ trụ sở: Lô 44H, KCN Quang Minh, thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, Hà Nội

Điện thoại: 1900077789

Mã số thuế: 2500222131

Số tài khoản: 116 000 117733 tại Ngân hàng Vietinbank – CN Phúc Yên

(Sau đây gọi là "**Bên A**")

Và

II. BÊN THUÊ: CÔNG TY CỔ PHẦN PVN

Địa chỉ: Lô 44D, KCN Quang Minh, Thị Trấn Chi Đông, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Đại diện: Ông Nguyễn Thế Duẩn

- Chức vụ: Giám Đốc

Điện thoại: 024.3958.0359

Mã số thuế: 1001007955

(Sau đây gọi là "**Bên B**")

Các bên cùng thống nhất ký kết Phụ lục điều chỉnh Hợp đồng thuê xưởng với các nội dung như sau:

Điều 1: Bổ sung thêm diện tích thuê

Bên A đồng ý cho Bên B thuê thêm và Bên B đồng ý thuê thêm từ Bên A phần diện tích **84,7 m2 Kho cabin**, cụ thể:

1.1. Thời gian thuê: Thời gian thuê được tính từ ngày **27/11/2024** đến ngày kết thúc của Hợp đồng thuê xưởng số 2603/TBD-2021 (**09/04/2031**).

1.2. Đơn giá thuê và Bảng tiền thuê theo kỳ thanh toán (6 tháng/lần)

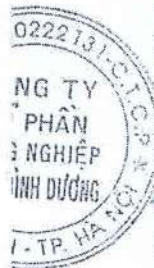
a. Đơn giá thuê: **2,5 USD/m2/tháng**

Đơn giá ổn định trong 01 năm đầu của Phụ lục. Từ năm thứ 2, đơn giá có thể điều chỉnh tăng hàng năm nhưng không quá 10% của Kỳ thanh toán liền trước.

b. Bảng tiền thuê theo Kỳ thanh toán:

Tỷ giá tạm tính: **1USD = 25.500 VNĐ** (Tỷ giá thanh toán thực tế: theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Vietinbank tại thời điểm thanh toán).

V&



TT	Hạng mục	Diện tích	Đơn giá (m2/tháng)		Thành tiền (chưa bao gồm thuế)/ tháng	
			USD	VNĐ	USD	VNĐ
1	Kho cabin	84,7	2,50	63.750	211,75	5.399.625
	Tổng				211,75	5.399.625
	Thuế VAT 10%				21,18	539.963
	Thành tiền 1 tháng (Bao gồm VAT)				232,93	5.939.588
	Thành tiền 6 tháng (Bao gồm VAT)				1.397,55	35.637.525

1.3. Phương thức thanh toán:

- Kỳ đầu tiên: Chậm nhất trước ngày **29/11/2024**, Bên B thanh toán Kỳ từ **27/11/2024 đến 09/04/2025**.

- Các kỳ thanh toán tiếp theo: Bên B thanh toán tiền thuê **06 tháng/lần** (cùng Kỳ với tiền thuê Nhà xưởng) theo quy định tại Hợp đồng.

Điều 2: Bổ sung tiền Đặt cọc

Để bảo đảm việc thực hiện nghĩa vụ của mình, chậm nhất trước ngày **29/11/2024**, Bên B chuyển bổ sung tiền đặt cọc cho Bên A số tiền tương đương **03 tháng** tiền thuê diện tích thuê thêm (chưa bao gồm VAT).

Số tiền đặt cọc Bên B phải bổ sung là: **635,25 USD** (Sáu trăm ba lăm đô la Mỹ và hai mươi lăm cents./).

(Tỷ giá thanh toán: theo tỷ giá bán ra của Ngân hàng Vietinbank tại thời điểm thanh toán)

Điều 3: Hiệu lực của Phụ lục

Phụ lục này là một phần không thể tách rời của Hợp đồng thuê xưởng số **2603/TBD-2021** đã ký ngày **26/03/2021**, có hiệu lực kể từ ngày ký và có giá trị như các điều khoản trong Hợp đồng.

2. Các điều khoản khác quy định tại Hợp đồng không sửa đổi, bổ sung vẫn giữ nguyên hiệu lực thực hiện.

3. Phụ lục này được lập thành 04 bản, mỗi bên giữ 02 bản có giá trị pháp lý như nhau.



CHỦ TỊCH HĐQT
Dinh Lê Mạnh



CHỦ TỊCH HĐQT
Nguyễn Thế Duân

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý

Xác nhận của cơ quan
có thẩm quyền

29/07/2015

Chuyển nhượng cho Công ty cổ phần công nghiệp
Thái Bình Dương; Giấy chứng nhận đăng ký doanh
nghiệp Công ty cổ phần mã số doanh nghiệp
2500222131 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà
Nội cấp, đăng ký lần đầu ngày 24/04/2009, đăng ký
thay đổi lần thứ 4 ngày 27/11/2013. Trụ sở chính: Lô
44D Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Chi
Đông, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội theo Quyết
định số 121/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 của UBND
thành phố Hà Nội.

Ngày 30 tháng 11 năm 2017

Điều chỉnh bỏ các hàng mục đã phá dỡ gồm: kho
04 diện tích 1.702,16m², nhà vệ sinh diện tích
48,7m².

Chứng nhận bỏ sung quyền sở hữu công trình theo
Giấy phép xây dựng số 1122/GPXD ngày 19/8/2016
và Văn bản số 1791/BQL-QHXD ngày 16/1/2017
của Ban quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà
Nội gồm: Nhà xưởng K40x70, diện tích xây dựng
7.848,59m², tổng diện tích sàn 3.048,59m², quy mô
01 tầng trệt, kết cấu khung thép tiền chế, mái lợp
tôn; Nhà xưởng K45x80x2, diện tích xây dựng
3.600m², tổng diện tích sàn 7.200m², quy mô 02
tầng, kết cấu khung thép tiền chế, mái lợp tôn; Nhà
xưởng K60x120x2, diện tích xây dựng 7.279,39m²
tổng diện tích sàn 14.558,78m², quy mô 02 tầng, kết
cấu khung thép tiền chế, mái lợp tôn.

PHÓ GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Nghĩa

PHÓ GIÁM ĐỐC

Sông Văn Nghĩa

Người được cấp Giấy chứng nhận không được sửa chữa, lấy xóa hoặc bỏ
sung bất kỳ nội dung nào trong Giấy chứng nhận, khi bị mất hoặc hư
hỏng Giấy chứng nhận phải khai báo ngay với cơ quan cấp Giấy.



010897314040353

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



GIẤY CHỨNG NHẬN QUYỀN SỬ DỤNG ĐẤT QUYỀN SỞ HỮU NHÀ Ở VÀ TÀI SẢN KHÁC Gắn liền với đất

1. Người sử dụng đất, chủ sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất
Công ty cổ phần Picezza Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 2500227965 do Phòng
Đăng ký kinh doanh số 02 - Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu
ngày 05/4/2007, đăng ký thay đổi lần thứ 7 ngày 05/3/2013.

Địa chỉ: Số 20 phố Cát Linh, phường Cát Linh, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

BS 762401

II. Thừa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

1. Thừa đất:

- a) Thừa đất số: 00, từ bản đồ số: 00
b) Địa chỉ: Lô 44D KCN Quang Minh, Thị trấn Chì Đòng, Huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội
c) Diện tích: 4043,14 m²(quảng chữ: Bốn mươi nghìn bốn trăm ba mươi mốt phẩy bốn mốt vuông)
d) Hình thức sử dụng: riêng: 4043,14 m², chung: Không m²
đ) Mục đích sử dụng: Trữ số làm việc và cơ sở sản xuất kinh doanh (Đất khu công nghiệp)
e) Thời hạn sử dụng: 49 năm, kể từ ngày 18/7/2003
g) Nguồn gốc sử dụng: Nhà nước cho thuê đất trả tiền thuê đất hàng năm

2. Nhà ở: -/-

3. Công trình xây dựng khác:

Hạng mục xây dựng công trình	Diện tích xây dựng (m ²)	Diện tích sàn hoặc công suất	Kết cấu chủ yếu	Cấp công trình	Số tầng	Năm hoàn thành xây dựng	Thời hạn sở hữu
Xưởng sản xuất chính	8009,8	8009,8	-/-	Cấp 4	-/-	-/-	-/-
Kho 02	1039,6	1039,6	-/-	Cấp 4	-/-	-/-	-/-
Nhà số 03	352	704	-/-	Cấp 4	-/-	-/-	-/-
Kho 04	1702,16	1702,16	-/-	Cấp 4	-/-	-/-	-/-
Trạm BA	73,8	73,8	-/-	Cấp 4	-/-	-/-	-/-
Nhà vệ sinh	48,7	48,7	-/-	Cấp 4	-/-	-/-	-/-

4. Rừng sản xuất là rừng trồng: -/-

5. Cây lâu năm: -/-

6. Ghi chú:

GCN này cấp theo QĐ số 11/QĐ-UBND ngày 02/01/2014 và số 3749/QĐ-UBND ngày 14/7/2014 của UBND TP Hà Nội và thay thế GCN số X 432521 do UBND tỉnh Vĩnh Phúc cấp ngày 10/8/2004. Tài thời điểm cấp GCN này, toàn bộ tài sản gắn liền với đất nêu trên chưa được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép xây dựng hoặc cho ý kiến về sự phù hợp với quy hoạch xây dựng và việc tuân thủ các quy định về xây dựng.

Hà Nội, ngày 30. tháng 12. năm 2014

T.M. ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TUỶ CHƯ TỊCH

KT. GIÁM ĐỐC SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

KHOA GIÁM ĐỐC



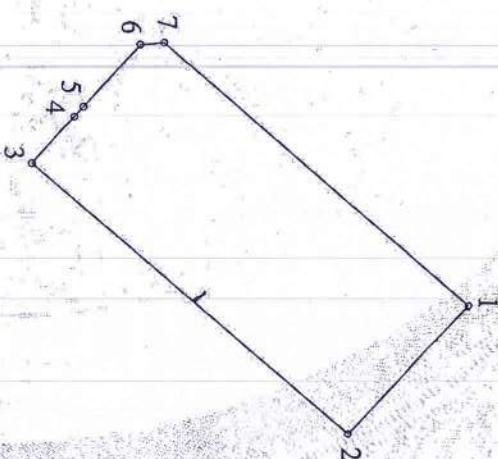
Nguyễn Hữu Nghĩa

Số vào sổ cấp GCN:

CT 01439

III. Sơ đồ thửa đất, nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất

Theo Trích lục bản đồ số 198/TĐ-14 tỷ lệ 1/5000
do Sở Tài nguyên và Môi trường Hà Nội cấp ngày 12/8/2014



IV. Những thay đổi sau khi cấp giấy chứng nhận

Nội dung thay đổi và cơ sở pháp lý	Xác nhận của cơ quan có thẩm quyền



GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ ĐẦU TƯ

Mã số dự án: 01221000397

Chứng nhận lần đầu: Ngày 21 tháng 7 năm 2011

Chứng nhận thay đổi lần nhất: Ngày 29 tháng 12 năm 2015

Chứng nhận thay đổi lần hai: Ngày 21 tháng 04 năm 2016

Chứng nhận thay đổi lần ba: Ngày 06 tháng 10 năm 2022

- Căn cứ Luật Đầu tư số 61/2020/QH14 ngày 17/6/2020;
- Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;
- Căn cứ Thông tư số 03/2021/TT-BKHĐT ngày 09/4/2021 của Chính phủ quy định biểu mẫu thực hiện hoạt động đầu tư tại Việt Nam, đầu tư của Việt Nam ra nước ngoài và xúc tiến đầu tư;
- Căn cứ Nghị định số 35/2022/NĐ-CP ngày 28/5/2022 của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế;
- Căn cứ Quyết định số 1463/2008/QĐ-TTg ngày 10/10/2008 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;
- Căn cứ Quyết định số 05/2020/QĐ-UBND ngày 16/03/2020 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội;
- Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 01221000397 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 21/4/2016;
- Căn cứ văn bản đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư và hồ sơ kèm theo do Công ty CP Công nghiệp Thái Bình Dương nộp ngày 29/9/2022,

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CÔNG NGHIỆP
VÀ CHẾ XUẤT HÀ NỘI**

Chứng nhận:

Dự án đầu tư “NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP VÀ SẢN XUẤT CỬA NHÔM KÍNH VÀ DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG, CƠ KHÍ VÀ ĐIỆN TỬ”; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 01221000397 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và khu chế xuất Hà Nội chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 21/4/2016 được đăng ký cập nhật thông tin của nhà đầu tư, bổ sung mục tiêu, quy mô của dự án.

Thông tin về dự án đầu tư sau khi điều chỉnh như sau:

Nhà đầu tư: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THÁI BÌNH DƯƠNG

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 2500222131 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Hà Nội cấp lần đầu ngày 24/04/2009, cấp thay đổi lần thứ bảy ngày 18/11/2021.

- Địa chỉ trụ sở chính: Lô 44H, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

- Điện thoại: 024.37849851

- Email: info.pacific44h@gmail.com.

- Người đại diện theo pháp luật:

+ Họ và tên: Đinh Lê Hạnh

+ Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị;

+ Sinh ngày: 25/12/1977;

+ Giới tính: Nữ;

+ Dân tộc: Kinh;

+ Quốc tịch: Việt Nam;

+ Căn cước công dân số 030177006903 cấp ngày 13/03/2020; Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội;

+ Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: B12-12A, Khu chức năng Đô thị Thành phố xanh, Tổ dân phố số 16, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

+ Chỗ ở hiện tại: B12-12A, Khu chức năng Đô thị Thành phố xanh, Tổ dân phố số 16, Phường Cầu Diễn, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam.

+ Điện thoại : 0983221766

+ Email: info.pacific44h@gmail.com.

Đăng ký thực hiện dự án đầu tư với nội dung như sau:

Điều 1: Nội dung dự án đầu tư

1. Tên dự án đầu tư: NHÀ MÁY CHẾ TẠO THIẾT BỊ CÔNG NGHIỆP VÀ SẢN XUẤT CỬA NHÔM KÍNH VÀ DỰ ÁN NHÀ MÁY SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG, CƠ KHÍ VÀ ĐIỆN TỬ.

2. Mục tiêu dự án:

STT	Mục tiêu hoạt động	Mã ngành theo VSIC (Mã ngành cấp 4)	Mã ngành CPC (*) (đối với các ngành nghề có mã CPC, nếu có)
	Tại lô 44H		
1	Sản xuất cửa nhôm kính	2592	
2	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640	
3	Sản xuất linh kiện điện tử	2610	
4	Chế tạo thiết bị công nghiệp	2822	

5	Chế tạo các thiết bị cơ khí, các loại dây truyền sản xuất đồng bộ và các loại thiết bị xây dựng trong khu công nghiệp	2592	
6	Cho thuê nhà xưởng dư thừa	6810	
	Tại lô 44D		
1	Sản xuất vật liệu xây dựng	2392	
2	Sản xuất các sản phẩm điện tử dân dụng	2640	
3	Sản xuất linh kiện điện tử	2610	
4	Sản xuất các sản phẩm cơ khí	2592	
5	Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hoá (trừ kho ngoại quan)	5210	
6	Cho thuê nhà xưởng dư thừa	6810	



Doanh nghiệp chỉ được phép cho thuê nhà xưởng khi đáp ứng đầy đủ các quy định của Luật Kinh doanh bất động sản, Luật Đất đai và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Đối với lĩnh vực kinh doanh dịch vụ kho và hệ thống kho lạnh: Không kinh doanh các sản phẩm như thuốc nổ, thuốc bảo vệ thực vật, hóa chất và các loại hàng hóa không được phép kinh doanh, lưu giữ theo quy định của pháp luật Việt Nam.

3. Quy mô:

* Tại lô 44H:

- Sản xuất cửa nhôm kính; quy mô: 1.000 tấn sản phẩm/năm;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng và linh kiện điện tử; quy mô sản xuất dự kiến: 800.000 sản phẩm/năm;
- Chế tạo thiết bị công nghiệp: chế tạo các thiết bị cơ khí, các loại dây truyền sản xuất đồng bộ và các loại thiết bị xây dựng trong khu công nghiệp; quy mô dự kiến: 500 sản phẩm/năm;
- Cho thuê nhà xưởng dư thừa với doanh thu dự kiến 1.000.000USD/năm.

* Tại lô 44D:

- Sản xuất vật liệu xây dựng, quy mô dự kiến: 10.000.000 viên gạch, ngói/năm;
- Sản xuất linh kiện điện tử, các sản phẩm điện tử dân dụng; quy mô dự kiến: 400.000 sản phẩm/năm;
- Sản xuất các sản phẩm cơ khí, quy mô dự kiến: 200 tấn sản phẩm/năm.
- Kinh doanh kho bãi và lưu giữ hàng hoá (trừ kho ngoại quan) với doanh thu dự kiến 1.000.000USD/năm
- Cho thuê nhà xưởng dư thừa với doanh thu dự kiến 1.000.000USD/năm.

4. Địa điểm thực hiện dự án: Lô 44D và 44H, Khu công nghiệp Quang Minh, Thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội.

5. Diện tích đất sử dụng: 54.411,4 m², bao gồm:

- Tại lô 44H diện tích: 13.980 m².

- Tại lô 44D diện tích: 40.431,4 m² (Công ty Cổ phần Công nghiệp Thái Bình Dương mua lại tài sản gắn liền với đất của Công ty Cổ phần Picensa Việt Nam và được UBND Thành phố Hà Nội chấp thuận tại Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 12/01/2016).

6. Tổng vốn đầu tư: 170.572.000.000 đồng (Một trăm bảy mươi tỷ, năm trăm bảy mươi hai triệu đồng Việt Nam), bao gồm:

- Vốn đầu tư đăng ký tại lô 44D: 150.000.000.000 đồng (Một trăm năm mươi tỷ đồng Việt Nam). Trong đó: Nguồn vốn góp đầu tư: 105.000.000.000 đồng (Một trăm linh năm tỷ đồng Việt Nam), chiếm 70% tổng vốn đầu tư đăng ký do các Cổ đông trong Công ty cổ phần Công nghiệp Thái Bình Dương đóng góp dưới hình thức như sau:

+ Góp bằng tiền mặt: 52.500.000.000 đồng, chiếm 50% vốn góp trong thời gian 12 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư;

+ Góp bằng công trình trên đất là: 52.500.000.000 đồng, chiếm 50% vốn góp trong thời gian 12 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư.

Nguồn vốn vay ngân hàng 45.000.000.000 đồng, chiếm 30% tổng vốn đầu tư đăng ký.

- Vốn đầu tư đăng ký tại lô 44H: 20.572.000.000 đồng (Hai mươi tỷ, năm trăm bảy mươi hai triệu đồng Việt Nam). Trong đó: Nguồn vốn do Chủ đầu tư đóng góp bằng tiền mặt; Tiến độ góp vốn: đã đóng góp đủ (báo cáo của Nhà đầu tư).

Vốn đầu tư do Nhà đầu tư tự đăng ký và phải chịu trách nhiệm về tính xác thực, tính hợp pháp của nguồn vốn đăng ký và tiến độ góp vốn đầu tư của dự án.

7. Thời hạn thực hiện dự án:

- Tại lô 44H: Từ ngày 26/7/2004 đến ngày 26/7/2053 (Căn cứ Hợp đồng thuê đất số 1312/HĐ-TĐ ngày 14/7/2008 ký giữa Công ty TNHH Công nghiệp Thái Bình Dương và Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Vĩnh Phúc).

- Tại lô 44D: Đến ngày 18/7/2052 (Căn cứ theo Quyết định số 121/QĐ-UBND ngày 12/01/2016 của UBND Thành phố Hà Nội).

8. Tiến độ thực hiện dự án:

- Tại lô 44H: Dự án đã chính thức đi vào hoạt động từ năm 2005.

- Tại lô 44D: Tiến độ thực hiện dự án do Nhà đầu tư đăng ký như sau:

+ Thời gian đền bù, giải phóng mặt bằng: đã có mặt bằng để thực hiện dự án;

+ Thời gian sửa chữa và xây dựng: 12 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Ngày 04/02/2016);

+ Dự kiến thời gian đưa dự án chính thức đi vào hoạt động: 12 tháng, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (Ngày 04/02/2016).

Điều 2. Các ưu đãi, hỗ trợ đầu tư:

Dự án được hưởng các ưu đãi theo quy định hiện hành của pháp luật Việt Nam.

Điều 3. Các quy định đối với nhà đầu tư/tổ chức kinh tế thực hiện dự án:

1. Nhà đầu tư, tổ chức kinh tế phải làm thủ tục đăng ký cấp tài khoản và thực hiện báo cáo trên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư theo quy định của pháp luật.

2. Môi trường: Khi thực hiện dự án đầu tư doanh nghiệp phải thực hiện đầy đủ các quy định hiện hành của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Phòng cháy và chữa cháy: Dự án chỉ được hoạt động khi có nghiệm thu phòng cháy và chữa cháy của cơ quan có thẩm quyền. Trong quá trình hoạt động phải thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về phòng cháy và chữa cháy.

4. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án:

- Nhà đầu tư phải tự chịu trách nhiệm và thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan đến nguồn vốn, tiến độ góp vốn.

- Đối với những ngành nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện, Nhà đầu tư chỉ được phép thực hiện khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật.

5. Một số quy định khác:

- Chế độ báo cáo: Nhà đầu tư phải chấp hành đầy đủ chế độ Báo cáo theo quy định tại Điều 72 Luật Đầu tư; thực hiện chế độ báo cáo giám sát đầu tư theo quy định tại các Mục 8, 11 Điều 100 và Điều 101 Nghị định số 29/2021/NĐ-CP ngày 26/3/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục thẩm định dự án quan trọng quốc gia và giám sát, đánh giá đầu tư.

- Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ về thuế đối với Nhà nước theo quy định của pháp luật Việt Nam.

6. Nhà đầu tư tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính hợp pháp, tính xác thực đối với các thông tin, số liệu kê khai trong hồ sơ đăng ký đầu tư/điều chỉnh đầu tư; đồng thời chấp hành đúng các quy định hiện hành của pháp luật về các lĩnh vực liên quan: quản lý sử dụng đất đai, đầu tư, quy hoạch xây dựng và quản lý sử dụng lao động.

Điều 4. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư số 01221000397 do Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội cấp chứng nhận thay đổi lần thứ hai ngày 21/4/2016.

Điều 5. Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư này được lập thành 02 (hai) bản gốc; Nhà đầu tư được cấp 01 bản, 01 bản lưu tại Ban Quản lý các khu công nghiệp và chế xuất Hà Nội và được đăng tải lên Hệ thống thông tin quốc gia về đầu tư.

Nơi nhận:

- Như Điều 5;
- Các ngành: Sở KH&ĐT; Cục Thuế Hà Nội, Công an TP Hà Nội; Cục Hải quan TP Hà Nội;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh TP Hà Nội;
- UBND huyện Mê Linh;
- Đ/c Trưởng ban;
- Các phòng: QLĐT, QLQH XD, QLDN, QLTNMT, VP Đại diện, KHTH;
- Lưu VT.

KT. TRƯỞNG BAN

PHÓ TRƯỞNG BAN



Nguyễn Hoài Nam

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN MÊ LINH**

Số: 46 /GXN-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Mê Linh, ngày 28 tháng 7 năm 2021



**GIẤY XÁC NHẬN
ĐĂNG KÝ KẾ HOẠCH BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN MÊ LINH XÁC NHẬN

Công ty cổ phần PVN, địa chỉ: Lô số 44D, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, TP Hà Nội đã đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường của dự án: “Sản xuất tem, nhãn giấy dùng cho sản phẩm đồ điện gia dụng, điện tử” vào ngày 28 tháng 7 năm 2021.

Công ty cổ phần PVN có trách nhiệm thực hiện các nội dung sau đây:

1. Tự chịu trách nhiệm trước pháp luật về thông tin, công trình, biện pháp bảo vệ môi trường đề xuất trong bản kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký
2. Tổ chức thực hiện các biện pháp theo kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký và thực hiện các trách nhiệm khác theo quy định tại Điều 33 Luật bảo vệ môi trường
3. Tổ chức thực hiện các công trình quản lý, xử lý chất thải theo nội dung kế hoạch bảo vệ môi trường đã đăng ký.
4. Báo cáo kết quả hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường (được tích hợp trong báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ); Bảo đảm nước thải, khí thải phải được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật về chất thải; thực hiện quản lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại theo quy định của pháp luật, cụ thể:
 - Đối với bụi và khí thải trong quá trình thi công và sau khi dự án đi vào hoạt động phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại quy chuẩn QCVN 05:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, QCTĐHN 01:2014/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ trên địa bàn Thủ đô Hà Nội;
 - Nước thải trong giai đoạn thi công phải được thu gom và xử lý đạt tiêu chuẩn QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, QCVN 08:2008/BTNMT (cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt.
 - Tiếng ồn, độ rung trong quá trình thi công dự án và khi dự án đi vào hoạt động phải có biện pháp giảm thiểu, đảm bảo tuân thủ quy định tại quy chuẩn QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5. Giấy xác nhận này chỉ được sử dụng trong mục đích bảo vệ môi trường dự án: "Sản xuất tem, nhãn giấy dùng cho sản phẩm đồ điện gia dụng, điện tử", tại lô số 44D, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, TP Hà Nội; trường hợp dự án có thay đổi quy mô, công nghệ và các hạng mục công trình xử lý môi trường thì Chủ dự án có trách nhiệm báo cáo UBND huyện Mê Linh và chỉ được thực hiện điều chỉnh sau khi có sự chấp thuận bằng văn bản của cấp có thẩm quyền.

Giấy xác nhận đăng ký kế hoạch bảo vệ môi trường là căn cứ để cơ quan có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra về bảo vệ môi trường của dự án, cơ sở. / *uy*

Nơi nhận:

- Đ/c Chủ tịch UBND huyện (để b/c);
- Công ty cổ phần PVN;
- Phòng TNMT
- UBND TT Chi Đông;
- CPVP;
- Lưu: VT.TNMT06b. *18*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Thanh Hoài

CÔNG TY CỔ PHẦN PVN

Số: 06 /ĐK-MT

V/v báo cáo đăng ký môi trường
Dự án “Sản xuất tem nhãn giấy, vinyl dùng
cho sản phẩm đồ gia dụng, điện tử, tem tiêu
hao sản xuất”

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

*Đã báo
Tuan Thi Hoa*

Hà Nội, ngày 24 tháng 7 năm 2026

UBND XÃ QUANG MINH

Số: 18988

ĐẾN Ngày: 28/7/2026

Chuyên:

Quang Minh



Kính gửi: Ủy ban nhân dân xã

Công ty Cổ phần PVN là Chủ đầu tư Dự án “Sản xuất tem nhãn giấy, vinyl dùng cho sản phẩm đồ gia dụng, điện tử, tem tiêu hao sản xuất”, thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2022 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025), Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025), Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Địa chỉ liên hệ của Chủ dự án: Lô 44D, KCN Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội (thuê lại nhà xưởng của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thái Bình Dương).

Địa điểm thực hiện Dự án: Lô 44D, KCN Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội (thuê lại nhà xưởng của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thái Bình Dương).

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 1001007955 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cũ (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội), cấp lần đầu ngày 22/5/2013, thay đổi lần thứ 6 ngày 30/9/2022.

Chủ Dự án: Công ty Cổ phần PVN

Chúng tôi gửi đến UBND xã Quang Minh hồ sơ gồm: Một (01) bản báo cáo đăng ký môi trường Dự án.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Kính đề nghị UBND xã Quang Minh sớm xem xét, tiếp nhận đăng ký môi trường của Dự án.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PVN



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thế Tuấn

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG

Chuyển giao trách nhiệm thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải

Số: 01.4.2026/HĐ/XLCT

- Căn cứ luật doanh nghiệp (sửa đổi) và luật dân sự (sửa đổi) nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

- Căn cứ Luật số: 72/2020/QH14 ngày 01/01/2022 của Quốc hội về bảo vệ môi trường;

- Căn cứ Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Môi trường;

- Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật bảo vệ môi trường;

- Căn cứ giấy phép hành nghề Xử lý chất thải nguy hại số 1-2-3.009VX của Bộ Tài nguyên và Môi trường cấp cho Công ty TNHH môi trường Công nghiệp Xanh lần thứ 2 ngày 10/9/2021;

- Căn cứ khả năng và nhu cầu của các bên.

Hôm nay, ngày 01 tháng 4 năm 2026, hợp đồng vận chuyển và xử lý chất thải được lập bởi các Bên như sau:



I. Chủ nguồn thải (Bên A)

CÔNG TY CỔ PHẦN PVN

Địa chỉ : Lô 44D - KCN Quang Minh – xã Quang Minh – TP Hà Nội – Việt Nam

Điện thoại : 02439580359

Mã số thuế : 1001007955

Tài khoản : 113000110406 Ngân hàng Công thương Việt Nam, Chi nhánh Quang Minh Hà Nội

Người đại diện: Ông Nguyễn Thế Duẩn Chức vụ: Giám đốc



II. Chủ thu gom, vận chuyển, xử lý (Bên B)

CÔNG TY TNHH MÔI TRƯỜNG CÔNG NGHIỆP XANH

Địa chỉ: Tổ Xuân Mai 1, Phường Phúc Yên, tỉnh Phú Thọ, Việt Nam

Điện thoại: 0211.2219010

Mã số thuế: 0102169887

Tài khoản số: 6789 666888 tại Ngân hàng TMCP Quân Đội - CN Vĩnh Phúc - PGD Phúc Yên

Người đại diện: Ông Đỗ Huy Thắng Chức vụ: Giám đốc công ty

Hai bên cùng thống nhất thỏa thuận nội dung hợp đồng lưu giữ và xử lý chất thải như sau:

Điều 1. Bên A thuê bên B thực hiện các công việc sau:

Tiếp nhận và xử lý chất thải của bên A theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam về môi trường.

Điều 2. Danh mục chất thải, phương án xử lý tiêu hủy, địa điểm, thời gian giao nhận, phương tiện vận chuyển và đơn giá:

STT	Tên chất thải	Đơn vị tính	Mã CTNH	Đơn giá xử lý VND	Ghi chú
1	Dầu thải	Kg	17 06 01	2.000	
2	Vỏ hộp mực thải	Kg	08 02 04	4.000	
3	Giẻ lau, găng tay, khẩu trang... nhiễm TPNH	Kg	18 02 01	4.000	
4	Bóng đèn huỳnh quang thải	Kg	16 01 06	4.000	
5	Dung dịch mực in thải	Kg	19 01 02	3.500	
6	Bùn mực in thải	Kg	08 02 02	3.500	
7	Bản kẽm thải	Kg	11 04 01	2.000	
8	Bình cứu hỏa rỗng thải	Kg	19 05 01	2.000	
9	Bao bì mềm thải	Kg	18 01 01	4.000	
10	Bao bì cứng bằng kim loại thải	Kg	18 01 02	3.000	
11	Bao bì cứng bằng nhựa thải	Kg	18 01 03	3.000	
12	Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi thải	Kg	17 08 03	3.000	
13	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Kg	17 02 03	2.000	
14	Mực in và dung môi mực in thải từ quá trình rửa khuôn	Kg	08 02 01	3.500	
15	Rác công nghiệp thông thường	Kg	-	1.800	
16	Rác sinh hoạt	Kg	-	1.500	

Ghi chú:

- Các đơn giá trên chưa bao gồm thuế VAT.
- Đơn giá đã bao gồm chi phí nhân công bốc xếp và vận chuyển

2. Địa điểm giao nhận chất thải: Tại kho lưu giữ chất thải của bên A. Bên A thông báo lịch giao chất thải cho bên B trước 02 ngày để thu xếp phương tiện.

3. Địa điểm xử lý chất thải: Tại Trung tâm tái chế phế thải và xử lý chất thải – TDP Thanh Cao – Phường Xuân Hòa - Tỉnh Phú Thọ.

Điều 3. Phương thức thanh toán:

1- Sau mỗi đợt giao nhận hàng, hai bên căn cứ vào khối lượng thực tế để lập biên bản giao nhận chất thải công nghiệp cho từng chuyến, lập bảng tổng hợp khối lượng cho từng đợt làm cơ sở quyết toán cho từng đợt.

2- Phương thức thanh toán: Bên A thanh toán khối lượng cho bên B trong khoảng thời gian 30 (Ba mươi ngày) ngày kể từ khi hai bên ký biên bản tổng hợp khối lượng chất thải và bên A nhận được hoá đơn tài chính hợp lệ.

3- Hình thức thanh toán: Bằng chuyển khoản hoặc tiền mặt.

Điều 4: Trách nhiệm và quyền hạn của mỗi bên

1. Trách nhiệm và quyền hạn của bên A.

- Chịu trách nhiệm sắp xếp kho lưu giữ; đảm bảo thành phần chất thải đúng như đã thông báo, tuyệt đối không trộn lẫn các loại chất thải với nhau, ghi rõ tên, loại chất thải trên bao bì thu chứa. Trong trường hợp có sự thay đổi về thành phần chất thải Bên A phải thông báo trước cho Bên B để có phương án giải quyết kịp thời và điều chỉnh giá thành xử lý cho phù hợp.

- Chất thải công nghiệp và nguy hại phải được kiểm soát theo thông tư 02/2022/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên môi trường.

- Bên A có quyền kiểm tra giám sát quá trình xử lý chất thải của mình, việc giám sát, kiểm tra này không làm ảnh hưởng đến các hoạt động sản xuất của Bên B

- Thanh toán đầy đủ và đúng hạn cho bên B sau khi đã có biên bản tổng hợp xác nhận khối lượng giao nhận được đại diện hai bên ký xác nhận và nhận đủ hoá đơn giá trị gia tăng hợp lệ.

2. Trách nhiệm và quyền hạn của bên B.

- Chịu trách nhiệm xử lý chất thải theo đúng các quy định của Việt Nam về bảo vệ môi trường hiện hành.

- Cùng Bên A xác nhận khối lượng chất thải giao nhận để làm cơ sở nghiệm thu và thanh toán hàng tháng.

- Thông tin đầy đủ cho Bên A về các vấn đề phát sinh trong quá trình xử lý.

- Hoàn thiện Chứng từ chất thải nguy hại sau khi xử lý xong và trả lại cho bên A kèm theo biên bản hoàn thành xử lý trong thời hạn không quá 3 tháng kể từ ngày nhận chất thải.

- Bên B có thể nghiên cứu áp dụng các phương án xử lý khác hoặc tái chế trên cơ sở tuân thủ các quy định về môi trường.

Điều 5. Các điều khoản chung:

1- Hai bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều khoản của hợp đồng này, trong khi thực hiện có vấn đề gì vướng mắc hai bên phải chủ động gặp nhau để giải quyết trên tinh thần thương lượng và hợp tác, không làm tổn hại đến lợi ích của mỗi bên.

2- Trong thời hạn hợp đồng còn hiệu lực không được tự ý chấm dứt hợp đồng. Nếu một trong hai bên muốn chấm dứt hợp đồng phải thông báo bằng văn bản trước cho bên kia 30 ngày kể từ ngày chấm dứt hợp đồng.

3- Mọi sửa đổi bổ sung của hợp đồng phải được lập thành văn bản kèm theo hợp đồng chỉ có giá trị khi có đầy đủ chữ ký xác nhận của đại diện có thẩm quyền ở cả hai bên.

4- Mọi tranh chấp phát sinh từ hợp đồng này nếu không được các bên thương lượng và hoà giải được với nhau sẽ được giải quyết tại toà án tỉnh Phú Thọ.

Điều 6. Hiệu lực của hợp đồng:

1- Hợp đồng này có hiệu lực 01 năm, kể từ ngày ký.

2- Hợp đồng được lập thành 04 bản bằng tiếng Việt Nam, mỗi bên giữ 02 bản, cùng có giá trị như nhau về mặt pháp lý và là cơ sở để hai bên làm nghiệm thu thanh toán hợp đồng.

3- Hợp đồng này chỉ có giá trị đối với hai Bên (A và B), không có hiệu lực với bất cứ Bên thứ ba nào khác.



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thế Duẩn



GIÁM ĐỐC
Đỗ Huy Thắng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



HỢP ĐỒNG
DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI
Số: 80 /2018/HĐ-XLNT

Được ký giữa:

CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC
KCN Quang Minh – Huyện Mê Linh, TP Hà Nội
(Bên cung cấp dịch vụ)

Và:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THÁI BÌNH DƯƠNG
(Bên sử dụng dịch vụ)



- Hà Nội, Tháng 12/2018 -

HỢP ĐỒNG

CUNG CẤP VÀ SỬ DỤNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI

tại KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội

Số: 80./2018/HĐ-XLNT

*** Căn cứ vào:**

- Bộ luật Dân sự số 91/2015/QH13 ngày 24/11/2015 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Luật Bảo vệ Môi trường số 55/2014/QH13 ngày 23/06/2014;
- Luật Tài nguyên nước số 17/2012/QH13 ngày 21/06/2012 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Nghị định số 80/2014/NĐ-CP ngày 06/8/2014 của Chính phủ về thoát nước và xử lý nước thải.
- Quyết định số 1872/QĐ-UBND ngày 22/4/2010 của UBND thành phố Hà Nội về việc Ban hành Điều lệ Khu công nghiệp Quang Minh;
- Căn cứ Quyết định số 3742/2004/QĐ-UB ngày 22 tháng 10 năm 2004 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc về việc thành lập, phê duyệt dự án và giao Công ty TNHH Đầu tư và phát triển hạ tầng Nam Đức làm chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh kết cấu hạ tầng Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, tỉnh Vĩnh Phúc;
- Yêu cầu đầu nối, cung cấp dịch vụ XLNT của Bên sử dụng dịch vụ và khả năng của Bên cung cấp dịch vụ:

Hôm nay, ngày 15/12/2018, tại Văn phòng Công ty TNHH đầu tư và PTHT Nam Đức, KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

I/. CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC:

Địa chỉ: KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 024 35860478

Mã số thuế: 2500222438

Số tài khoản VNĐ: 031 0101 0834036

Tại: Ngân hàng TMCP Hàng Hải Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa,

Đại diện: Ông Nguyễn Khắc Sơn

- Chức vụ: Giám đốc

(Sau đây được gọi tắt là Bên A)

II/. CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44H, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 3813 4773

Mã số thuế: 2500222131

Số tài khoản: 118000113775

Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội

Đại diện: Bà Đinh Lê Hạnh

- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Handwritten signature

(Sau đây được gọi tắt là Bên B)

*** Do vì:**

- Bên A là Chủ đầu tư KCN được thành lập và hoạt động theo pháp luật Việt Nam với đầy đủ năng lực trong lĩnh vực xử lý nước thải, sẵn sàng cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải và các dịch vụ liên quan theo yêu cầu của Bên B.
 - Bên B là doanh nghiệp hoạt động trong KCN Quang Minh có mong muốn được cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải.
 - Các Bên đều hiểu rõ các quy định của pháp luật và UBND thành phố Hà Nội về công tác Bảo vệ môi trường tại KCN Quang Minh và cam kết chấp hành, thực hiện.
- Sau khi thoả thuận, Bên A và Bên B thống nhất ký, thực hiện Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ xử lý nước thải (XLNT) tại KCN Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội với các điều khoản và điều kiện cụ thể dưới đây:

ĐIỀU 1. PHẠM VI, ĐỐI TƯỢNG CỦA HỢP ĐỒNG:

- 1.1 Đối tượng của Hợp đồng: Bên A nhận cung cấp dịch vụ thu gom, xử lý nước thải do Bên B xả vào hệ thống thu gom nước thải tập trung của KCN Quang Minh, đảm bảo xả thải vào nguồn nước tiếp nhận với chất lượng nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn cho phép.
- 1.2 Phạm vi thực hiện: Hoạt động cung cấp dịch vụ XLNT và xả nước thải của các bên được giới hạn trong KCN Quang Minh thuộc huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

ĐIỀU 2. ĐIỂM ĐẦU NỐI NƯỚC THẢI:

- 2.1 Điểm đầu nối nước thải từ hệ thống thu gom XLNT của Bên B vào hệ thống thu gom, XLNT của KCN là vị trí hố ga (do Bên A chỉ định) mà tại đó đường ống thoát nước thải của Bên B được nối vào hệ thống thu gom nước thải của KCN.
- 2.2 Điểm đầu nối do Bên A chỉ định theo thiết kế kỹ thuật của hệ thống để đảm bảo sự an toàn và vận hành của hệ thống thu gom, xử lý nước thải.

ĐIỀU 3. KHỐI LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG NƯỚC THẢI CỦA BÊN B XẢ VÀO HỆ THỐNG THU GOM, XLNT CỦA BÊN A:

- 3.1 Khối lượng nước thải: Khối lượng nước thải thu phí được tính bằng 80% khối lượng nước cấp mà Bên B sử dụng cho mục đích sinh hoạt và sản xuất.
 - Trường hợp Bên B chỉ có nước thải sinh hoạt và dùng nước sạch tập trung thì lượng nước thải tính phí bằng 100% khối lượng nước sạch tiêu thụ. Trường hợp không dùng nước sạch tập trung thì Bên B phải lắp đặt đồng hồ đo nước thải.
- 3.2 Chất lượng nước thải: Nước thải của Bên B chỉ được xả vào nguồn tiếp nhận của KCN Quang Minh khi Bên B đã tự xử lý sơ bộ đạt tiêu chuẩn cho phép tối thiểu đạt mức nước giá trị C Cột B theo QCVN 40: 2011/BTNMT (chi tiết trong Phụ lục I kèm theo Hợp đồng này).

ĐIỀU 4. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN B:

- 4.1 Được sử dụng dịch vụ thu gom, XLNT của Bên A theo quy định tại Hợp đồng này.
- 4.2 Thanh toán kịp thời, đầy đủ các chi phí sử dụng dịch vụ theo quy định tại Điều 6 của Hợp đồng này;
- 4.3 Chịu trách nhiệm lấy mẫu nước thải và chi phí kiểm định khi cần thiết theo quy định của pháp luật hiện hành; tạo điều kiện thuận lợi cho Bên A trong quá trình kiểm tra, giám sát, đánh giá chất lượng nước thải và cung cấp dịch vụ XLNT.
- 4.4 Thông báo cho Bên A bằng văn bản trong các trường hợp: thay đổi chất lượng nước

vt

thải, thay đổi công nghệ sản xuất, tăng công suất nhà máy,...

4.5. Cung cấp cho Bên A sơ đồ hệ thống thoát nước (gồm cả nước mưa và nước thải) trong nội bộ nhà máy của Bên B để Bên A kiểm tra giám sát; xây dựng tách biệt giữa hệ thống thoát nước mưa với nước thải và không được để Bên thứ 3 đầu nối vào hệ thống thoát nước mưa, nước thải của Bên B.

4.6. Chấp hành và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, của KCN Quang Minh về công tác bảo vệ môi trường, việc đầu nối vào hệ thống thu gom thoát nước thải chung, sử dụng hạ tầng KCN và các quy định khác có liên quan đến việc cung cấp và sử dụng dịch vụ XLNT.

ĐIỀU 5. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA BÊN A:

5.1 Kinh doanh dịch vụ thu gom và XLNT theo quy định của pháp luật.

5.2 Bảo đảm khả năng đáp ứng nhu cầu XLNT của Bên B, tạo điều kiện thuận lợi cho việc sử dụng dịch vụ XLNT cho Bên B;

5.3 Đảm bảo chất lượng dịch vụ XLNT theo các quy định hiện hành của Nhà nước và quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án KCN Quang Minh I

5.4 Chấp hành và thực hiện nghiêm các quy định của pháp luật, của KCN về công tác Bảo vệ môi trường, về việc quản lý, vận hành, khai thác hệ thống thu gom nước thải.

5.5 Yêu cầu Bên B thanh toán Phí xử lý nước thải và chấp hành đúng các quy định của pháp luật về xử lý nước thải tại KCN Quang Minh I.

5.6 Khi nghi ngờ Bên B xả nước thải vượt quá quy chuẩn cho phép, Bên A có quyền lấy mẫu nước thải của Bên B tại bất kỳ thời điểm nào để xác định tính chính xác chất lượng nước thải của Bên B. Việc lấy mẫu nước thải được lập thành biên bản và kết quả được lấy làm cơ sở tính phí XLNT trong kỳ theo nội dung quy định trong Hợp đồng này.

5.7 Bên A có quyền kiểm tra giám sát hoạt động xả nước thải của Bên B vào hệ thống thu gom của KCN và yêu cầu Bên B xả nước thải đảm bảo chất lượng theo Hợp đồng XLNT đã ký.

ĐIỀU 6. PHÍ DỊCH VỤ, PHƯƠNG THỨC THANH TOÁN.

6.1 Phí dịch vụ:

- Khối lượng nước thải để tính phí xác định theo khoản 3.1 Điều 3 của Hợp đồng này.

- Trường hợp Bên B không sử dụng nước sạch do Nhà máy nước sạch Quang Minh cung cấp thì Bên B phải lắp đặt đồng hồ đo nước thải của Bên B. Khối lượng nước thải thu phí tính theo đồng hồ đo nước thải.

- Bên B sẽ thanh toán cho Bên A phí dịch vụ hàng tháng được tính như sau:

Phí dịch vụ = Đơn giá x Khối lượng nước thải do Bên A xử lý hàng tháng.

* Đơn giá dịch vụ XLNT: **12.000VNĐ/m3**

+ Giá trên áp dụng đối với nước thải có giá trị thông số và nồng độ các chất ô nhiễm nhỏ hơn hoặc bằng giá trị quy định tại Cột B QCVN 40: 2011/BTNMT.

+ Giá trên chưa bao gồm thuế Giá trị gia tăng (thuế VAT).

- Đơn giá XLNT có thể được điều chỉnh căn cứ sự biến động giá cả thị trường (điện nước, hoá chất, tiền lương, chính sách tiền tệ của Nhà nước...) với mỗi lần điều chỉnh không quá 15% theo giá kỳ trước liền kề. Khi điều chỉnh đơn giá bên A sẽ thông

Vtk

báo trước cho bên B trong thời hạn 15 ngày. Thời gian điều chỉnh đơn giá tối thiểu là 1 năm và tối đa 2 năm.

- Cơ sở để xác định chất lượng nước thải áp dụng cho việc tính giá là *Phiếu kết quả phân tích nước thải mới nhất của Bên B, bao gồm đủ các chỉ tiêu theo Phụ lục I của Hợp đồng (Bản sao Phiếu kết quả phân tích nước thải là Phụ lục II đính kèm hợp đồng này).*



6.2 Phương thức thanh toán

(i) Bên B có trách nhiệm thanh toán phí dịch vụ cho Bên A trong vòng năm (05) ngày kể từ ngày nhận được hoá đơn hàng tháng của Bên A (hoá đơn này được coi là thông báo thanh toán lần thứ nhất) vào tài khoản được chỉ định bởi Bên A hoặc tiền mặt tại Văn phòng của Bên A.

Nếu quá thời hạn năm (05) ngày nêu trên mà Bên B vẫn chưa thanh toán phí dịch vụ cho Bên A, Bên B có trách nhiệm thanh toán trong vòng 03 ngày kể từ ngày nhận được thông báo lần 2 của Bên A;

(ii) Quá thời hạn 03 ngày kể từ ngày nhận được giấy thông báo lần 2 của Bên A mà Bên B vẫn chưa thanh toán thì Bên A sẽ tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT và có quyền yêu cầu đơn vị cấp nước tạm ngừng cung cấp nước sạch cho đến khi Bên B thanh toán đầy đủ phí sử dụng dịch vụ XLNT theo giấy báo;

(iii) Kể từ ngày Bên B thanh toán đầy đủ phí dịch vụ cho Bên A, Bên A sẽ mở van xả thải cho Bên B để Bên B được xả nước thải vào hệ thống XLNT của Bên A. Khi đó, Bên B sẽ chịu trách nhiệm thanh toán cho Bên A toàn bộ chi phí phát sinh từ về việc đóng/mở van cấp nước/thoát nước và các vật tư phát sinh sử dụng trong quá trình trên (nếu có) theo bảng chiết tính của Bên A cũng như tiền lãi tính trên số phí dịch vụ mà Bên B thanh toán chậm kể từ ngày quá thời hạn 03 ngày nêu tại mục (ii) ở trên với mức lãi suất quá hạn bằng 20%/năm cho toàn bộ thời gian chậm thanh toán.

ĐIỀU 7. CÁC TRƯỜNG HỢP NGỪNG CUNG CẤP DỊCH VỤ THU GOM, XLNT:

7.1 Khi Bên B vi phạm các quy định về xả nước thải vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải của KCN nhưng chưa gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và hệ thống thu gom xử lý nước thải của KCN, Bên A sẽ có văn bản thông báo về việc vi phạm và yêu cầu Bên B khắc phục. Sau 05 ngày kể từ ngày phát hành thông báo lần thứ nhất mà Bên B không chấp hành thì Bên A sẽ ra thông báo nhắc nhở lần hai. Hết thời hạn 05 ngày của thông báo lần 2 mà Bên B vẫn không chấp hành thì Bên A được quyền tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT theo thoả thuận đã được quy định trong Hợp đồng này.

7.2 Trường hợp nước thải của Bên B xả vào hệ thống thu gom của KCN vượt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT, Bên A sẽ lập biên bản yêu cầu Bên B khắc phục để đảm bảo nước thải đạt mức nước Cột B và Bên B phải thanh toán chi phí phân tích mẫu nước thải và phí XLNT theo đơn giá **24.000đ/m³** đối với khối lượng nước thải xả vào hệ thống thu gom của KCN từ thời điểm chốt số kỳ trước đến thời điểm nước thải của Bên B đạt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Bên A lập biên bản đối với hành vi vi phạm; đồng thời Bên B phải chịu phạt với mức phạt bằng 50% tổng số tiền Bên B thanh toán phí XLNT trong kỳ. Quá thời hạn trên, Bên A sẽ yêu cầu đơn vị cung cấp nước sạch ngừng cung cấp nước sạch và tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên A có quyền kiểm tra, giám sát chất lượng nước thải của Bên B và Bên B có trách nhiệm cung cấp kết quả phân tích mẫu nước thải định kỳ theo kết quả quan trắc môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) của Bên B với cơ quan chức năng cho Bên A.

Vt

7.3 Khi Bên B vi phạm các quy định về xả nước thải có gây ảnh hưởng xấu đến môi trường và hệ thống thu gom và xử lý nước thải chung, Bên A tiến hành lập biên bản và yêu cầu Bên B phải khắc phục ngay các sai phạm. Trường hợp Bên B không chấp hành yêu cầu của Bên A, Bên A sẽ ngừng ngay việc cung cấp dịch vụ XLNT và đề nghị đơn vị cung cấp nước sạch ngừng cung cấp nước sạch.

7.4 Trường hợp Bên B vi phạm các quy định về xả thải gây hậu quả nghiêm trọng thì tùy theo mức độ có thể bị truy cứu trách nhiệm theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

7.5 Dịch vụ XLNT sẽ được khôi phục sau khi Bên B đã khắc phục hoàn toàn hậu quả do các hành vi phạm gây ra, và hoàn thành các nghĩa vụ khác theo Hợp đồng này và các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

7.6 Khi tiến hành xúc tiến các công tác sửa chữa, cải tạo, nâng cấp hệ thống thu gom và Nhà máy XLNT, Bên A sẽ có văn bản thông báo cho Bên B biết lý do, thời gian tiến hành các công tác trên; đồng thời Bên A sẽ có biện pháp thích hợp tạm thời nhằm hạn chế các tác động gây ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất của Bên B và ô nhiễm môi trường.

ĐIỀU 8. THỜI HẠN CỦA HỢP ĐỒNG:

Hợp đồng này có hiệu lực từ ngày 15/12/2018 đến ngày 15/12/2022 và có thể được gia hạn theo thỏa thuận của các Bên.

ĐIỀU 9. SỬA ĐỔI, BỔ SUNG VÀ CHẤM DỨT HỢP ĐỒNG:

9.1 Hợp đồng này có thể được các Bên sửa đổi/bổ sung bằng văn bản. Việc sửa đổi/bổ sung sẽ được tiến hành theo hình thức Hợp đồng sửa đổi/bổ sung hoặc phụ lục của Hợp đồng và là một phần không tách rời của Hợp đồng này;

9.2 Hợp đồng này sẽ hết hiệu lực trong những trường hợp sau:

- (i) Hết thời hạn của Hợp đồng mà không được gia hạn; hoặc
- (ii) Các Bên đồng ý bằng văn bản về việc chấm dứt hợp đồng này.

ĐIỀU 10. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP:

Mọi tranh chấp phát sinh từ Hợp đồng này sẽ được giải quyết bằng thương lượng trên tinh thần hợp tác giữa các Bên. Trong trường hợp các Bên không thể giải quyết thông qua hoà giải, một trong hai Bên có thể đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền của Việt Nam để giải quyết tranh chấp. Quyết định của Tòa án có hiệu lực thi hành đối với cả hai bên và án phí do bên thua kiện chịu.

ĐIỀU 11. CHỐNG GIAN LẬN VÀ HỐI LỘ:

11.1. Bên B cam kết và đảm bảo rằng bất kỳ người nào trực tiếp hoặc gián tiếp đại diện, thay mặt cho Bên B hoặc được Bên B chỉ định (gọi chung là “**Người Của Bên B**”) liên lạc, giao dịch, làm việc với Bên A sẽ không (i) hối lộ và/hoặc hứa hẹn đưa các khoản hối lộ, giảm giá, trích thưởng, khoản tiền gây ảnh hưởng hoặc khoản báo đáp bất hợp pháp hoặc bất kỳ các tài sản bằng tiền hoặc hiện vật hoặc lợi ích nào (gọi chung là “**Hối Lộ**”), cho bất kỳ đại diện nào của Bên A (gọi chung là “**Người Của Bên A**”) hoặc thông qua bất kỳ Bên Thứ Ba nào để Hối Lộ Người Của Bên A nhằm đạt được lợi ích riêng như được ưu tiên ký Hợp Đồng với Bên A một cách không minh bạch, được miễn trừ (các) nghĩa vụ quy định tại Hợp Đồng, và /hoặc các lợi ích không minh bạch, không công bằng khác.

vt

11.2. Bên A cam kết và đảm bảo rằng Người Của Bên A sẽ không đòi hỏi Hối Lộ hoặc có những hành vi chủ quan (cá nhân, cảm tính, vô trách nhiệm, ...) nhằm cản trở, gây khó khăn cho Người Của Bên B trong việc thực hiện Hợp Đồng (gọi chung là "Gian Lận").

11.3. Các hành vi Hối Lộ và Gian Lận theo quy định tại Điều này sẽ bao gồm cả các hành vi thực hiện trước, trong khi và sau khi thực hiện Hợp Đồng này. Trường hợp bất kỳ Người Của Bên B nào nhận thấy bất cứ Người Của Bên A nào có biểu hiện, hành vi đòi Hối Lộ và/hoặc Gian Lận thì Bên B có trách nhiệm thông báo ngay lập tức cho Bên A theo địa chỉ email: thanhtra@tng-holdings.vn.

11.4. Bên B sẽ miễn trừ cho Bên A mọi trách nhiệm liên quan nếu hành vi Hối Lộ của Bên B vi phạm pháp luật Việt Nam và phải bồi thường cho Bên A các thiệt hại phát sinh, bao gồm cả các thiệt hại do phát sinh chi phí hành chính, chi phí luật sư và các chi phí khác để xử lý các vấn đề liên đới đến hành vi Hối Lộ của Bên B.

ĐIỀU 12. ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH:

12.1. Các Bên cam kết thực hiện đầy đủ các điều quy định trong Hợp đồng này. Bên nào vi phạm sẽ hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật;

12.2. Hợp đồng gồm sáu (06) trang, mười hai (12) điều, được lập thành ba (03) bản gốc bằng tiếng Việt có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 02 bản, Bên B giữ 01 bản làm cơ sở thực hiện.

12.3. Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày các bên ký, đóng dấu xác lập.

ĐẠI DIỆN BÊN A



Nguyễn Khắc Sơn

ĐẠI DIỆN BÊN B *ut*



Hà Nội, ngày 15 tháng 12 năm 2018

PHỤ LỤC I

GIÁ TRỊ GIỚI HẠN CÁC THÔNG SỐ VÀ NỒNG ĐỘ CÁC CHẤT Ô NHIỄM
TRONG NƯỚC THẢI CÔNG NGHIỆP THEO GIÁ TRỊ C CỘT B QCVN 40: 2011/BTNMT)
“Kèm theo Hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ XLNT Số 80 /2018/HĐ-XLNT”

TT	Thông số	Đơn vị	Giá trị C	
			Cột A	Cột B
1	Nhiệt độ	oC	40	40
2	Màu	Pt/Co	50	150
3	pH	-	6 đến 9	5,5 đến 9
4	BOD5 (20oC)	mg/l	30	50
5	COD	mg/l	75	150
6	Chất rắn lơ lửng	mg/l	50	100
7	Asen	mg/l	0,05	0,1
8	Thủy ngân	mg/l	0,005	0,01
9	Chì	mg/l	0,1	0,5
10	Cadimi	mg/l	0,05	0,1
11	Crom (VI)	mg/l	0,05	0,1
12	Crom (III)	mg/l	0,2	1
13	Đồng	mg/l	2	2
14	Kẽm	mg/l	3	3
15	Niken	mg/l	0,2	0,5
16	Mangan	mg/l	0,5	1
17	Sắt	mg/l	1	5
18	Tổng xianua	mg/l	0,07	0,1
19	Tổng phenol	mg/l	0,1	0,5
20	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	5	10
21	Sunfua	mg/l	0,2	0,5
22	Florua	mg/l	5	10
23	Amoni (tính theo N)	mg/l	5	10
24	Tổng nitơ	mg/l	20	40
25	Tổng photpho (tính theo P)	mg/l	4	6

1/1

26	Clorua (không áp dụng khi xả vào nguồn nước mặn, nước lợ)	mg/l	500	1000
27	Clo dư	mg/l	1	2
28	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	mg/l	0,05	0,1
29	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phốt pho hữu cơ	mg/l	0,3	1
30	Tổng PCB	mg/l	0,003	0,01
31	Coliform	vi khuẩn/100ml	3000	5000
32	Tổng hoạt độ phóng xạ α	Bq/l	0,1	0,1
33	Tổng hoạt độ phóng xạ β	Bq/l	1,0	1,0

vt



phí xử lý nước thải 440

**CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ
PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



Số: 01/2021/PLHĐ-NĐ

V/v: Gia hạn HĐ và điều chỉnh đơn giá

DVTGXNT

LƯU VĂN THƯ CHỦ ĐẦU TƯ

PHỤ LỤC SỐ 01

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ XỬ LÝ NƯỚC THẢI (Số 80/2018/HĐ-XLNT ngày 15/12/2018)

Các Bên gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC

Địa chỉ: KCN Quang Minh, thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 04: 32484282/35860478

- Fax: 04: 38134514

Mã số thuế: 2500222438

Số tài khoản VNĐ: 031 0101 0834036

Tại: Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đồng Đa.

Đại diện PL: Ông Nguyễn Khắc Sơn

- Chức vụ: Giám đốc

Và

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44H, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 3813 4773

Mã số thuế: 2500222131

Số tài khoản: 118000113775

Tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội

Đại diện: Bà Đinh Lê Hạnh

- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Các Bên trên đây cùng đồng ý ký kết Phụ lục này vào ngày 15 tháng 12 năm 2021 với nội dung điều chỉnh, bổ sung cụ thể sau đây:

1. Hai bên đồng ý gia hạn Hợp đồng Dịch vụ Xử lý nước thải số 80/2018/HĐ-XLNT ngày 15/12/2018 (Hợp đồng số 80) kể từ ngày 16/12/2022 đến ngày 15/12/2025 (Ngày hết hạn).

2. Kể từ kỳ nước tháng 1/2022 (từ ngày 15/12/2021) hai bên đồng ý điều chỉnh đơn giá trên Hợp đồng Dịch vụ Xử lý nước thải số 80 lên 13.000 đồng/m³ (Giá trên chưa bao gồm thuế VAT).

3. Điều chỉnh nội dung tại mục 7.2 Điều 7 Hợp đồng số 80 như sau: Trường hợp nước thải của Bên B xả vào hệ thống thu gom của KCN vượt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT, Bên A sẽ lập biên bản yêu cầu Bên B khắc phục để đảm bảo nước thải đạt mức nước Cột B và Bên B phải thanh toán chi phí phân tích mẫu nước thải và phí XLNT theo đơn giá 26.000đ/m³ đối với khối lượng nước thải xả vào hệ thống thu gom của KCN từ thời điểm chốt số kỳ trước đến thời điểm nước thải của Bên B đạt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Bên A lập biên bản đối với hành vi vi phạm; đồng thời Bên B phải chịu phạt

HT

Đinh Lê Hạnh

với mức phạt bằng 50% tổng số tiền Bên B thanh toán phí XLNT trong kỳ. Quá thời hạn trên, Bên A sẽ yêu cầu đơn vị cung cấp nước sạch ngừng cung cấp nước sạch và tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên A có quyền kiểm tra, giám sát chất lượng nước thải của Bên B và Bên B có trách nhiệm cung cấp kết quả phân tích mẫu nước thải định kỳ theo kết quả quan trắc môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) của Bên B với cơ quan chức năng cho Bên A.

4. Ngoài nội dung tại mục 1, mục 2, mục 3 các điều khoản/thỏa thuận quy định trong Hợp đồng số 80 vẫn giữ nguyên hiệu lực.

Phụ lục này có hiệu lực vào ngày tháng như đề tại phần đầu của Phụ lục và được lập thành 04 bản gốc có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản để biết và thực hiện.

Đại diện bên A



[Signature]

Nguyễn Khắc Sơn

Đại diện bên B *let*



[Signature]

CHỦ TỊCH HĐQT

Dinh Lê Hạnh

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc



PHỤ LỤC SỐ 02

(Đính kèm Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải số 80/2018/HĐ-XLNT ngày 15/12/2018)

V/v: gia hạn thời hạn và điều chỉnh đơn giá dịch vụ của Hợp đồng

- Căn cứ Hợp đồng dịch vụ xử lý nước thải Số 80/2018/HĐ-XLNT ngày 15/12/2018 giữa Công ty TNHH đầu tư và phát triển Hạ tầng Nam Đức và Công ty Cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương (sau đây gọi tắt là “Hợp đồng”);
- Căn cứ Phụ lục số 01 ngày 15/12/2021 đính kèm Hợp đồng (sau đây gọi tắt là “Phụ lục 01”);
- Căn cứ vào tình hình thực tế và yêu cầu của các Bên.

Hôm nay, ngày 15/12/2023, chúng tôi gồm:

BÊN A: CÔNG TY TNHH ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HẠ TẦNG NAM ĐỨC

Địa chỉ: KCN Quang Minh, Thị trấn Quang Minh, huyện Mê Linh, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 04: 32484282/35860478

- Fax: 04: 38134514

Mã số thuế: 2500222438

Số tài khoản: 031 0101 0834036

Tại: Ngân hàng TMCP Hàng Hải - Chi nhánh Đống Đa.

Đại diện: Ông Nguyễn Khắc Sơn

- Chức vụ: Giám đốc

Và

BÊN B: CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHIỆP THÁI BÌNH DƯƠNG

Địa chỉ: Lô 44H, Khu công nghiệp Quang Minh, thị trấn Chi Đông, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Điện thoại: 024 3813 4773

Mã số thuế: 2500222131

Số tài khoản: 118000113775

Tại Ngân hàng: TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Tây Hà Nội

Đại diện: Bà Đinh Lê Hạnh

- Chức vụ: Chủ tịch HĐQT

Bên A và Bên B sau đây gọi chung là “Hai Bên” gọi riêng là “Bên” tùy theo ngữ cảnh.

Các Bên trên đây cùng thỏa thuận ký kết Phụ lục số 02 của Hợp đồng (“Phụ lục 02”) để gia hạn thời hạn và điều chỉnh đơn giá dịch vụ của Hợp đồng, Phụ lục 01 với nội dung điều chỉnh, bổ sung cụ thể sau đây:

Điều 1. Nội dung Phụ lục.

1. Hai bên đồng ý gia hạn thời hạn tại Điều 3 của Hợp đồng và mục 1, Phụ lục 01: Gia hạn thời hạn của Hợp đồng kể từ ngày 15/12/2025 đến ngày 15/12/2027 (Ngày hết hạn).

Ưt

Ưt

2. Điều chỉnh đơn giá dịch vụ Xử lý nước thải tại Điều 6.1 của Hợp đồng và mục 2, Phụ lục 01:

Kể từ kỳ nước tháng 1/2024 Hai Bên đồng ý điều chỉnh đơn giá dịch vụ XLNT thành 14.300 đồng/m³ (Giá trên chưa bao gồm thuế VAT).

Kể từ kỳ nước tháng 1/2026 Hai Bên đồng ý điều chỉnh đơn giá dịch vụ XLNT thành 15.500 đồng/m³ (Giá trên chưa bao gồm thuế VAT).

3. Điều chỉnh nội dung tại mục 7.2 Điều 7 của Hợp đồng và mục 3, Phụ lục 01: Trường hợp nước thải của Bên B xả vào hệ thống thu gom của KCN vượt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT, Bên A sẽ lập biên bản yêu cầu Bên B khắc phục để đảm bảo nước thải đạt mức nước Cột B và Bên B phải thanh toán chi phí phân tích mẫu nước thải và phí XLNT theo đơn giá 31.000đ/m³ đối với khối lượng nước thải xả vào hệ thống thu gom của KCN từ thời điểm chốt số kỳ trước đến thời điểm nước thải của Bên B đạt mức nước Cột B theo QCVN 40:2011/BTNMT nhưng tối đa không quá 30 ngày kể từ ngày Bên A lập biên bản đối với hành vi vi phạm; đồng thời Bên B phải thanh toán thêm cho Bên A một khoản bằng 50% tổng số tiền Bên B thanh toán phí XLNT trong kỳ. Quá thời hạn trên, Bên A sẽ yêu cầu đơn vị cung cấp nước sạch ngừng cung cấp nước sạch và tạm ngừng cung cấp dịch vụ XLNT. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, Bên A có quyền kiểm tra, giám sát chất lượng nước thải của Bên B và Bên B có trách nhiệm cung cấp kết quả phân tích mẫu nước thải định kỳ theo kết quả quan trắc môi trường, bản cam kết bảo vệ môi trường (hoặc tương đương) của Bên B với cơ quan chức năng cho Bên A.

Điều 2. Điều khoản chung

1. Phụ lục 02 này có hiệu lực kể từ ngày ký tại phần đầu của Phụ lục và là một phần không tách rời của Hợp đồng.

2. Ngoài nội dung được sửa đổi, bổ sung tại Phụ Lục 02, các nội dung khác của Hợp Đồng và các phụ lục (nếu có) vẫn giữ nguyên hiệu lực áp dụng. Trường hợp có mâu thuẫn về nội dung giữa Phụ Lục 02 với Hợp Đồng và các phụ lục (nếu có), thì nội dung của Phụ Lục 02 được ưu tiên áp dụng.

3. Phụ lục này được lập thành 04 bản gốc có giá trị như nhau, mỗi Bên giữ 02 bản để biết và thực hiện.



Nguyễn Khắc Sơn



Đinh Lê Hạch

[Handwritten signature]



XÁC NHẬN
NGHIỆM THU VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 8 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 444/TD-PCCC ngày 04/7/2016 và số 130/TD-PCCC-P3 ngày 31/01/2018 và biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC lập ngày 09/3/2018 của Cảnh sát PC&CC thành phố Hà Nội;

Sau khi xem xét hồ sơ và văn bản đề nghị nghiệm thu về PCCC số 12/CV-TBD ngày 27/02/2018 và số 114/CV-TBD ngày 07/8/2018 của Công ty cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương.

Người đại diện là Ông (bà): Đinh Lê Hạnh

Chức danh: Chủ tịch HĐQT

CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY TP HÀ NỘI
XÁC NHẬN

Công trình: Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, điện tử cho thuê.

Địa điểm: Lô 44D Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương.

Được xác nhận nghiệm thu về PCCC gồm:

- Bậc chịu lửa, bố trí mặt bằng, giao thông phục vụ chữa cháy, khoảng cách PCCC, lối ra thoát nạn;
- Hệ thống báo cháy tự động, phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn;
- Hệ thống chữa cháy Sprinkler tự động, hòng nước chữa cháy trong nhà, hòng nhận nước từ xe chữa cháy, trang bị bình chữa cháy;
- Giải pháp chống tụ khói;
- Nguồn điện cấp cho máy bơm chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác liên quan đến PCCC;

Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị nêu trong biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC lập ngày 09/3/2018 của Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố Hà Nội và cam kết của Chủ đầu tư.

- Duy trì liên tục các nội dung về giao thông, bố trí mặt bằng, lối ra thoát nạn, ngăn cháy lan, chế độ hoạt động của các hệ thống, thiết bị PCCC đã được lắp đặt như tại thời điểm kiểm tra nghiệm thu về PCCC./.

Nơi nhận:

- C66 - Bộ Công an (để báo cáo);
- Chủ đầu tư (để thực hiện);
- Phòng CS PC&CC số 6;
(để theo dõi)
- Lưu: Đ3 - P3.

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2018



Thiếu tướng Hoàng Quốc Định

CÔNG AN TP HÀ NỘI
PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY,
CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 295/PC07-CTPC

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2018

V/v thẩm duyệt thiết kế về PCCC đối
với hạng mục công trình: Điều chỉnh
bố trí mặt bằng, lối thoát nạn nhà
xưởng K36x247 thành 02 nhà
xưởng 36x136x2 và 36x105.

Kính gửi: Công ty cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hà Nội nhận được văn bản ngày 16/11/2018 (kèm hồ sơ) đề nghị thẩm duyệt thiết kế về PCCC đối với hạng mục công trình: Điều chỉnh bố trí mặt bằng, lối thoát nạn nhà xưởng K36x247 thành 02 nhà xưởng 36x136x2 và 36x105 thuộc công trình Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, điện tử cho thuê, tại lô 44D Khu công nghiệp Quang Minh, Mê Linh, thành phố Hà Nội do Công ty cổ phần đầu tư thương mại và thiết kế kỹ thuật Thanh Hà thiết kế và Quý công ty làm Chủ đầu tư.

Căn cứ văn bản xác nhận nghiệm thu về PCCC số 527/NT-PCCC-P3 ngày 08/8/2018 của Cảnh sát PC&CC thành phố Hà Nội (cũ).

Sau khi nghiên cứu hồ sơ, đối chiếu với các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định về PCCC hiện hành, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hà Nội có ý kiến như sau:

1. Hồ sơ thiết kế điều chỉnh bố trí mặt bằng, lối ra thoát nạn, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, hệ thống chữa cháy Sprinkler tự động, phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn, bình chữa cháy, giải pháp chống tụ khói đảm bảo theo quy định về PCCC hiện hành (bản vẽ MB-01; KT-01 đến KT-11; KC-01 đến KC-15; KCT-01 đến KCT-06; PCCC-01 đến PCCC-10; HK-01 đến HK-05).

2. Văn bản này chỉ có giá trị đối với các yêu cầu về PCCC; xây dựng phương án đảm bảo an toàn PCCC trong quá trình thi công, chỉ được phép đưa hạng mục công trình vào sử dụng sau khi thi công đúng thiết kế đã thẩm duyệt và được cấp văn bản xác nhận nghiệm thu về PCCC theo quy định.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hà Nội thông báo để Chủ đầu tư biết, tổ chức thực hiện.

Nơi nhận:

- C07 - Bộ Công an;
- Đ/c Đại tá Nguyễn Tuấn Anh - PGĐ;
(để báo cáo)
- Như trên (để thực hiện);
- Công an huyện Mê Linh;
(thuộc công trình loại I)
- Lưu: VT, CTPC.

TRƯỞNG PHÒNG



Trung tá Phạm Trung Hiếu



XÁC NHẬN
NGHIỆM THU VỀ PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY

Căn cứ Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Điều 8 Thông tư số 66/2014/TT-BCA ngày 16/12/2014 của Bộ Công an quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị định số 79/2014/NĐ-CP ngày 31/7/2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Phòng cháy và chữa cháy;

Căn cứ Giấy chứng nhận thẩm duyệt về PCCC số 444/TD-PCCC ngày 04/7/2016 và số 130/TD-PCCC-P3 ngày 31/01/2018 và biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC lập ngày 09/3/2018 của Cảnh sát PC&CC thành phố Hà Nội;

Sau khi xem xét hồ sơ và văn bản đề nghị nghiệm thu về PCCC số 12/CV-TBD ngày 27/02/2018 và số 114/CV-TBD ngày 07/8/2018 của Công ty cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương.

Người đại diện là Ông (bà): Đinh Lê Hạnh Chức danh: Chủ tịch HĐQT

CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY VÀ CHỮA CHÁY TP HÀ NỘI
XÁC NHẬN

Công trình: Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, điện tử cho thuê.

Địa điểm: Lô 44D Khu công nghiệp Quang Minh, huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

Chủ đầu tư: Công ty cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương.

Được xác nhận nghiệm thu về PCCC gồm:

- Bậc chịu lửa, bố trí mặt bằng, giao thông phục vụ chữa cháy, khoảng cách PCCC, lối ra thoát nạn;
- Hệ thống báo cháy tự động, phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn;
- Hệ thống chữa cháy Sprinkler tự động, họng nước chữa cháy trong nhà, họng nhận nước từ xe chữa cháy, trang bị bình chữa cháy;
- Giải pháp chống tụ khói;
- Nguồn điện cấp cho máy bơm chữa cháy và các hệ thống kỹ thuật khác liên quan đến PCCC;

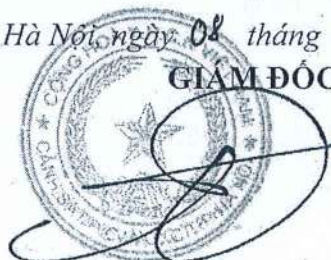
Các yêu cầu kèm theo:

- Thực hiện đầy đủ các kiến nghị nêu trong biên bản kiểm tra nghiệm thu về PCCC lập ngày 09/3/2018 của Cảnh sát Phòng cháy và chữa cháy thành phố Hà Nội và cam kết của Chủ đầu tư.
- Duy trì liên tục các nội dung về giao thông, bố trí mặt bằng, lối ra thoát nạn, ngăn cháy lan, chế độ hoạt động của các hệ thống, thiết bị PCCC đã được lắp đặt như tại thời điểm kiểm tra nghiệm thu về PCCC./.

Nơi nhận:

- C66 - Bộ Công an (để báo cáo);
- Chủ đầu tư (để thực hiện);
- Phòng CS PC&CC số 6;
(để theo dõi)
- Lưu: Đ3 - P3.

Hà Nội, ngày 08 tháng 8 năm 2018



Thiếu tướng Hoàng Quốc Định

CÔNG AN TP HÀ NỘI
PHÒNG CẢNH SÁT PHÒNG CHÁY,
CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN, CỨU HỘ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 295/PC07-CTPC

Hà Nội, ngày 23 tháng 11 năm 2018

V/v thẩm duyệt thiết kế về PCCC đối
với hạng mục công trình: Điều chỉnh
bố trí mặt bằng, lối thoát nạn nhà
xưởng K36x247 thành 02 nhà
xưởng 36x136x2 và 36x105.

Kính gửi: Công ty cổ phần công nghiệp Thái Bình Dương

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hà Nội nhận được văn bản ngày 16/11/2018 (kèm hồ sơ) đề nghị thẩm duyệt thiết kế về PCCC đối với hạng mục công trình: Điều chỉnh bố trí mặt bằng, lối thoát nạn nhà xưởng K36x247 thành 02 nhà xưởng 36x136x2 và 36x105 thuộc công trình Nhà máy sản xuất vật liệu xây dựng, cơ khí, điện tử cho thuê, tại lô 44D Khu công nghiệp Quang Minh, Mê Linh, thành phố Hà Nội do Công ty cổ phần đầu tư thương mại và thiết kế kỹ thuật Thanh Hà thiết kế và Quý công ty làm Chủ đầu tư.

Căn cứ văn bản xác nhận nghiệm thu về PCCC số 527/NT-PCCC-P3 ngày 08/8/2018 của Cảnh sát PC&CC thành phố Hà Nội (cũ).

Sau khi nghiên cứu hồ sơ, đối chiếu với các quy chuẩn, tiêu chuẩn và quy định về PCCC hiện hành, Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hà Nội có ý kiến như sau:

1. Hồ sơ thiết kế điều chỉnh bố trí mặt bằng, lối ra thoát nạn, hệ thống báo cháy tự động, hệ thống họng nước chữa cháy trong nhà, hệ thống chữa cháy Sprinkler tự động, phương tiện chiếu sáng sự cố, chỉ dẫn thoát nạn, bình chữa cháy, giải pháp chống tụ khối đảm bảo theo quy định về PCCC hiện hành (bản vẽ MB-01; KT-01 đến KT-11; KC-01 đến KC-15; KCT-01 đến KCT-06; PCCC-01 đến PCCC-10; HK-01 đến HK-05).

2. Văn bản này chỉ có giá trị đối với các yêu cầu về PCCC; xây dựng phương án đảm bảo an toàn PCCC trong quá trình thi công, chỉ được phép đưa hạng mục công trình vào sử dụng sau khi thi công đúng thiết kế đã thẩm duyệt và được cấp văn bản xác nhận nghiệm thu về PCCC theo quy định.

Phòng Cảnh sát PCCC&CNCH - Công an thành phố Hà Nội thông báo để Chủ đầu tư biết, tổ chức thực hiện. /

Nơi nhận:

- C07 - Bộ Công an;
- Đ/c Đại tá Nguyễn Tuấn Anh - PGD;
(để báo cáo)
- Như trên (để thực hiện);
- Công an huyện Mê Linh;
(thuộc công trình loại I)
- Lưu: VT, CTPC.

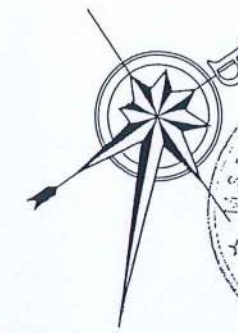
TRƯỞNG PHÒNG



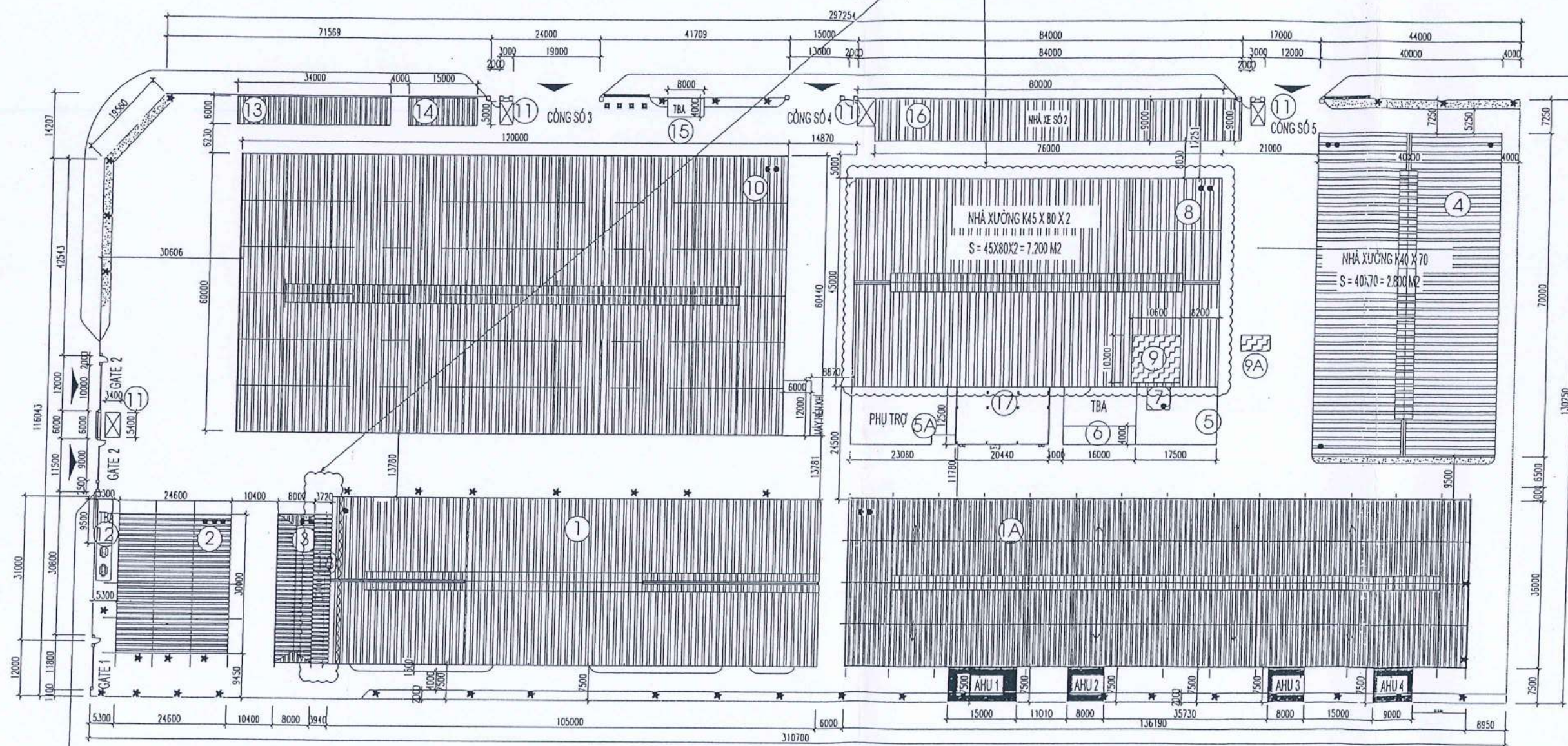
Trung tá Phạm Trung Hiếu

MẶT BẰNG TỔNG THỂ

VỊ TRÍ HẠNG MỤC XIN THẨM DUYỆT



ĐƯỜNG 24M - KHU CÔNG NGHIỆP QUANG MINH



BẢNG CHI TIÊU QUY HOẠCH NHÀ MÁY

DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT (m ²)	40,431.40
DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	24,652.33
DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	34,768.13
DIỆN TÍCH CÂY XANH (m ²)	1,500.00
DIỆN TÍCH SÀN ĐƯỜNG (m ²)	14,279.07
MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	60.97
TỶ LỆ CÂY XANH (%)	3.71
TỶ LỆ SÀN ĐƯỜNG (%)	35.32
HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT (lần)	0.86
TẦNG CAO TRUNG BÌNH (tầng)	1.41

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH

STT	TÊN HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	DIỆN TÍCH SÀN XD (m ²)	SỐ TẦNG	GHI CHÚ
1	Nhà xưởng K45x80x2	3,600.00	7,200.00	2	
17	Nhà canteen	119.04	119.04	1	
	Hạng mục đã thẩm duyệt				
1	Nhà xưởng K36x105	3,780.00	3,780.00	1	
1A	Nhà xưởng K36x126x2	4,902.84	9,805.68	2	
2	Nhà xe số 1	738.00	2,214.00	3	
3	Nhà xe nâng	256.00	512.00	2	
4	Nhà xưởng K40x70	2,800.00	2,800.00	1	
5	Nhà cơ điện	137.60	137.60	1	
5A	Nhà máy nén khí	247.50	247.50	1	
6	Trạm biến áp nhà để máy phát điện	21.00	21.00	1	
7	Nhà máy bơm PCCC	25.00	25.00	1	
9A	Bể nước ngầm	-	-	-	
10	Nhà xưởng K60x120x2	7,200.00	14,400.00	2	
11	Nhà bảo vệ	60.00	60.00	1	4 nhà
12	Bể nước ngầm số 2	-	-	-	
13	Nhà phụ trợ	204.00	204.00	1	
14	Nhà rác	90.00	90.00	1	
15	Trạm biến áp số 2	31.35	31.35	1	
16	Nhà xe số 2	400.00	400.00	1	
1	TỔNG	24,652.33	34,768.13		

ĐI CAO TỐC THĂNG LONG - NỘI BÀI

ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT: KINH DOANH NHÀ MÁY, HUYỆN THẠCH THẠNH, TP. HÀ NỘI

CHỦ ĐẦU TƯ:

CÔNG TY TNHH
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PVN

ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT: KINH DOANH NHÀ MÁY, HUYỆN THẠCH THẠNH, TP. HÀ NỘI

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐTM & TKKT
THANH HÀ

ĐỊA CHỈ LÔ ĐẤT: KINH DOANH NHÀ MÁY, HUYỆN THẠCH THẠNH, TP. HÀ NỘI

CHỦ TỊCH HĐQT:

LÊ THỊ HỒNG VÂN

CHỦ TRÌ:

NGUYỄN THẾ ANH

THIẾT KẾ:

LÊ NGỌC ANH

KIỂM:

NGUYỄN THẾ ANH

TÊN BẢN VẼ:
TỔNG MẶT BẰNG

HẠNG MỤC:
NHÀ XƯỞNG 45X80X2

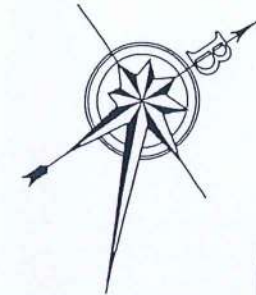
BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

NGÀY HOÀN THÀNH: / /2022

TÝ LỆ: KÝ HIỆU:
QH-01

TỔNG MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ

VỊ TRÍ HẠNG MỤC XIN THẨM DUYỆT



ĐƠN CHẾ LỘ HẠNG MỤC XIN THẨM DUYỆT

CHỦ ĐẦU TƯ

CÔNG TY TNHH
THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PVN

ĐƠN CHẾ LỘ HẠNG MỤC XIN THẨM DUYỆT

ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐTM & TKKT
THANH HÀ

ĐƠN CHẾ LỘ HẠNG MỤC XIN THẨM DUYỆT

CHỦ TỊCH HĐQT:

LÊ THỊ HỒNG VÂN

CHỦ TRÌ:

NGUYỄN THẾ ANH

THIẾT KẾ:

LÊ NGỌC ANH

KIỂM:

NGUYỄN THẾ ANH

TÊN BẢN VẼ:

TỔNG MẶT BẰNG ĐỊNH VỊ

HẠNG MỤC:

NHÀ XƯỞNG 45X80X2

BỘ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG

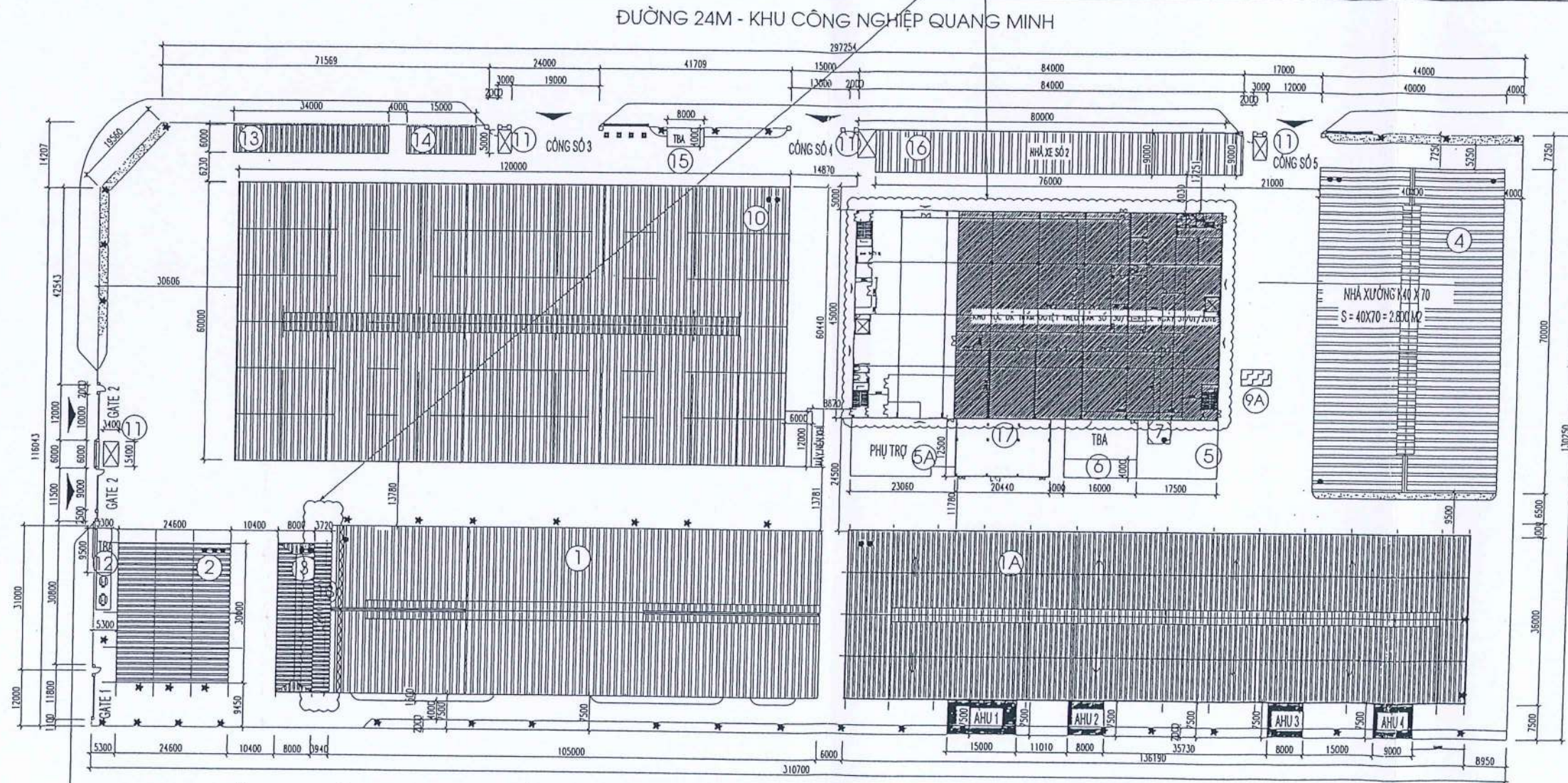
NGÀY HOÀN THÀNH: / /2022

TÝ LỆ:

KÝ HIỆU:

QH-02

ĐƯỜNG BỀ TỔNG 36M - KHU CÔNG NGHIỆP QUANG MINH



BẢNG CHI TIÊU QUY HOẠCH NHÀ MÁY

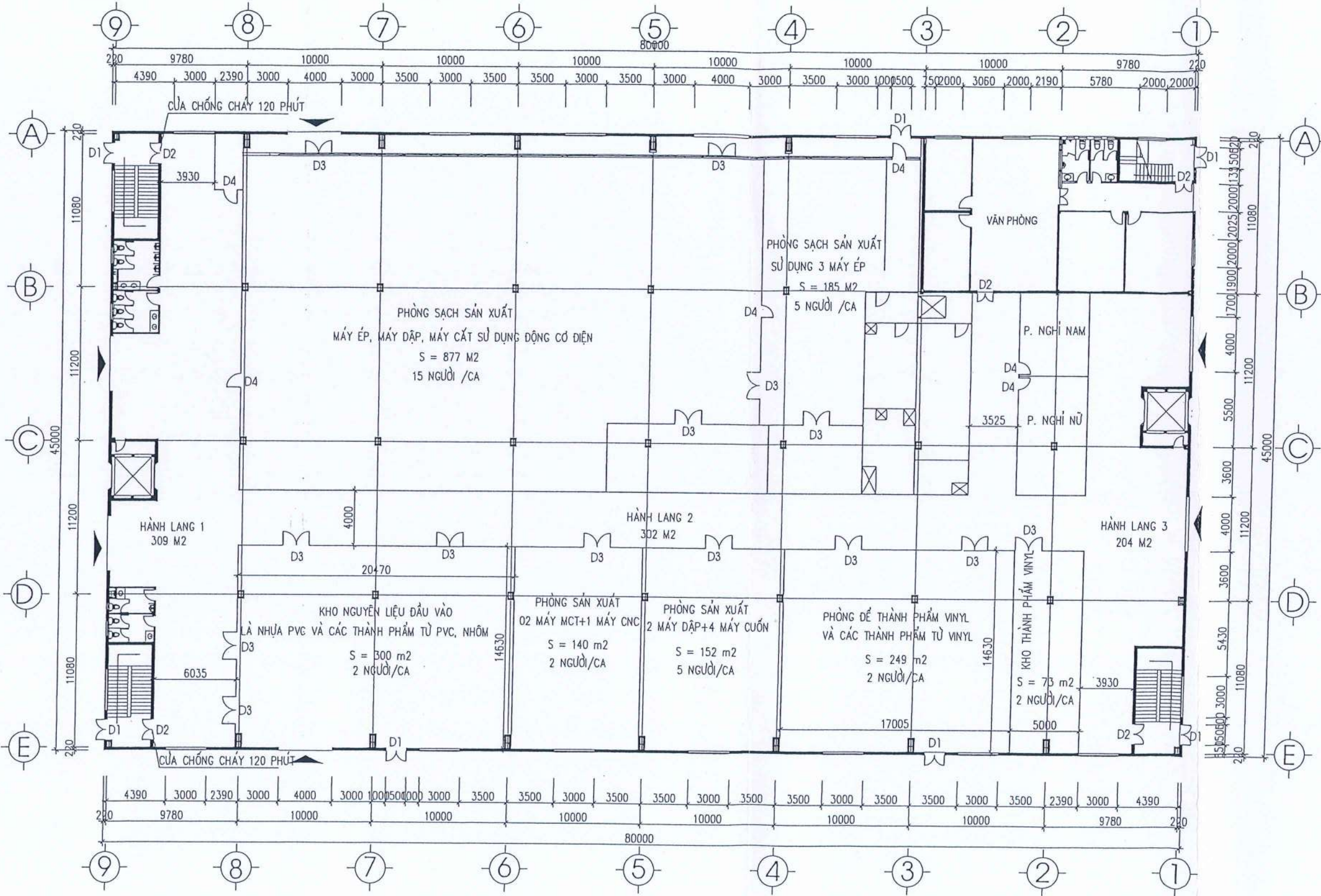
DIỆN TÍCH LÔ ĐẤT (m ²)	40.431.40
DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	24.652.33
DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG (m ²)	34.768.13
DIỆN TÍCH CÂY XANH (m ²)	1.500.00
DIỆN TÍCH SÂN ĐƯỜNG (m ²)	14.279.07
MẬT ĐỘ XÂY DỰNG (%)	60.97
TỶ LỆ CÂY XANH (%)	3.71
TỶ LỆ SÂN ĐƯỜNG (%)	35.32
HỆ SỐ SỬ DỤNG ĐẤT (h _{sd})	0.86
TẦNG CAO TRUNG BÌNH (t _{tb})	1.41

BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH

STT	TÊN HẠNG MỤC	DIỆN TÍCH XÂY DỰNG (m ²)	DIỆN TÍCH SÀN XD (m ²)	SỐ TẦNG	GHI CHÚ
1	Nhà xưởng K45x80x2	3.600.00	7.200.00	2	
17	Nhà carven	119.04	119.04	1	
	Hạng mục đã thẩm duyệt				
1	Nhà xưởng K36x105	3.780.00	3.780.00	1	
1A	Nhà xưởng K36x136x2	4.902.84	9.805.68	2	
2	Nhà xe số 1	728.00	2.514.00	2	
3	Nhà xe số 2	256.00	312.00	2	
4	Nhà xưởng K40x70	2.800.00	2.800.00	1	
5	Nhà xe điện	127.60	127.60	1	
5A	Nhà máy nén khí	282.30	282.30	1	
6	Trạm biến áp nhà để máy phát điện	21.00	21.00	1	
7	Nhà máy bơm PCCC	25.00	25.00	1	
	VVA bể nước ngầm				
10	Nhà xưởng K60x120x2	7.200.00	14.400.00	2	
11	Nhà bảo vệ	60.00	60.00	1	4 nhà
12	Bể nước ngầm số 2				
12	Nhà phụ trợ	204.00	204.00	1	
14	Nhà rác	90.00	90.00	1	
15	Trạm biến áp số 2	21.33	21.33	1	
16	Nhà xe số 2	400.00	400.00	1	
1	TỔNG	24.652.33	34.768.13		

ĐI CAO TỐC THĂNG LONG - NỘI BÀI

MẶT BẰNG ĐÃ THẨM DUYỆT SỐ 130 TẦNG 1 NHÀ XƯỞNG



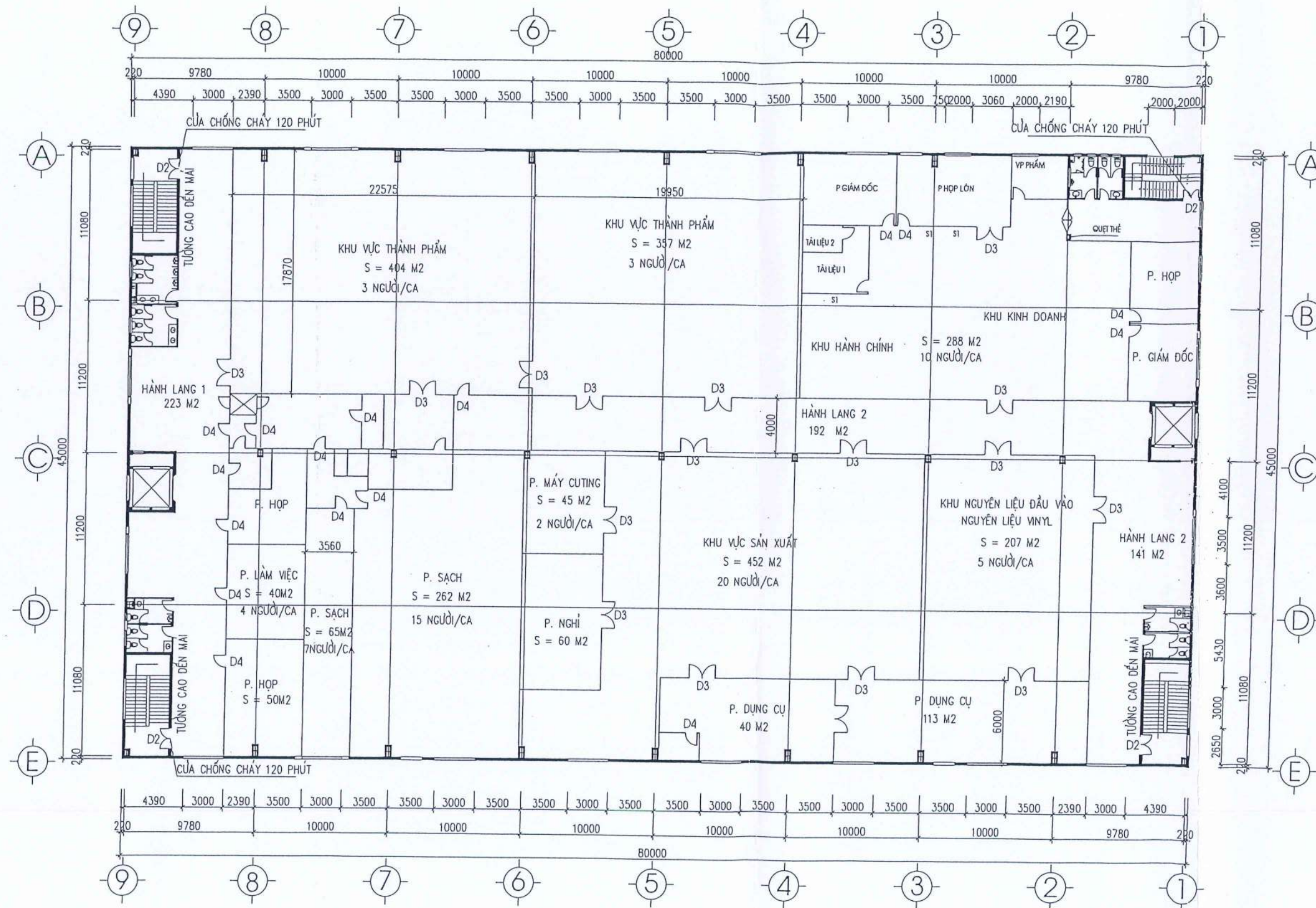
KÝ HIỆU:

- VÁCH PANEL
- TƯỜNG GẠCH DÀY 220
- TƯỜNG GẠCH DÀY 110

- GHI CHÚ :
- TẤT CẢ CÁC CỘT NHÀ XƯỞNG ĐỀU ĐƯỢC BỌC BẰNG TƯỜNG GẠCH XÂY ĐẢM BẢO GIỚI HẠN CHỊU LỬA 120 PHÚT
 - BƯỜNG THANG BỘ ĐƯỢC XÂY BẰNG TƯỜNG GẠCH 220mm, CAO ĐẾN MÁI VÀ SỬ DỤNG CỬA CHỐNG CHÁY 120 PHÚT
 - KHU VĂN PHÒNG NGĂN VỚI XƯỞNG BẰNG TƯỜNG GẠCH 220mm, CAO ĐẾN MÁI VÀ SỬ DỤNG CỬA CHỐNG CHÁY 70 PHÚT
 - NHÀ XƯỞNG THUỘC HẠNG SẢN XUẤT C

HIỆU CHỈNH		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
CÔNG TY CỔ PHẦN PVN		
NHÀ MÁY PVN		
THÀNH PHỐ HÀ NỘI		
CHỦ ĐẦU TƯ:		
CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PVN		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ:		
CÔNG TY CỔ PHẦN ĐTM & TKKT THANH HÀ		
CHỦ TỊCH ĐOẠT:		
LÊ THỊ HỒNG VÂN		
CHỦ TRÌ:		
NGUYỄN THẾ ANH		
THIẾT KẾ:		
LÊ NGỌC ANH		
KIỂM:		
NGUYỄN THẾ ANH		
TÊN BẢN VẼ:		
MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG TẦNG 1		
HẠNG MỤC:		
NHÀ XƯỞNG 45X80X2		
BỘ HỒ SƠ: THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		
NGÀY HOÀN THÀNH: / /2022		
TÝ LỆ:	KÝ HIỆU:	
	KT-01	

MẶT BẰNG ĐÃ THẨM DUYỆT SỐ 130 TẦNG 2 NHÀ XƯỞNG



KÝ HIỆU:

- VÁCH PANEL
- TƯỜNG GẠCH DÀY 220
- TƯỜNG GẠCH DÀY 110

- GHI CHÚ :
- TẤT CẢ CÁC CỘT NHÀ XƯỞNG ĐỀU ĐƯỢC BỌC BẰNG TƯỜNG GẠCH XÂY DÁM BẢO GIỚI HẠN CHỊU LỬA 120 PHÚT
 - BƯỜNG THANG BỘ ĐƯỢC XÂY BẰNG TƯỜNG GẠCH 220mm, CAO ĐẾN MÁI VÀ SỬ DỤNG CỬA CHỐNG CHÁY 120 PHÚT
 - NHÀ XƯỞNG THUỘC HẠNG SẢN XUẤT C

HIỆU CHỈNH		
LẦN	NGÀY	XÁC NHẬN
M.S.D.N: 1001007956 CÔNG TY CỔ PHẦN PVN THÀNH PHỐ HÀ NỘI M.S.D.N: 1001007955 CÔNG TY CỔ PHẦN PVN THÀNH PHỐ HÀ NỘI		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PVN		
ĐƠN VỊ THIẾT KẾ: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐTM & TKKT THANH HÃ		
CHỦ ĐẦU TƯ: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ PVN		
CHỦ TỊCH HỘI: LÊ THỊ HỒNG VÂN		
CHỦ TRÌ: NGUYỄN THẾ ANH		
THIẾT KẾ: LÊ NGỌC ANH		
KIỂM: NGUYỄN THẾ ANH		
TÊN BẢN VẼ: MẶT BẰNG HIỆN TRẠNG TẦNG 2		
HẠNG MỤC: NHÀ XƯỞNG 45X80X2		
BỘ HỒ SƠ THIẾT KẾ BẢN VẼ THI CÔNG		
NGÀY HOÀN THÀNH: / /2022		
TÝ LỆ:	KÝ HIỆU:	
	KT-02	

CÔNG TY CỔ PHẦN PVN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **09** /CV-UQ

V/v Ủy quyền cho đơn vị tư vấn đi nộp
báo cáo Đăng ký môi trường

Hà Nội, ngày **8** tháng **9** năm 2026

GIẤY ỦY QUYỀN

- Căn cứ Bộ luật dân sự số 91/2015/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 10 thông qua ngày 24/11/2015;

- Căn cứ vào thỏa thuận Hợp đồng giữa 2 bên.

- Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của các bên.

A. NGƯỜI ỦY QUYỀN:

- Ông: Nguyễn Thế Duẩn

- Chức vụ: Giám đốc

- Đơn vị công tác: Công ty Cổ phần PVN.

B. NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN:

- Ông: Phạm Văn Tuấn

Chức vụ: Giám đốc

- Số CMND: 001082011831 Ngày cấp: 24/7/2021. Nơi cấp: Cục Cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội.

- Đơn vị tư vấn: Công ty TNHH Tư vấn đầu tư xây dựng và Công nghệ môi trường Vina.

C. NỘI DUNG ỦY QUYỀN:

- Giải quyết các vấn đề liên quan đến việc nộp báo cáo Đăng ký môi trường Dự án “Sản xuất tem nhãn giấy, vinyl dùng cho sản phẩm đồ gia dụng, điện tử, tem tiêu hao sản xuất” của Công ty Cổ phần PVN.

- Yêu cầu ông Phạm Văn Tuấn thực hiện đúng trách nhiệm đã được ủy quyền nêu trên và phải chịu trách nhiệm trước pháp luật hiện hành của nhà nước về việc đã được ủy quyền.

NGƯỜI ỦY QUYỀN

NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thế Duẩn

Hà Nội, ngày 8 tháng 9 năm 2026

V/v báo cáo đăng ký môi trường
Dự án “Sản xuất tem nhãn giấy, vinyl
dùng cho sản phẩm đồ gia dụng, điện
tử, tem tiêu hao sản xuất”

Kính gửi: Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp
thành phố Hà Nội

Công ty Cổ phần PVN là Chủ đầu tư Dự án “Sản xuất tem nhãn giấy, vinyl dùng cho sản phẩm đồ gia dụng, điện tử, tem tiêu hao sản xuất”, thuộc đối tượng phải đăng ký môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2022 (được sửa đổi, bổ sung tại Luật số 146/2025/QH15 ngày 11/12/2025), Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ (được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 48/NĐ-CP ngày 29/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025), Nghị quyết số 66.19/2026/NQ-CP ngày 18/5/2026 của Chính phủ về cắt giảm, phân quyền, đơn giản hoá thủ tục hành chính và cắt giảm, đơn giản hoá điều kiện kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Địa chỉ liên hệ: Lô 44D, KCN Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội (thuê lại nhà xưởng của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thái Bình Dương).

Địa điểm thực hiện Dự án: Lô 44D, KCN Quang Minh, xã Quang Minh, thành phố Hà Nội (thuê lại nhà xưởng của Công ty Cổ phần Công nghiệp Thái Bình Dương). Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp: 1001007955 do Phòng Đăng ký kinh doanh – Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cũ (nay là Sở Tài chính thành phố Hà Nội), cấp lần đầu ngày 22/5/2013, thay đổi lần thứ 6 ngày 30/9/2022.

Chủ Dự án: Công ty Cổ phần PVN

Chúng tôi gửi đến Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội hồ sơ gồm: Một (01) bản báo cáo đăng ký môi trường Dự án.

Chúng tôi cam kết bảo đảm về độ trung thực của các số liệu, tài liệu trong các văn bản nêu trên. Nếu có gì sai trái, chúng tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật của Việt Nam.

Kính đề nghị Ban Quản lý các khu công nghệ cao và khu công nghiệp thành phố Hà Nội sớm xem xét, tiếp nhận đăng ký môi trường của Dự án.

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN PVN



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Thế Duẩn